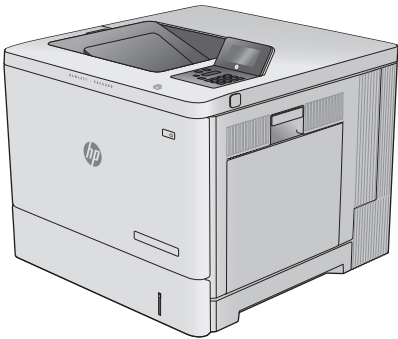




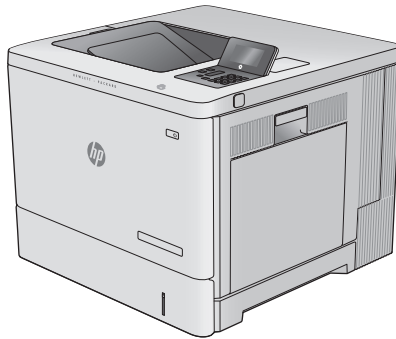
Color LaserJet Enterprise M552

Color LaserJet Enterprise M553

Hướng dẫn Sử dụng



M553n



M552dn
M553dn



M553x



www.hp.com/support/colorljM552
www.hp.com/support/colorljM553



HP Color LaserJet Enterprise M552, M553

Hướng dẫn sử dụng

Bản quyền và giấy phép

© Copyright 2015 HP Development Company, L.P.

Nghiêm cấm việc sao chép lại, phóng tác hoặc dịch mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ trường hợp được luật bản quyền cho phép.

Thông tin có trong tài liệu này có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.

Các bảo hành duy nhất dành cho các sản phẩm và dịch vụ HP đều được lập ra ở trên trong các bản tuyên bố bảo hành rõ ràng đi cùng với những sản phẩm và dịch vụ như thế. Không có gì trong tài liệu này được hiểu như là sự tạo thành một bảo hành phụ. HP sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với các lỗi hoặc sai sót kỹ thuật hoặc biên tập ở trong tài liệu này.

Edition 2, 1/2019

Công nhận nhãn hiệu

Adobe®, Adobe PhotoShop®, Acrobat® và PostScript® là các nhãn hiệu của Adobe Systems Incorporated.

Apple và logo Apple là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc., đã được đăng ký ở Hoa Kỳ và các quốc gia/vùng lãnh thổ khác. iPod là nhãn hiệu của Apple Computer, Inc. iPod chỉ dành cho các bản sao được chủ bản quyền hoặc pháp luật cho phép. Không được ăn cắp nhạc.

Microsoft®, Windows®, Windows® XP và Windows Vista® là các thương hiệu đã đăng ký ở Hoa Kỳ của Microsoft Corporation.

UNIX® là nhãn hiệu thương mại đã được đăng ký của The Open Group.

Mục lục

1 Tổng quan sản phẩm	1
Hình ảnh sản phẩm	2
Mặt trước của sản phẩm	2
Mặt sau của sản phẩm	4
Các cổng giao diện	5
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn)	5
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x)	6
Thông số kỹ thuật của sản phẩm	7
Thông số kỹ thuật	8
Các hệ điều hành được hỗ trợ	9
Giải pháp in di động	11
Kích thước sản phẩm	12
Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn	14
Phạm vi môi trường sử dụng	15
Cài đặt phần cứng sản phẩm và cài đặt phần mềm	16
2 Khay giấy	17
Nạp Khay 1	18
Giới thiệu	18
Hướng giấy khay 1	19
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	21
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm	21
In bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác (Windows)	21
Nạp Khay 2, 3, 4 và 5	22
Giới thiệu	22
Hướng giấy Khay 2, 3, 4 và 5	24
Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác	25
Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm	25
In bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác (Windows)	25

Nạp phong bì	26
Giới thiệu	26
Hướng Phong bì	26
Nạp và in nhãn	27
Giới thiệu	27
Tiếp nhãn theo cách thủ công	27
3 Mục in, phụ kiện và bộ phận	29
Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận	30
Đặt hàng	30
Mực in và phụ kiện	30
Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng	31
Thay thế hộp mực in	33
Giới thiệu	33
Thông tin về hộp mực in	33
Tháo và thay hộp mực	34
Thay bộ thu gom bột mực	38
Giới thiệu	38
Tháo và thay bộ thu gom bột mực	38
4 In	41
Thao tác in (Windows)	42
Cách in (Windows)	42
In tự động trên hai mặt (Windows)	43
In thủ công trên cả hai mặt (Windows)	43
In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)	44
Chọn loại giấy (Windows)	44
Tác vụ in bổ sung	45
Thao tác in (OS X)	46
Cách in (OS X)	46
Tự động in trên cả hai mặt (OS X)	46
In thủ công trên cả hai mặt (OS X)	46
In nhiều trang trên một tờ (OS X)	47
Chọn loại giấy (OS X)	47
Tác vụ in bổ sung	47
Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau	48
Giới thiệu	48
Tạo lệnh in đã lưu (Windows)	48
Tạo lệnh in đã lưu (OS X)	49

In lệnh in đã lưu	50
Xóa lệnh in đã lưu	51
In di động	52
Giới thiệu	52
In NFC và Wireless Direct	52
HP ePrint qua email	52
Phần mềm HP ePrint	53
AirPrint	54
In nhúng của Android	54
In từ cổng USB	55
Giới thiệu	55
Bật cổng USB để in	55
In tài liệu USB	56
5 Quản lý sản phẩm	57
Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)	58
Giới thiệu	58
Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	58
Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP	59
Tab Information (Thông Tin)	59
Tab General (Chung)	60
Tab Print (In)	60
Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)	61
Tab Security (Bảo mật)	61
Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)	62
Tab Networking (Hoạt động mạng)	62
Danh sách Other Links (Liên kết Khác)	64
Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X	65
Mở Tiện ích HP	65
Các tính năng của Tiện ích HP	65
Định cấu hình cài đặt mạng IP	67
Tự chối chia sẻ máy in	67
Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng	67
Đổi tên sản phẩm trên mạng	67
Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	68
Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công	69
Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết	69
Tính năng bảo mật sản phẩm	71
Giới thiệu	71

Tuyên bố bảo mật	71
Bảo mật IP	71
Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP	71
Đăng nhập vào sản phẩm	72
Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP	73
Khóa bộ định dạng	73
Cài đặt tiết kiệm	74
Giới thiệu	74
Tối ưu hóa tốc độ hoặc việc sử dụng năng lượng	74
Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình sản phẩm để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn	74
HP Web Jetadmin	76
Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở	77

6 Giải quyết sự cố 79

Hỗ trợ khách hàng	80
Hệ thống trợ giúp bằng điều khiển	81
Khôi phục cài đặt mặc định gốc	82
Giới thiệu	82
Khôi phục cài đặt gốc từ bảng điều khiển của sản phẩm	82
Khôi phục cài đặt gốc từ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các sản phẩm kết nối mạng)	82
Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm	84
Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)	84
Đối với các sản phẩm có tính năng fax	84
Đặt hàng mực in	85
Sản phẩm không nhận được giấy hoặc nạp giấy sai	86
Giới thiệu	86
Sản phẩm không nạp giấy	86
Sản phẩm nạp nhiều giấy	86
Xử lý kẹt giấy	87
Giới thiệu	87
Các vị trí kẹt giấy	87
Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt	88
Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?	88
Xử lý giấy kẹt trong khay 1	88
Xử lý giấy kẹt trong khay 2	90
Gỡ giấy kẹt trong các khay 550 tờ tùy chọn	92
Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải và khu vực cuộn sấy	95
Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra	100

Cải thiện chất lượng in	102
Giới thiệu	102
In từ một chương trình phần mềm khác	102
Kiểm tra thiết đặt loại giấy cho lệnh in	102
Kiểm tra thiết đặt loại giấy (Windows)	102
Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)	103
Kiểm tra tình trạng hộp mực in	103
Lau dọn sản phẩm	103
In một trang lau dọn	103
Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường	104
Kiểm tra môi trường in và giấy	104
Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP	104
Bước hai: Kiểm tra môi trường	104
Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ	105
Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu	105
Kiểm tra các cài đặt lệnh in khác	106
Điều chỉnh thiết đặt màu (Windows)	106
Thử trình điều khiển in khác	107
Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây	109
Giới thiệu	109
Kết nối vật lý kém	109
Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này	109
Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm	109
Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này	110
Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích	110
Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai	110
Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai	110
Bảng chú dẫn	111

1 Tổng quan sản phẩm

- [Hình ảnh sản phẩm](#)
- [Thông số kỹ thuật của sản phẩm](#)
- [Cài đặt phần cứng sản phẩm và cài đặt phần mềm](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

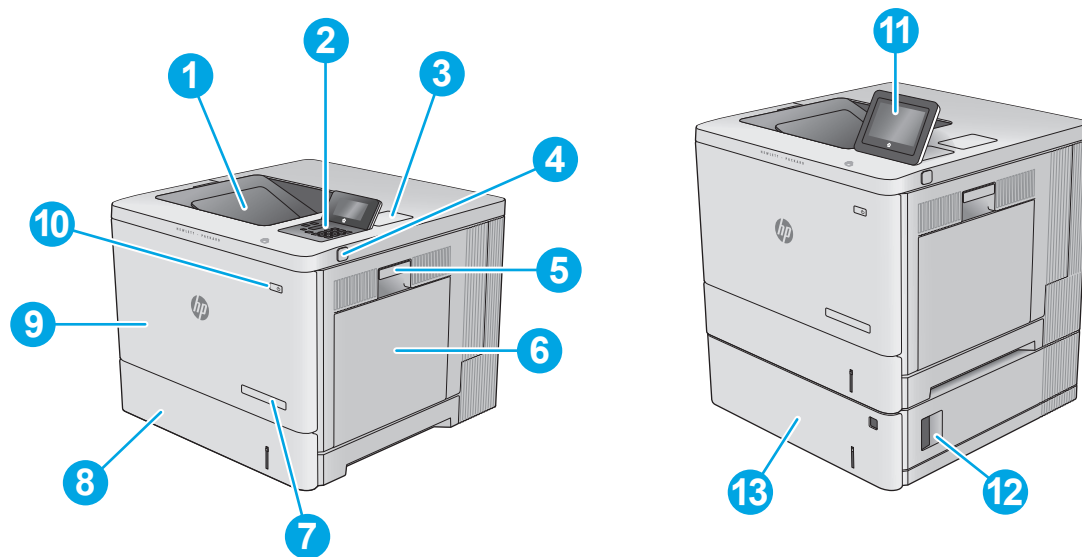
Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hình ảnh sản phẩm

- [Mặt trước của sản phẩm](#)
- [Mặt sau của sản phẩm](#)
- [Các cổng giao diện](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn\)](#)
- [Giao diện bảng điều khiển \(bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x\)](#)

Mặt trước của sản phẩm

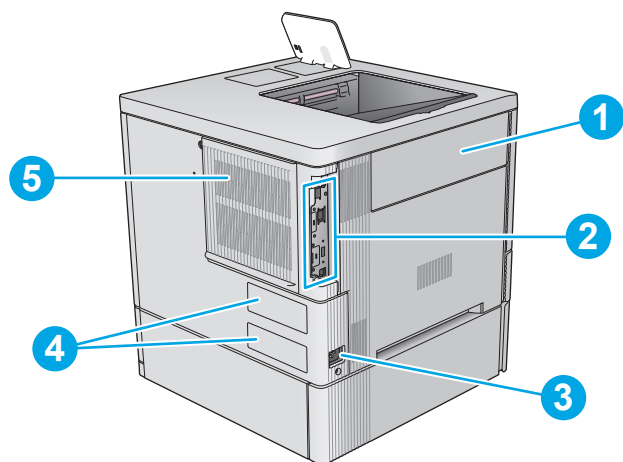


1	Ngăn giấy ra chuẩn
2	Bảng điều khiển LCD 4 dòng có bàn phím (chỉ có ở kiểu n và dn)
3	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị bên thứ ba (chỉ kiểu dn và x)
4	Cổng Easy-access USB Cắm ổ flash USB để in mà không cần máy tính hoặc để nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm. GHI CHÚ: Người quản trị phải bật cổng này trước khi sử dụng.
5	Cửa bên phải (cửa vào cuộn sấy và để xử lý giấy kẹt)
6	Khay 1
7	Tên kiểu
8	Khay 2
9	Cửa trước (cửa vào hộp mực in)
10	Nút bật/tắt
11	Bảng điều khiển có màn hình cảm ứng (chỉ có ở kiểu x)

12	Cửa bên phải phía dưới cho khay nạp 1 x 550 tờ (cửa vào xử lý giấy kẹt)
13	Khay 1 x 550 tờ, Khay 3 (đi kèm với kiểu x, tùy chọn đối với các kiểu khác)

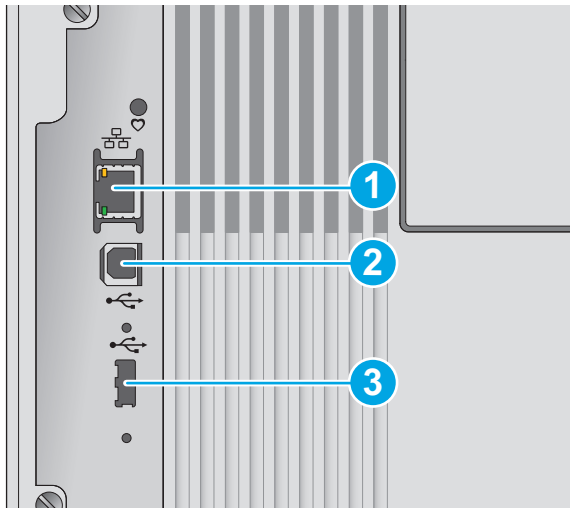
GHI CHÚ: Kiểu M552 chấp nhận một khay nạp giấy 1 x 550 tờ. Kiểu M553 chấp nhận tối đa ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ.

Mặt sau của sản phẩm



- | | |
|---|--|
| 1 | Cửa bộ thu gom bột mực |
| 2 | Bộ định dạng (chứa các cổng giao tiếp) |
| 3 | Kết nối nguồn |
| 4 | Nhãn số sê-ri và số sản phẩm |
| 5 | Nắp bộ định dạng |

Các cổng giao diện

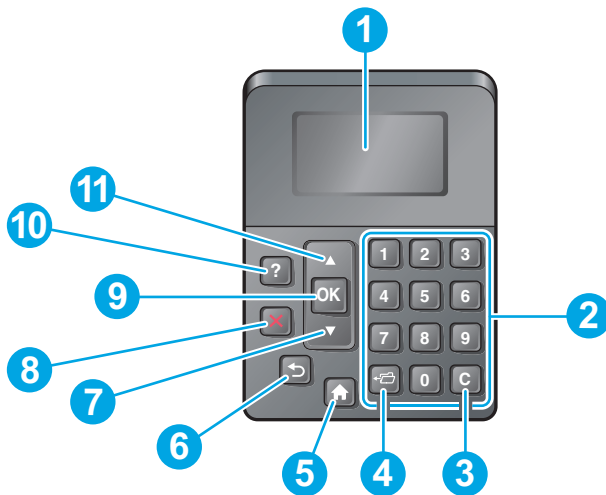


- | | |
|---|---|
| 1 | Cổng mạng Ethernet (RJ-45) mạng cục bộ (LAN) |
| 2 | Cổng in USB 2.0 tốc độ cao |
| 3 | Cổng USB để kết nối các thiết bị USB bên ngoài (cổng này có thể đóng) |

GHI CHÚ: Để in easy-access USB, dùng cổng USB gần bảng điều khiển.

Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển 4 dòng, chỉ có ở kiểu n và dn)

Dùng bảng điều khiển để lấy thông tin về sản phẩm và trạng thái lệnh và để lập cấu hình sản phẩm.





- | | | |
|---|--------------------------|--|
| 1 | Màn hình bảng điều khiển | Hiển thị thông tin trạng thái, các menu, thông tin trợ giúp và thông báo lỗi |
| 2 | Bàn phím số | Nhập giá trị số |
| 3 | Nút Clear (Xóa) | Trả giá trị về mặc định và đóng màn hình trợ giúp |
| 4 | Nút Folder (Thư mục) | Cung cấp truy cập nhanh đến menu Retrieve Job (Truy lục lệnh in) |

5	Nút Home (Màn hình chính)	Mở và đóng menu
6	Nút Back (Quay lại)	Trở lên một mức trong dạng cây của menu hoặc trở lên một mục nhập số
7	Mũi tên xuống	Điều hướng đến một mục kế tiếp trong danh sách, hoặc giảm giá trị của các mục số
8	Nút Stop (Dừng)	Hủy bỏ lệnh in hiện tại và xóa các trang khỏi sản phẩm
9	Nút OK	<ul style="list-style-type: none"> Lưu giá trị đã chọn cho một mục Thực hiện hành động được liên kết với mục, mục đó được tô sáng trên màn hình bảng điều khiển Xóa một điều kiện lỗi khi điều kiện đó có thể xóa bỏ
10	Nút Help (Trợ giúp)	Cung cấp thông tin về thông báo trên màn hình bảng điều khiển
11	Mũi tên lên	Điều hướng đến mục trước đó trong danh sách, hoặc tăng giá trị của các mục số

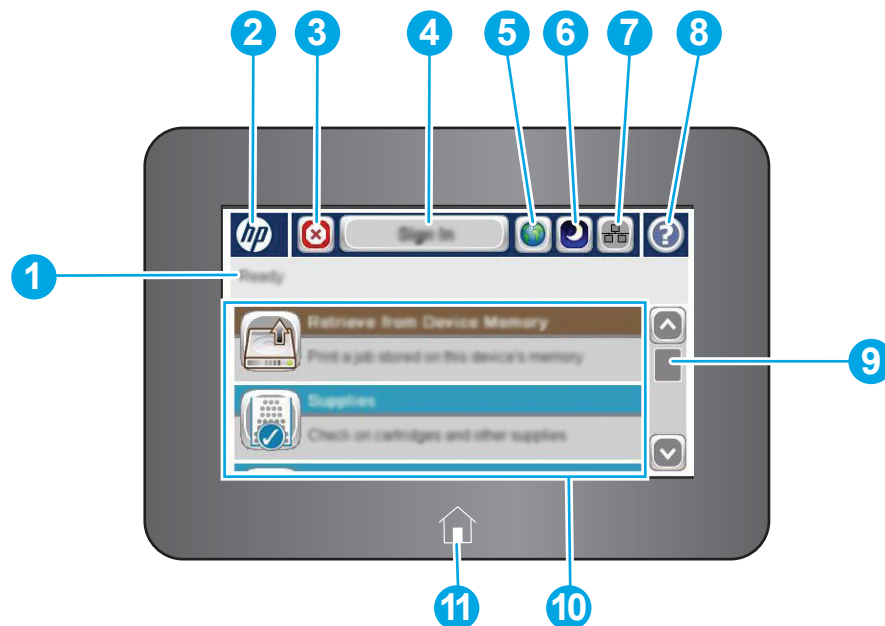
Giao diện bảng điều khiển (bảng điều khiển màn hình cảm ứng, chỉ có ở kiểu x)

GHI CHÚ: Nghiêng bảng điều khiển để dễ xem hơn.




Màn hình chính cung cấp truy cập vào các tính năng sản phẩm và cho biết trạng thái hiện thời của sản phẩm.

Trở lại Màn hình chính bất kỳ lúc nào bằng cách chạm vào nút Home  (Màn hình chính). Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) ở cạnh phía dưới của bảng điều khiển sản phẩm, hoặc chạm vào nút Home (Màn hình chính) ở góc trên bên trái của hầu hết màn hình.


GHI CHÚ: Các tính năng xuất hiện trên Màn hình chính có thể khác nhau, tùy thuộc vào cấu hình sản phẩm.



1 Trạng thái sản phẩm Dòng trạng thái cung cấp thông tin về trạng thái tổng thể của sản phẩm.

2	Logo HP hoặc nút Home (Màn hình chính)	Trên màn hình bất kỳ ngoài Màn hình chính, logo HP thay đổi thành nút Home  (Màn hình chính). Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) để trở về Màn hình chính.
3	Nút Stop (Dừng)	Chạm vào nút Stop (Dừng) để tạm dừng lệnh hiện tại. Màn hình Job Status (Tình trạng lệnh in) mở ra và cung cấp các tùy chọn để hủy bỏ hoặc tiếp tục lệnh.
4	Nút Sign In (Đăng nhập) hoặc Sign Out (Đăng xuất)	Chạm vào nút Sign In (Đăng nhập) để truy cập các tính năng được bảo mật. Chạm vào nút Sign Out (Đăng xuất) để đăng xuất khỏi sản phẩm. Sản phẩm lưu trữ tất cả tùy chọn về cài đặt mặc định.
5	Nút Language Selection (Lựa chọn Ngôn ngữ)	Chạm vào nút Lựa chọn Ngôn ngữ để chọn ngôn ngữ dành cho màn hình bằng điều khiển.
6	Nút Sleep (Dừng)	Chạm vào nút Dừng để chuyển sản phẩm về chế độ Nghỉ.
7	Nút Network (Mạng)	Chạm vào nút Mạng để tìm kiếm thông tin về kết nối mạng.
8	Nút Help (Trợ giúp)	Chạm vào nút Trợ giúp để mở hệ thống trợ giúp nhúng.
9	Thanh cuộn	Dùng thanh cuộn để xem toàn bộ danh sách về các tính năng sẵn dùng.
10	Tính năng	Tùy vào cấu hình sản phẩm, các tính năng xuất hiện trong khu vực này có thể gồm một trong những mục sau: <ul style="list-style-type: none"> • Save to Device Memory (Lưu vào bộ nhớ thiết bị) • Retrieve from USB (Truy xuất từ USB) • Retrieve from Device Memory (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị) • Job Status (Tình trạng lệnh in) • Supplies (Mực in) • Trays (Khay) • Administration (Quản trị) • Device Maintenance (Bảo trì Thiết bị)
11	Nút Home (Màn hình chính)	Chạm vào nút Home  (Màn hình chính) để trở lại Màn hình chính của sản phẩm bất kỳ lúc nào.

Thông số kỹ thuật của sản phẩm

 **QUAN TRỌNG:** Các thông số kỹ thuật sau đây là chính xác tại thời điểm xuất bản, nhưng có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

- [Thông số kỹ thuật](#)
- [Các hệ điều hành được hỗ trợ](#)
- [Giải pháp in di động](#)
- [Kích thước sản phẩm](#)
- [Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn](#)
- [Phạm vi môi trường sử dụng](#)

Thông số kỹ thuật

Tên kiểu		M552dn	M553n	M553dn	M553x
Số sản phẩm		B5L23A	B5L24A	B5L25A	B5L26A
Quản lý giấy in	Khay 1 (dung lượng 100 tờ)	✓	✓	✓	✓
	Khay 2 (dung lượng 550 tờ)	✓	✓	✓	✓
	Khay 3 (khay nạp giấy 1 x 550 tờ)	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	✓
	GHI CHÚ: Kiểu M552 chấp nhận một khay nạp giấy 1 x 550 tờ. Kiểu M553 chấp nhận tối đa ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ.				
	Đế máy in	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	In hai mặt tự động	✓	Không có sẵn	✓	✓
Kết nối	Kết nối LAN Ethernet 10/100/1000 với IPv4 và IPv6	✓	✓	✓	✓
	USB 2.0 Tốc độ Cao	✓	✓	✓	✓
	Cổng easy-access USB để in không cần máy tính và nâng cấp chương trình cơ sở	✓	✓	✓	✓
	Ổ tích hợp phần cứng để kết nối phụ kiện và các thiết bị của bên thứ ba	✓	Không được hỗ trợ	✓	✓
	Cổng USB bên trong của HP	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
	Phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Wireless để in từ các thiết bị di động	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Không được hỗ trợ
	Chức năng giao tiếp cận trường (NFC) và Wi-Fi Direct tích hợp của HP để in từ các thiết bị di động	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓
	Phụ kiện HP Jetdirect 2900nw Print Server để kết nối không dây	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Bộ nhớ	Bộ nhớ cơ bản 1 GB	✓	✓	✓	✓
	GHI CHÚ: Đối với kiểu M553, bộ nhớ cơ bản có thể mở rộng đến 2 GB bằng cách thêm mô-đun bộ nhớ DIMM. Kiểu M552 không hỗ trợ mở rộng bộ nhớ.				
	Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Không được hỗ trợ	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn

Tên kiểu		M552dn	M553n	M553dn	M553x
Số sản phẩm		B5L23A	B5L24A	B5L25A	B5L26A
Security (Bảo mật)	Mô-đun nền tảng HP Trusted để mã hóa mọi dữ liệu đi qua sản phẩm	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn	Tùy chọn
Màn hình và đầu vào của bảng điều khiển	Màn hình đồ họa 4 dòng có bàn phím gồm 10 phím	✓	✓	✓	Không được hỗ trợ
	Bảng điều khiển màn hình cảm ứng màu	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	Không được hỗ trợ	✓
In	In 33 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 35 ppm trên giấy Letter	✓			
	In 37 trang mỗi phút (ppm) trên giấy A4 và 40 ppm trên giấy Letter		✓	✓	✓
	In Easy-access USB (không yêu cầu máy tính)		✓	✓	✓

Các hệ điều hành được hỗ trợ

Thông tin sau đây áp dụng cho các trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt Windows PCL 6 và OS X và cho CD cài đặt phần mềm có trong hộp sản phẩm cụ thể.

Windows: CD cài đặt phần mềm HP cài đặt trình điều khiển “HP PCL.6” hoặc “HP PCL 6” phiên bản 3, tùy thuộc vào hệ điều hành Windows, cùng với phần mềm tùy chọn khi dùng bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh. Tải xuống trình điều khiển in “HP PCL-6” phiên bản 4 từ trang web hỗ trợ sản phẩm dành cho sản phẩm này: www.hp.com/support/colorijM552, www.hp.com/support/colorijM553.


Máy tính Mac và OS X: Máy tính Mac và thiết bị di động Apple được hỗ trợ cho sản phẩm này. Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm. Làm theo các bước sau để tải xuống phần mềm bộ cài đặt OS X:


1. Hãy truy cập www.hp.com/support/colorijM552, www.hp.com/support/colorijM553.
2. Chọn **Support Options** (Tùy chọn Hỗ trợ) và dưới **Download Options** (Tùy chọn Tải xuống), chọn **Drivers, Software & Firmware** (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở).
3. Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút **Download** (Tải xuống).

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows® XP SP3, 32-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt “HP PCL.6” được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows XP vào tháng 4/2009. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể dành cho hệ điều hành XP đã ngừng này.

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows Vista®, 32-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit.
Windows Server 2003 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển.	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này. Dùng trình điều khiển UPD cho hệ điều hành 64 bit. Microsoft đã không còn hỗ trợ chủ yếu cho Windows Server 2003 vào tháng 7/2010. HP sẽ tiếp tục cung cấp sự hỗ trợ tốt nhất có thể cho hệ điều hành Server 2003 đã ngừng này.
Windows 7 SP1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	
Windows 8, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Hỗ trợ Windows 8 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows 8.1, 32-bit và 64-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	Hỗ trợ Windows 8,1 RT được cung cấp qua Microsoft IN OS Phiên bản 4, trình điều khiển 32-bit.
Windows Server 2008 SP2, 32-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm cơ bản. Bộ cài đặt cơ bản chỉ cài đặt trình điều khiển	Bộ cài đặt phần mềm hoàn chỉnh không được hỗ trợ cho hệ điều hành này.
Windows Server 2008 SP2, 64-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	
Windows Server 2008 R2, SP 1, 64-bit	Trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" được cài đặt dành cho hệ điều hành này như là một phần của cài đặt phần mềm hoàn chỉnh.	
Windows Server 2012, 64-bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012 nhưng trình điều khiển sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" phiên bản 3 và "HP PCL-6" có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển từ trang web HP và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.

Hệ điều hành	Trình điều khiển được cài đặt	Lưu ý
Windows Server 2012 R2, 64 bit	Bộ cài đặt phần mềm không hỗ trợ Windows Server 2012 nhưng trình điều khiển in sản phẩm chuyên biệt "HP PCL 6" và "HP PCL-6" phiên bản 4 có hỗ trợ.	Tải xuống trình điều khiển từ trang web HP và dùng công cụ Windows Add Printer để cài đặt trình điều khiển.
OS X 10.7 Lion, OS X 10.8 Mountain Lion và OS X 10.9 Mavericks	Trình điều khiển in OS X và tiện ích in có sẵn để bạn tải xuống từ hp.com và cũng có sẵn qua Apple Software Update. Phần mềm bộ cài đặt HP cho OS X không có trên CD có trong hộp sản phẩm.	<p>Đối với OS X, tải xuống bộ cài đặt hoàn chỉnh từ trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm này.</p> <ol style="list-style-type: none"> Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553. Chọn Support Options (Tùy chọn Hỗ trợ) và dưới Download Options (Tùy chọn Tải xuống), chọn Drivers, Software & Firmware (Trình điều khiển, Phần mềm & Chương trình cơ sở). Bấm chọn phiên bản hệ điều hành rồi bấm vào nút Download (Tải xuống).


 **GHI CHÚ:** Để biết danh sách các hệ điều hành được hỗ trợ hiện nay, hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553 để được trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Để biết chi tiết về hệ điều hành máy khách và máy chủ và về thông tin hỗ trợ trình điều khiển HP UPD PCL6, UPD PCL 5 và UPD PS cho sản phẩm này, hãy truy cập www.hp.com/go/upd. Dưới **Additional information** (Thông tin bổ sung), bấm vào **Link to Supported products** (Liên kết đến Sản phẩm được hỗ trợ).

Giải pháp in di động

Sản phẩm hỗ trợ phần mềm để in di động sau:

- Phần mềm HP ePrint

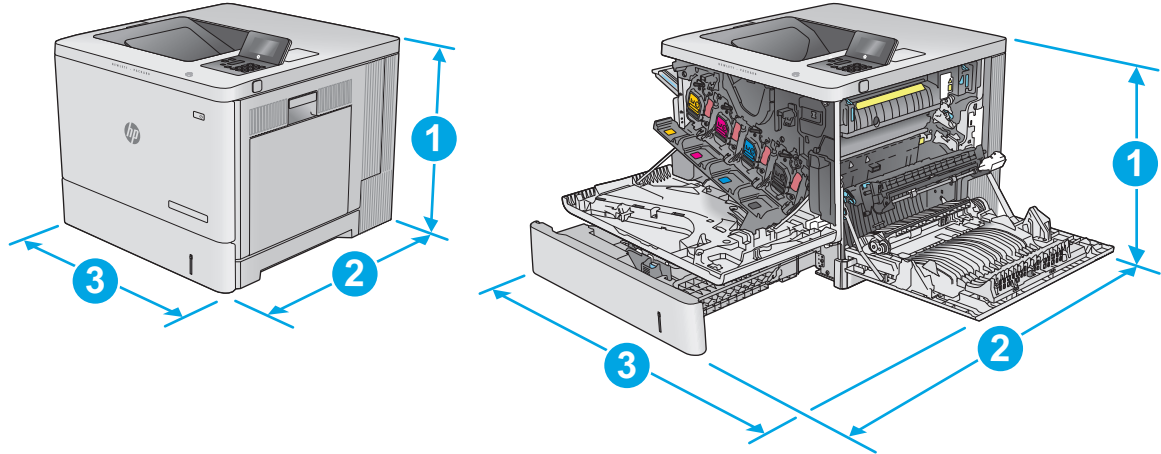
 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint hỗ trợ các hệ điều hành sau đây: Windows 7 SP 1 (32-bit và 64-bit); Windows 8 (32-bit và 64-bit); Windows 8.1 (32-bit và 64-bit); và OS X phiên bản 10.6 Snow Leopard, 10.7 Lion, 10.8 Mountain Lion và 10.9 Mavericks.

- HP ePrint qua email (Dịch vụ web HP phải được bật và sản phẩm phải được đăng ký HP Connected.)
- Ứng dụng HP ePrint (Có sẵn cho Android, iOS và Blackberry)
- Ứng dụng ePrint Enterprise (Được hỗ trợ trên tất cả sản phẩm có Phần mềm Máy chủ ePrint Enterprise)
- Ứng dụng HP Home và Biz (Có sẵn cho thiết bị Symbian/Nokia)
- Google Cloud Print 1.0 (Sản phẩm phải được đăng ký HP Connected, sau đó được đăng ký với Google Cloud)

- AirPrint
- In Android

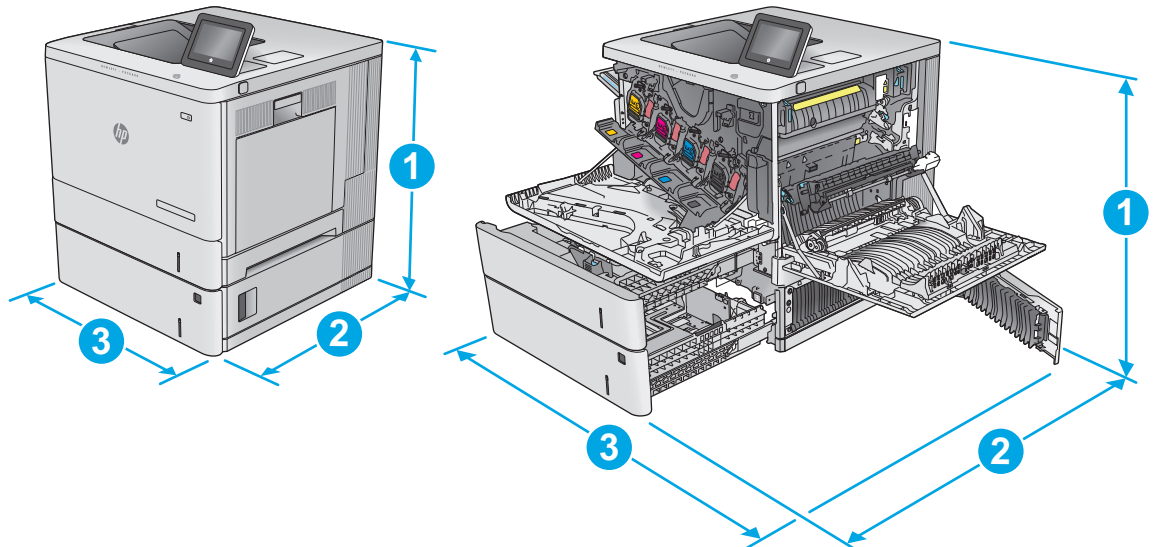
Kích thước sản phẩm

Hình 1-1 Kích thước dành cho các kiểu n và dn



	Sản phẩm được đóng hoàn toàn	Sản phẩm được mở hoàn toàn
1. Chiều cao	399 mm	399 mm
2. Chiều sâu	479 mm	771 mm
3. Chiều rộng	458 mm	826 mm
Trọng lượng	Kiểu n: 27 kg Kiểu dn: 27,5 kg	

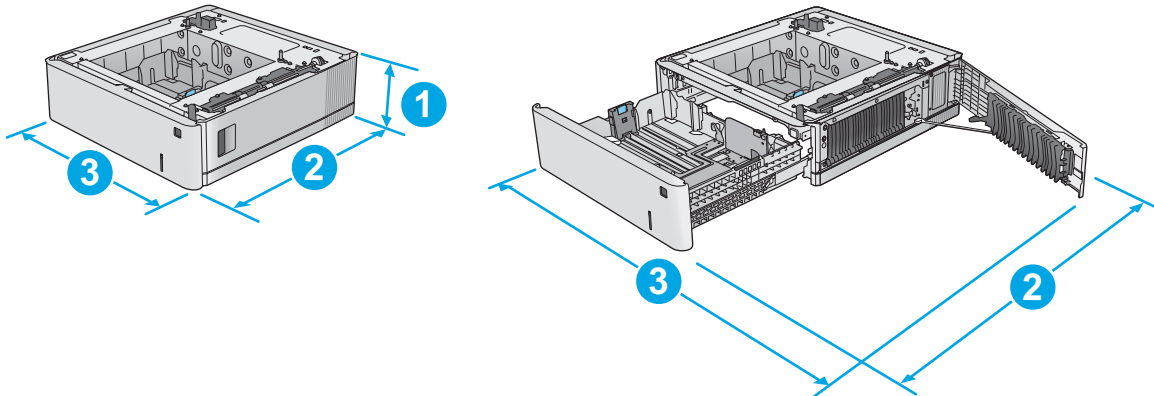
Hình 1-2 Kích thước dành cho kiểu x



	Sản phẩm được đóng hoàn toàn	Sản phẩm được mở hoàn toàn
1. Chiều cao	581 mm	581 mm

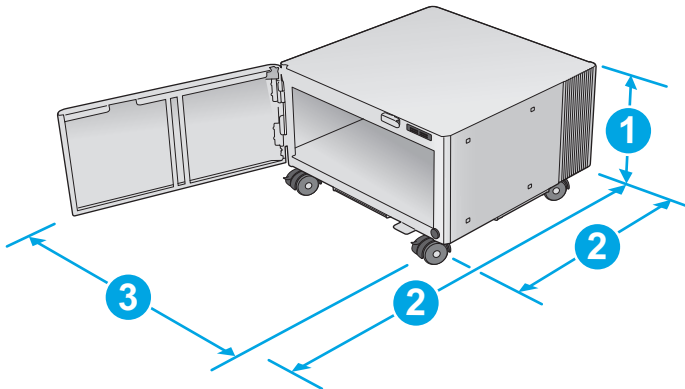
	Sản phẩm được đóng hoàn toàn	Sản phẩm được mở hoàn toàn
2. Chiều sâu	479 mm	771 mm
3. Chiều rộng	458 mm	853 mm
Trọng lượng	33,4 kg	

Hình 1-3 Kích thước cho khay nạp giấy 1 x 550 tờ



1. Chiều cao	130 mm
2. Chiều sâu	Khay đóng: 458 mm Khay mở: 771 mm
3. Chiều rộng	Cửa bên phải phía dưới đóng: 458 mm Cửa bên phải phía dưới mở: 853 mm
Trọng lượng	5,8 kg

Hình 1-4 Kích thước cho tủ và đế máy in



1. Chiều cao	295 mm
2. Chiều sâu	Cửa đóng: 465 mm Cửa mở: 900 mm

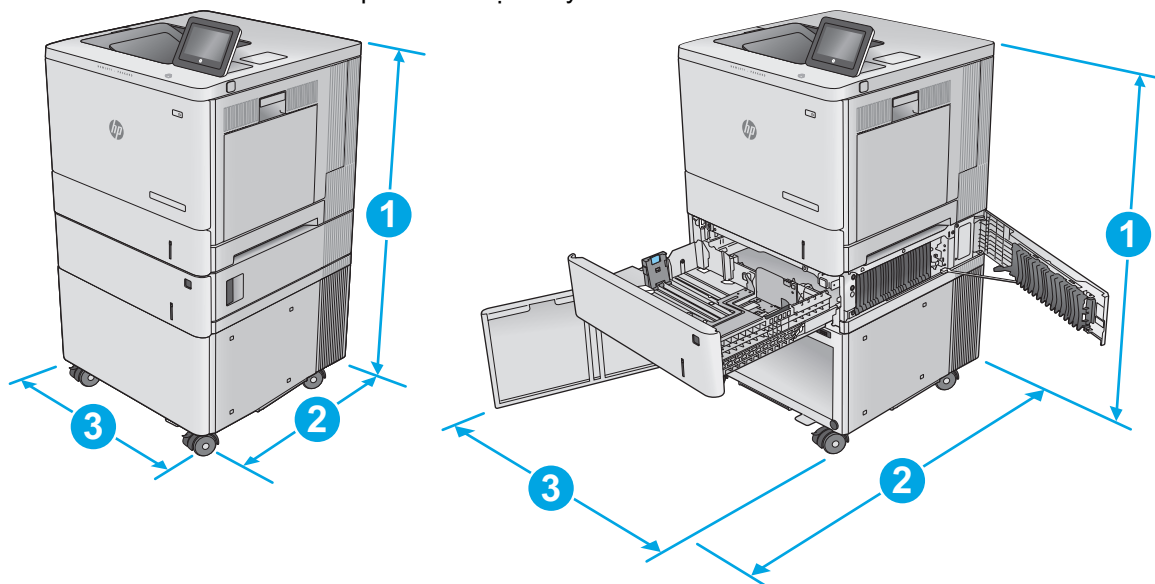
3. Chiều rộng 460 mm

Giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Trọng lượng 17,7 kg

Giá trị này có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Hình 1-5 Kích thước cho sản phẩm có một khay 1 x550 tờ và tủ/đế



	Sản phẩm và phụ kiện hoàn toàn đóng	Sản phẩm và phụ kiện hoàn toàn mở
1. Chiều cao	876 mm	876 mm
2. Chiều sâu	479 mm	900 mm
3. Chiều rộng	458 mm	853 mm
Trọng lượng	51,1 kg	

Lượng điện tiêu thụ, thông số kỹ thuật điện và độ ồn

Xem www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553 để biết thông tin mới nhất.

⚠ THẬN TRỌNG: Các yêu cầu về điện đã được thiết kế phù hợp với quốc gia/khu vực bán sản phẩm. Xin bạn không chuyển đổi điện thế vận hành. Việc này sẽ làm hỏng sản phẩm và vô hiệu hóa chế độ bảo hành.

Phạm vi môi trường sử dụng

Bảng 1-1 Thông số kỹ thuật về môi trường sử dụng

Môi trường	Khuyến dùng	Được phép
Nhiệt độ	17° đến 25°C	15° đến 30°C
Độ ẩm tương đối	30% đến 70% độ ẩm tương đối (RH)	10% đến 80% RH

Cài đặt phần cứng sản phẩm và cài đặt phần mềm

Đối với các hướng dẫn cài đặt cơ bản, hãy xem Hướng dẫn cài đặt phần cứng được cung cấp kèm sản phẩm. Đối với các hướng dẫn bổ sung, hãy tới mục trợ giúp HP trên web.

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553 để có trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm. Tìm hỗ trợ sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

2 Khay giấy

- [Nạp Khay 1](#)
- [Nạp Khay 2, 3, 4 và 5](#)
- [Nạp phong bì](#)
- [Nạp và in nhãn](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

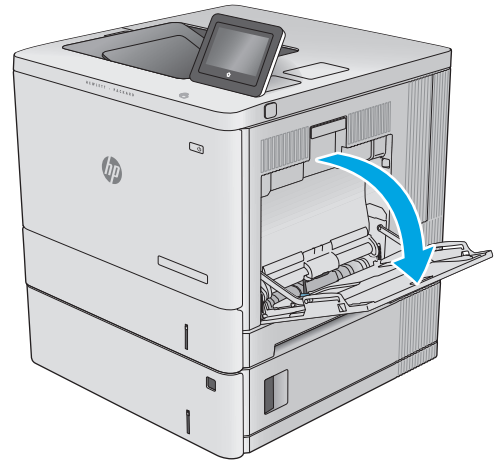
Nạp khay 1

Giới thiệu

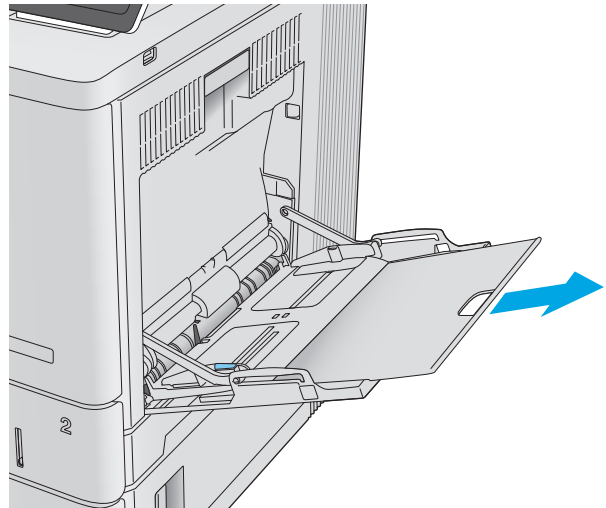
Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy và phong bì vào khay 1. Khay này chứa được tối đa 100 tờ 75 g/m² hoặc 10 phong bì.

⚠ THẬN TRỌNG: Để tránh kẹt giấy, không nạp thêm hoặc lấy giấy ra khỏi khay 1 trong khi in.

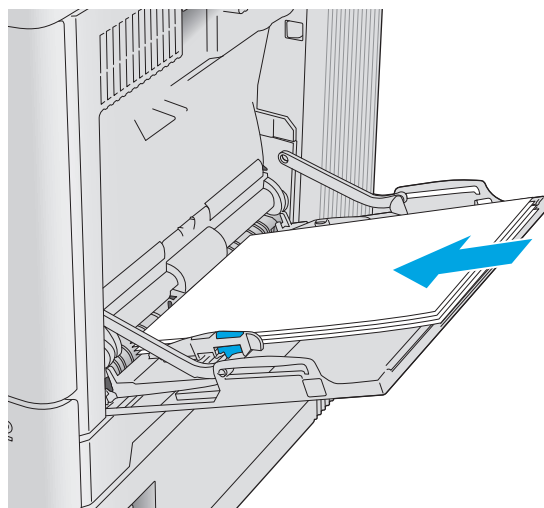
1. Mở khay 1.



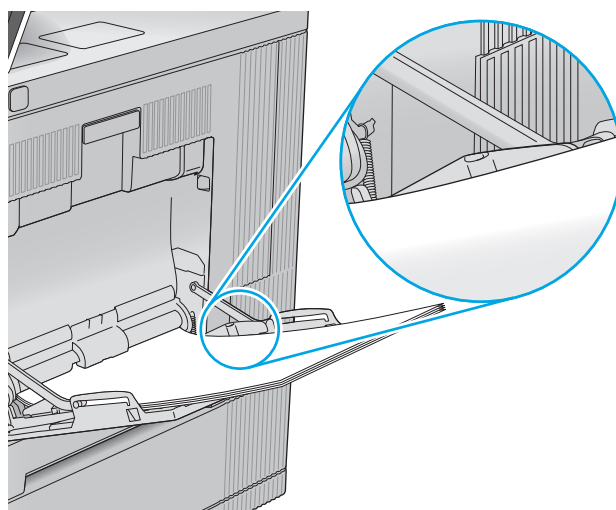
2. Kéo phần mở rộng khay ra để hỗ trợ giấy.



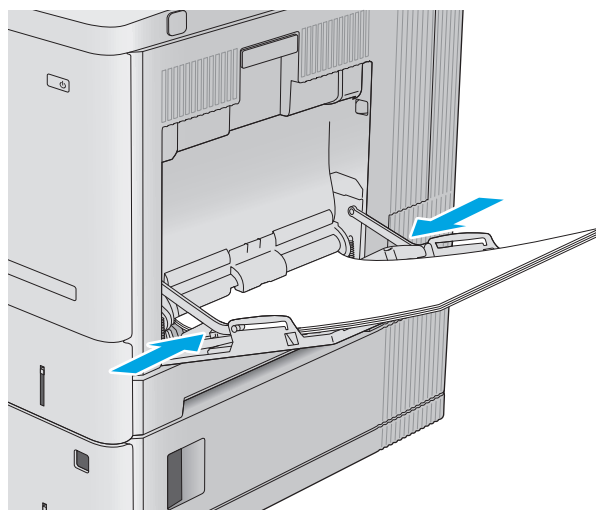
3. Kéo dài các thanh dẫn giấy đến kích thước chính xác và nạp giấy vào khay. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng giấy khay 1 thuộc trang 19](#).



4. Đảm bảo giấy vừa khớp dưới dây chuyền nạp giấy trên các thanh dẫn hướng giấy.



5. Điều chỉnh các thanh dẫn giấy hai bên sao cho chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.



Hướng giấy khay 1

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.

GHI CHÚ: Cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) ảnh hưởng đến cách nạp giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn. Cài đặt này được tắt theo mặc định. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động. Để biết thêm thông tin, xem [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác thuộc trang 21](#).


Loại giấy	Hướng hình	In một mặt	In hai mặt hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	Dọc	Mặt hướng xuống Đưa mép trên cùng vào sản phẩm	Mặt hướng lên Đưa mép dưới cùng vào sản phẩm
	Ngang	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
Dập lỗ trước	Dọc hoặc ngang	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm

Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm. Để sử dụng tính năng này với Windows, bạn cũng bật tính năng trong trình điều khiển in và lập cấu hình loại giấy trong trình điều khiển in.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - **Administration** (Quản trị)
 - **Manage Trays** (Quản lý khay)
 - **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) và chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

In bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác (Windows)


Để in bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác cho Windows, thực hiện quy trình sau đây cho từng lệnh in.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Advanced** (Nâng cao).
4. Mở rộng danh sách **Printer Features** (Tính năng Máy in).
5. Mở danh sách thả xuống **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) và bấm vào tùy chọn **On** (Bật).
6. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).
7. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
8. Từ danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), nhấp tùy chọn **More...** (Khác).
9. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
10. Mở rộng danh sách tùy chọn **Other** (Khác) rồi bấm vào tùy chọn **Letterhead** (Tiêu đề thư). Nhấp vào nút **OK**.
11. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Nạp khay 2, 3, 4 và 5

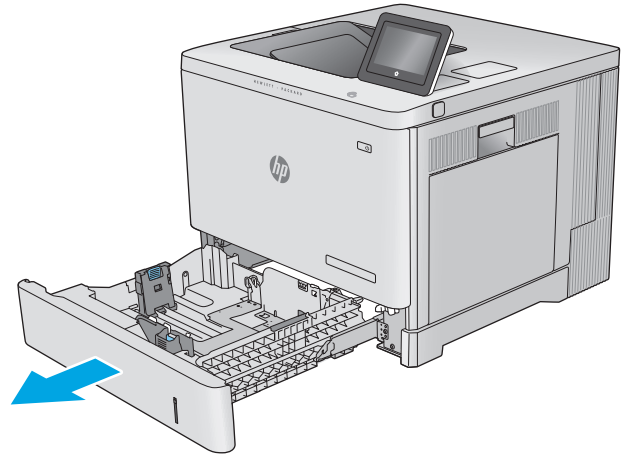
Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp giấy vào khay 2 và các khay tùy chọn chứa 550 tờ giấy (Khay 3, 4 và 5; số bộ phận B5L34A). Các khay này chứa được tối đa 550 tờ 75 g/m².

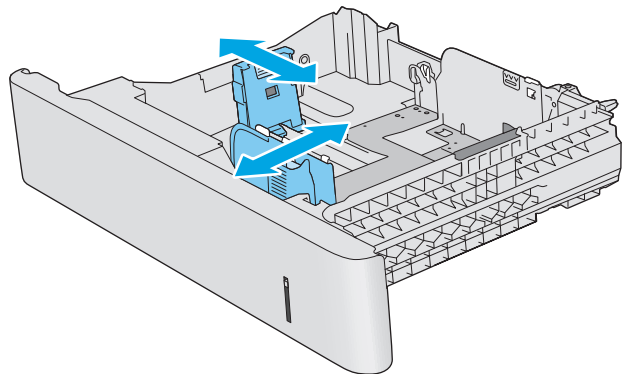
 **GHI CHÚ:** Quy trình nạp giấy cho các khay tùy chọn chứa 550 trang giấy tương tự như nạp giấy cho khay 2. Ở đây chỉ hiển thị khay 2.

1. Mở khay ra.

GHI CHÚ: Không mở khay này trong khi đang sử dụng nó.

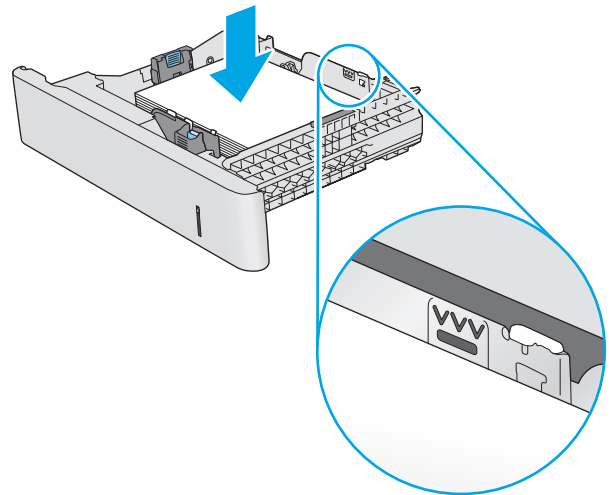


2. Trước khi nạp giấy, điều chỉnh các thanh dẫn giấy bằng cách siết các chốt điều chỉnh và trượt các thanh dẫn này theo khổ giấy được sử dụng.

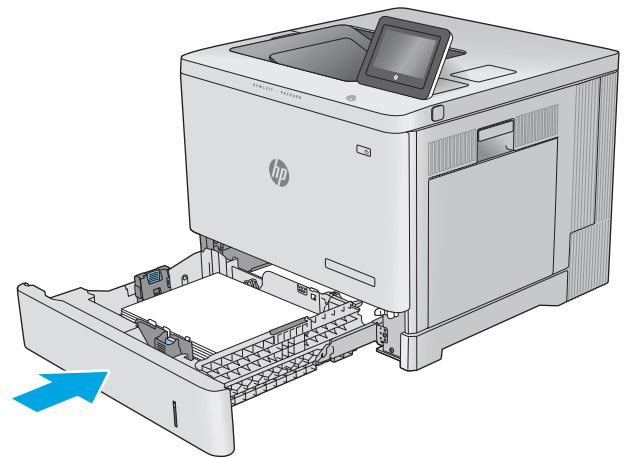


3. Nạp giấy vào khay. Kiểm tra giấy để đảm bảo các thanh dẫn hơi chạm vào tập giấy, nhưng không làm cong tập giấy. Để biết thông tin về cách định hướng giấy, xem [Hướng dẫn giấy Khay 2, 3, 4 và 5 thuộc trang 24](#).

GHI CHÚ: Để tránh bị kẹt giấy, bạn điều chỉnh các thanh dẫn giấy đến đúng khổ giấy và không nạp quá nhiều vào khay. Đảm bảo mặt trên của tập giấy ở dưới chỉ báo khay đầy.

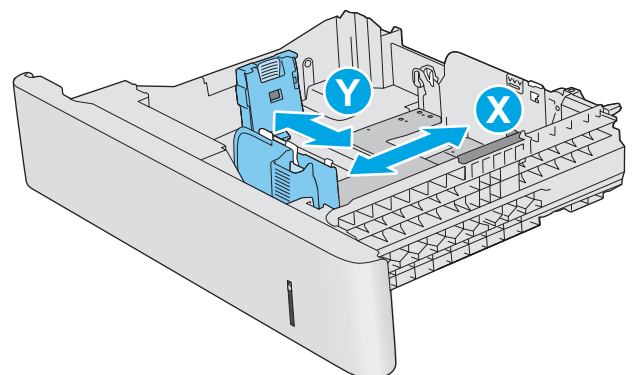


4. Đóng khay giấy.



5. Thông báo cấu hình khay hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm.
6. Nếu khổ giấy và loại giấy hiển thị không chính xác, chọn **Modify** (Thay đổi) để chọn khổ giấy hoặc loại giấy khác.

Đối với giấy có kích thước tùy chỉnh, xác định kích thước X và Y cho giấy khi lời nhắc hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm.

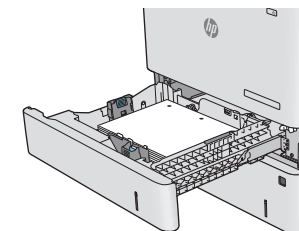
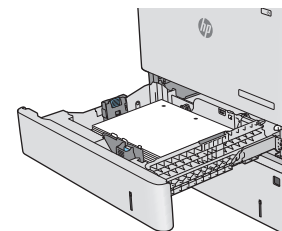
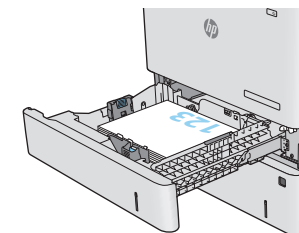
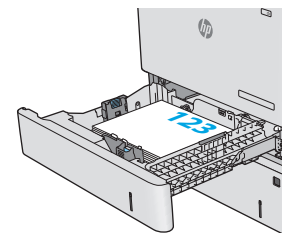
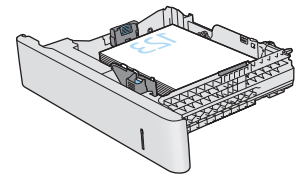
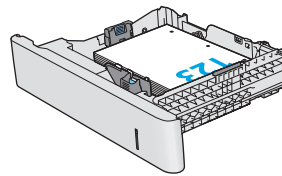


Hướng giấy khay 2, 3, 4 và 5

Khi sử dụng giấy đòi hỏi hướng giấy nhất định, hãy nạp giấy theo thông tin trong bảng sau đây.

GHI CHÚ: Cài đặt [Alternative Letterhead Mode](#) (Chế độ in sẵn đầu đề khác) ảnh hưởng đến cách nạp giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn. Cài đặt này được tắt theo mặc định. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động. Để biết thêm thông tin, xem [Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác thuộc trang 25](#).

Loại giấy	Hướng hình	In một mặt	In hai mặt hoặc với Alternative Letterhead Mode (Chế độ in sẵn đầu đề khác) được bật
Tiêu đề thư hoặc in sẵn	Dọc	Mặt hướng lên Cạnh trên hướng về bên phải	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về bên trái
	Ngang	Mặt quay lên Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm	Mặt hướng xuống Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm
Dập lỗ trước	Dọc hoặc ngang	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm	Các lỗ hướng về phía sau sản phẩm




Dùng chế độ in sẵn đầu đề khác

Dùng tính năng **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) để tải giấy tiêu đề hoặc giấy in sẵn vào khay, giống nhau cho tất cả các lệnh, bất kể là in trên một mặt của trang giấy hoặc cả hai mặt. Khi sử dụng chế độ in, bạn nạp giấy như in hai mặt tự động.

Để sử dụng, hãy bật tính năng này bằng cách dùng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm. Để sử dụng tính năng này với Windows, bạn cũng bật tính năng trong trình điều khiển in và lập cấu hình loại giấy trong trình điều khiển in.

Bật Chế độ in sẵn đầu đề khác bằng các menu trên bảng điều khiển của sản phẩm

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - **Administration** (Quản trị)
 - **Manage Trays** (Quản lý khay)
 - **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác)
3. Chọn **Enabled** (Đã bật) và chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.

In bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác (Windows)

Để in bằng Chế độ in sẵn đầu đề khác cho Windows, thực hiện quy trình sau đây cho từng lệnh in.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Nhấp vào tab **Advanced** (Nâng cao).
4. Mở rộng danh sách **Printer Features** (Tính năng Máy in).
5. Mở danh sách thả xuống **Alternative Letterhead Mode** (Chế độ in sẵn đầu đề khác) và bấm vào tùy chọn **On** (Bật).
6. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).
7. Nhấp vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
8. Từ danh sách **Paper type** (Loại giấy), nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
9. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
10. Mở rộng danh sách tùy chọn **Other** (Khác) rồi bấm vào tùy chọn **Letterhead** (Tiêu đề thư). Nhấp vào nút **OK**.
11. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Nạp phong bì

Giới thiệu

Thông tin sau đây mô tả cách nạp phong bì. Chỉ dùng khay 1 để in trên phong bì. Khay 1 chứa tối đa là 10 phong bì.

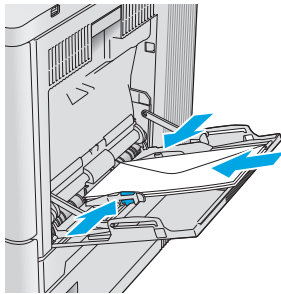
 **GHI CHÚ:** Chọn loại giấy thích hợp trong trình điều khiển in trước khi in.

Hướng Phong bì

Nạp phong bì vào theo một trong các hướng sau:

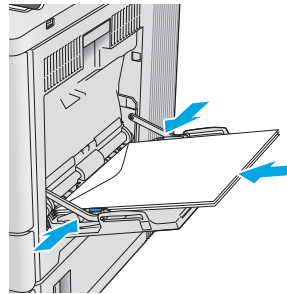
Mặt hướng xuống

Cạnh trên hướng về phía sau sản phẩm



Mặt hướng xuống

Đưa mép trên cùng vào sản phẩm



Nạp và in nhãn


Giới thiệu


Để in trên tờ nhãn, sử dụng khay 2 hoặc một trong các khay 550 tờ tùy chọn. Khay 1 không hỗ trợ nhãn.

Để in nhãn bằng cách dùng tùy chọn tiếp giấy thủ công, hãy thực hiện theo các bước sau để chọn cài đặt chính xác trong trình điều khiển in, sau đó nạp nhãn vào khay sau khi gửi lệnh in đến máy in. Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ chờ để in lệnh in cho đến khi máy phát hiện khay đã được mở và đóng.


Tiếp nhãn theo cách thủ công

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn máy in từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

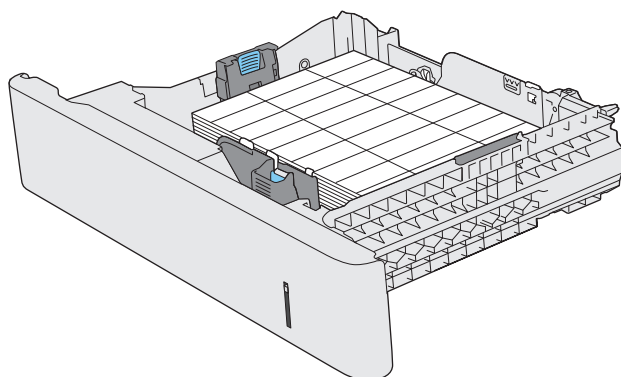
 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Trong danh sách thả xuống **Paper size** (Kích thước giấy), chọn đúng kích thước cho các tờ nhãn.
5. Trong danh sách thả xuống **Paper type** (Loại giấy), chọn **Labels** (Nhãn).
6. Trong danh sách thả xuống **Paper source** (Nguồn giấy), chọn **Manual feed** (Tiếp giấy thủ công).

 **GHI CHÚ:** Khi sử dụng tiếp giấy thủ công, máy in sẽ in từ khay được đánh số thấp nhất, được cấu hình cho kích thước giấy đúng, vì vậy bạn không cần xác định khay cụ thể. Ví dụ, nếu Khay 2 được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 2. Nếu Khay 3 được cài đặt và cấu hình cho nhãn, nhưng Khay 2 không được cấu hình cho nhãn, máy in sẽ in từ Khay 3.

7. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
8. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

9. Nạp từng tờ nhấn với mặt hướng lên có đầu trên của tờ giấy hướng về bên phải máy in.



3 Mực in, phụ kiện và bộ phận

- [Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận](#)
- [Thay thế hộp mực in](#)
- [Thay bộ thu gom bột mực](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Đặt hàng mực in, phụ kiện và bộ phận

Đặt hàng

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng các bộ phận hoặc phụ kiện HP chính hãng	www.hp.com/buy/parts
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, nhập địa chỉ IP của sản phẩm hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Mực in và phụ kiện

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Supplies (Mực in)		
Hộp mực in HP 508A Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất chuẩn	CF360A
Hộp mực in HP 508X High Yield Black Original LaserJet	Hộp mực in màu đen thay thế có công suất cao	CF360X
Hộp mực in HP 508A Cyan Original LaserJet Toner	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có công suất chuẩn	CF361A
Hộp mực in HP 508X High Yield Cyan Original LaserJet	Hộp mực in màu xanh lá mạ thay thế có công suất cao	CF361X
Hộp mực in HP 508A Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có công suất chuẩn	CF362A
Hộp mực in HP 508X High Yield Yellow Original LaserJet	Hộp mực in màu vàng thay thế có công suất cao	CF362X
Hộp mực in HP 508A Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có công suất chuẩn	CF363A
Hộp mực in HP 508X High Yield Magenta Original LaserJet	Hộp mực in màu đỏ tươi thay thế có công suất cao	CF363X
Bộ thu gom bột mực HP	Bộ thu gom bột mực thay thế có cửa gắn kèm	B5L37A
Phụ kiện		
Khay nạp giấy 550 tờ	Khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn (đi kèm với kiểu x) Có hướng dẫn cài đặt	B5L34A
GHI CHÚ: Kiểu M552 chấp nhận một khay nạp giấy 1 x 550 tờ. Kiểu M553 chấp nhận tối đa ba khay nạp giấy 1 x 550 tờ.		

Mục	Mô tả	Số bộ phận
Đế và tủ máy in	Đế tùy chọn có tủ lưu trữ để hỗ trợ máy in Được khuyến khích khi bạn dùng nhiều khay nạp giấy tùy chọn. Có hướng dẫn cài đặt	B5L51A
Ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP	Ổ cứng tùy chọn Có hướng dẫn cài đặt	B5L29A
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M553		
Bộ nhớ DIMM DDR3 1GB	DIMM tùy chọn để mở rộng bộ nhớ Có hướng dẫn cài đặt	G6W84A
GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M553		
Cổng USB bên trong của HP	Hai cổng USB tùy chọn để kết nối thiết bị của bên thứ ba Có hướng dẫn cài đặt	B5L28A
Mô-đun Nền tảng Tin cậy HP Trusted	Tự động mã hóa tất cả dữ liệu đi qua sản phẩm Có hướng dẫn cài đặt	F5S62A
Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Phụ kiện máy chủ in không dây USB	J8031A
Phụ kiện NFC/Wireless HP Jetdirect 3000w	Phụ kiện Wi-Fi direct để “chạm” khi in từ các thiết bị di động GHI CHÚ: Chỉ được hỗ trợ cho kiểu n và dn. Chức năng hiện được tích hợp trong kiểu x.	J8030A

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng

Các bộ phận tự sửa chữa của khách hàng (CSR) có sẵn cho nhiều sản phẩm LaserJet của HP giúp giảm thời gian sửa chữa. Bạn có thể tìm thấy thêm thông tin về chương trình CSR và các lợi ích tại www.hp.com/go/csr-support và www.hp.com/go/csr-faq.

Bạn có thể đặt hàng các bộ phận thay thế HP chính hãng tại www.hp.com/buy/parts hoặc bằng cách liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền. Khi đặt hàng, cần một trong các thông tin sau: số bộ phận, số sê-ri (có thể tìm thấy ở mặt sau của máy in), số sản phẩm hoặc tên sản phẩm.

- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Mandatory** (Bắt buộc) sẽ do khách hàng lắp đặt trừ khi bạn sẵn sàng trả tiền cho nhân viên dịch vụ của HP để thực hiện việc sửa chữa. Đối với những bộ phận này, hỗ trợ tại chỗ hoặc trả lại kho không được cung cấp theo bảo hành sản phẩm HP.
- Các bộ phận được liệt kê là tự thay thế **Optional** (Tùy chọn) có thể do nhân viên dịch vụ của HP lắp đặt theo yêu cầu của bạn mà không phải trả thêm phí trong thời gian bảo hành sản phẩm.

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ cuộn sấy HP	Bộ cuộn sấy thay thế	Bắt buộc	B5L35-67901 (110 vốn)
	Có hướng dẫn cài đặt		B5L36-67901 (220 vốn)
Bộ cuộn sấy HP, dịch vụ	Bộ cuộn sấy HP, gói dịch vụ	Bắt buộc	B5L35-67902 (110 vốn)
	Có hướng dẫn cài đặt		B5L36-67902 (220 vốn)

Mục	Mô tả	Tùy chọn tự thay thế	Số bộ phận
Bộ con lăn ITB và T2, dịch vụ	Băng chuyển thay thế và con lăn chuyển phụ Có hướng dẫn cài đặt	Tùy chọn	B5L24-67901
Bộ con lăn chuyển phụ	Con lăn chuyển phụ thay thế Có hướng dẫn cài đặt	Bắt buộc	B5L24-67902
Bộ con lăn Khay 2-X	Thay thế con lăn cho Khay 2-5 Có hướng dẫn cài đặt	Tùy chọn	B5L24-67904
Bộ con lăn Khay 1	Thay thế con lăn cho Khay 1 Có hướng dẫn cài đặt	Tùy chọn	B5L24-67905
Bộ bảng điều khiển SVGA	Thay thế bảng điều khiển màn hình cảm ứng cho kiểu x Có hướng dẫn cài đặt	Bắt buộc	B5L24-67903
Ổ đĩa bộ nhớ trạng thái rắn	Ổ đĩa bộ nhớ trạng thái rắn thay thế Có hướng dẫn cài đặt	Bắt buộc	5851-6415
Bộ HDD 500 GB GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M553	Thay thế ổ cứng bảo mật hiệu suất cao của HP Có hướng dẫn cài đặt	Bắt buộc	5851-6419
Bộ máy chủ in không dây USB	Thay thế Máy chủ in HP Jetdirect 2900nw	Bắt buộc	5851-6421
Bộ phụ kiện NFC	Thay thế phụ kiện HP Jetdirect 3000w NFC/Wireless	Bắt buộc	5851-6429
Bộ nhớ DIMM DDR3 1GB GHI CHÚ: Chỉ dành cho kiểu M553	Thay thế bộ nhớ DIMM Có hướng dẫn cài đặt	Bắt buộc	5851-6422
Hai bộ cổng USB bên trong	Thay thế cổng USB bên trong	Bắt buộc	5851-6424

Thay thế hộp mực in

Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về hộp mực in dành cho sản phẩm và các hướng dẫn thay thế hộp mực in.

- [Thông tin về hộp mực in](#)
- [Tháo và thay hộp mực](#)


Thông tin về hộp mực in

Sản phẩm này sẽ cho biết khi mức bột mực trong hộp mực in còn ít và gần hết. Lượng thời gian còn lại thực tế của hộp mực có thể thay đổi. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn chấp nhận được.


Để mua hộp mực hoặc kiểm tra tính tương thích của hộp mực đối với sản phẩm, hãy đến HP SureSupply tại www.hp.com/go/suresupply. Cuộn xuống phía dưới cùng của trang và xác minh rằng thông tin country/region (quốc gia/khu vực) là chính xác.

Sản phẩm sử dụng bốn màu và mỗi màu có một hộp mực in riêng: vàng (Y), đỏ tươi (M), xanh lá mạ (C) và đen (K). Hộp mực in nằm bên trong cửa trước.

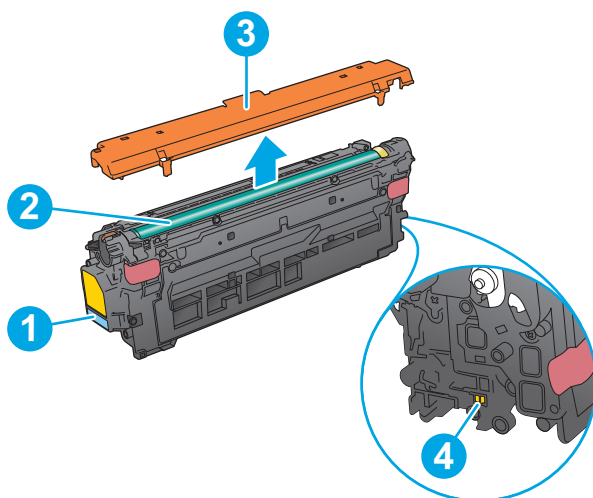
Mực	Số bộ phận
Hộp mực in HP 508A Black Original LaserJet	CF360A
Hộp mực in HP 508X High Yield Black Original LaserJet	CF360X
Hộp mực in HP 508A Cyan Original LaserJet Toner	CF361A
Hộp mực in HP 508X High Yield Cyan Original LaserJet	CF361X
Hộp mực in HP 508A Yellow Original LaserJet	CF362A
Hộp mực in HP 508X High Yield Yellow Original LaserJet	CF362X
Hộp mực in HP 508A Magenta Original LaserJet	CF363A
Hộp mực in HP 508X High Yield Magenta Original LaserJet	CF363X

 **GHI CHÚ:** Hộp mực hiệu suất in cao (high-yield) có nhiều bột mực hơn hộp mực chuẩn để tăng hiệu suất in trên trang. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập www.hp.com/go/learnaboutsups.

Không được lấy hộp mực in ra khỏi bao bì quá sớm trước khi sử dụng.

 **THẬN TRỌNG:** Để tránh làm hư hộp mực in, không để hộp mực tiếp xúc với ánh sáng quá vài phút. Che đậy trống hình màu xanh lá cây nếu phải tháo hộp mực in ra khỏi sản phẩm trong một thời gian dài.

Hình minh họa dưới đây hiển thị các bộ phận của hộp mực in.



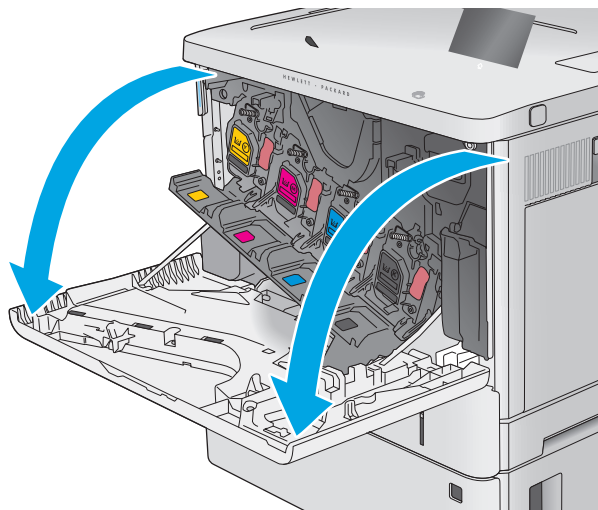
1	Tay cầm
2	Trống hình
3	Tấm bảo vệ
4	Chip bộ nhớ

⚠ THẬN TRỌNG: Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

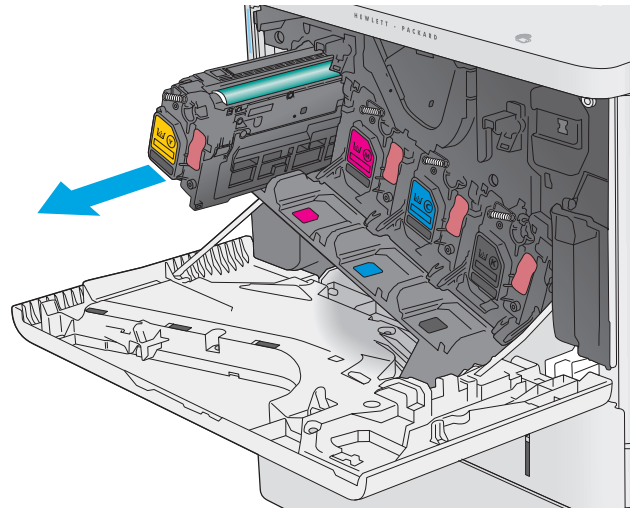
📖 GHI CHÚ: Thông tin về việc tái chế hộp mực in đã qua sử dụng có trên vỏ hộp mực in.

Tháo và thay hộp mực

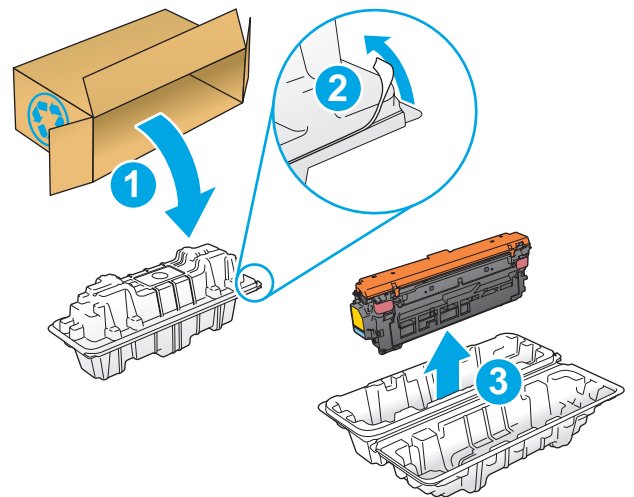
1. Mở cửa trước.



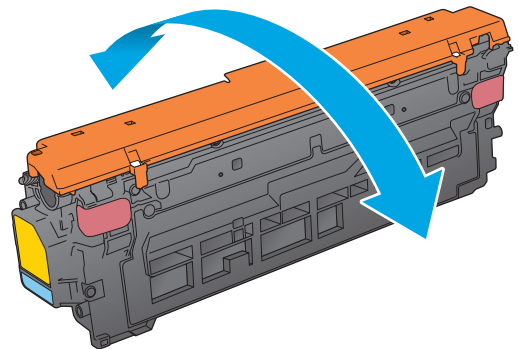
2. Nắm lấy tay cầm của hộp mực in đã qua sử dụng và kéo nó ra.



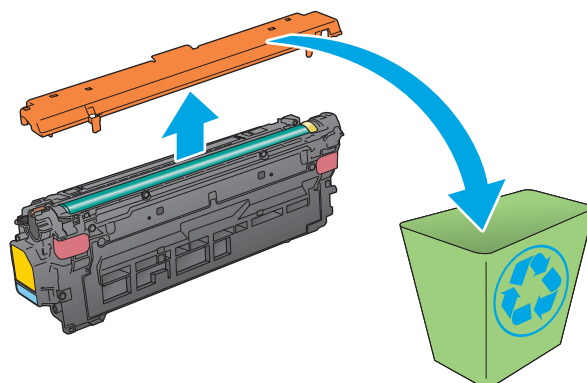
3. Lấy hộp mực in mới ra khỏi tấm bảo vệ bằng cách kéo bật băng nhựa ra và mở gói. Giữ lại toàn bộ bao bì để tái chế hộp mực in đã qua sử dụng.



4. Cầm cả hai đầu của hộp mực in và lắc hộp mực 5-6 lần.

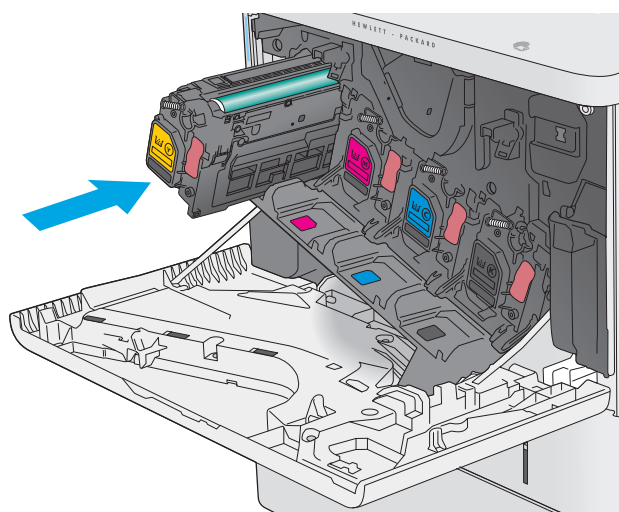


5. Tháo tấm bảo vệ ra khỏi hộp mực in.

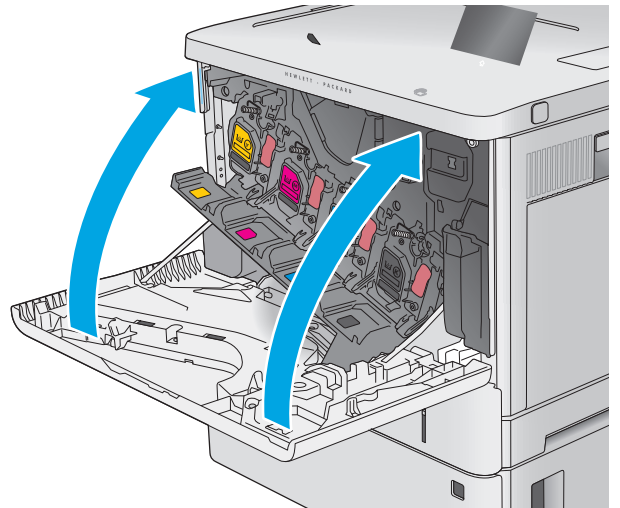


6. Đỡ phía dưới hộp mực in bằng một tay đồng thời cầm tay cầm hộp mực bằng tay còn lại. Đặt thẳng hàng hộp mực in với các rãnh trên giá, sau đó lắp hộp mực in vào trong sản phẩm.

GHI CHÚ: Không chạm tay vào trống hình màu xanh lá cây. Dấu vân tay trên trống hình có thể gây ra lỗi in.



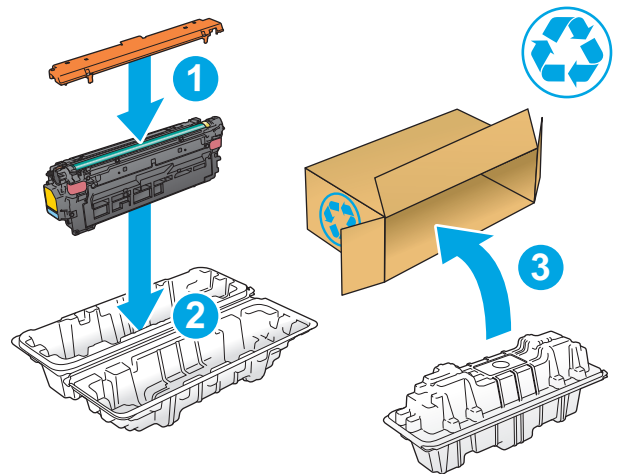
7. Đóng cửa trước.



8. Cho hộp mực in đã qua sử dụng và tấm bảo vệ vào trong hộp mà bạn đã lấy ra hộp mực mới.

Ở Hoa Kỳ và Canada, có nhãn vận chuyển đã trả trước trên hộp. Ở các quốc gia/khu vực khác, hãy đến www.hp.com/recycle để in nhãn vận chuyển đã trả trước.

Tuân thủ theo nhãn vận chuyển đã trả trước trong hộp và trả lại hộp mực đã qua sử dụng cho HP để tái chế.




Thay bộ thu gom bột mực


Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các chi tiết về bộ thu gom bột mực dành cho sản phẩm và các hướng dẫn thay thế nó.

Sản phẩm sẽ cho biết khi bộ thu gom bột mực gần hết và đã hết. Khi bộ thu gom bột mực đã hết, thao tác in sẽ dừng cho tới khi bộ thu gom bột mực được thay thế.

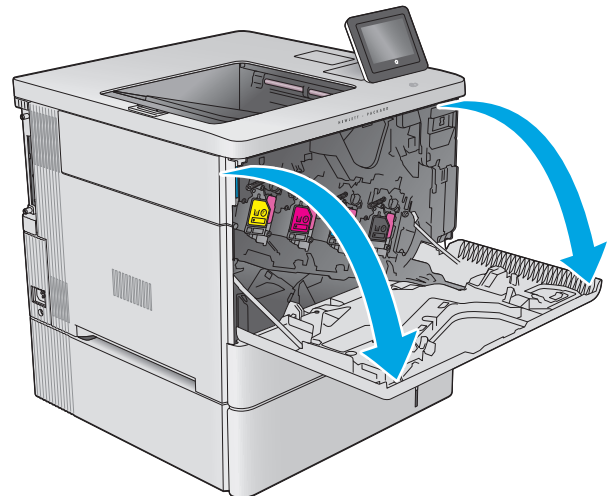
Để mua bộ thu gom bột mực (số bộ phận B5L37A), hãy truy cập HP Parts Store tại www.hp.com/buy/parts.

 **GHI CHÚ:** Bộ thu gom bột mực được thiết kế để sử dụng một lần. Không tìm cách dọn sạch bộ thu gom bột mực và sử dụng lại. Làm như vậy có thể dẫn tới việc bột mực bị đổ vào trong sản phẩm và làm giảm chất lượng in. Sau khi sử dụng, hãy gửi bộ thu gom bột mực lại cho chương trình tái chế của Đối tác Toàn cầu của HP.

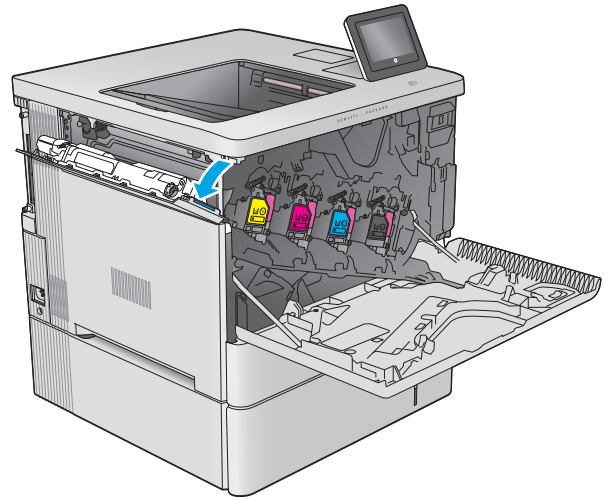
 **THẬN TRỌNG:** Nếu bột mực vương vào áo quần, hãy lau bằng một mảnh vải khô và giặt áo quần bằng nước lạnh. Nước nóng sẽ khiến bột mực se kết lại vào vải.

Tháo và thay bộ thu gom bột mực

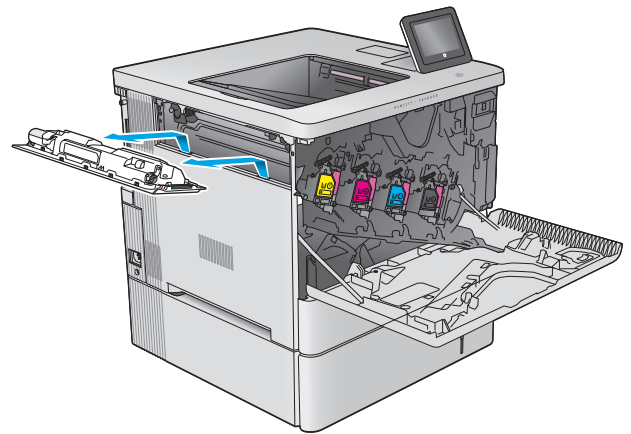
1. Mở cửa trước.



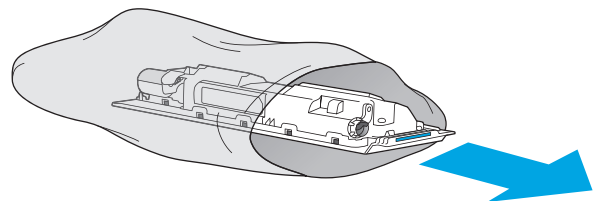
2. Mở cửa bộ thu gom bột mực ở mặt phía trên bên trái của sản phẩm.



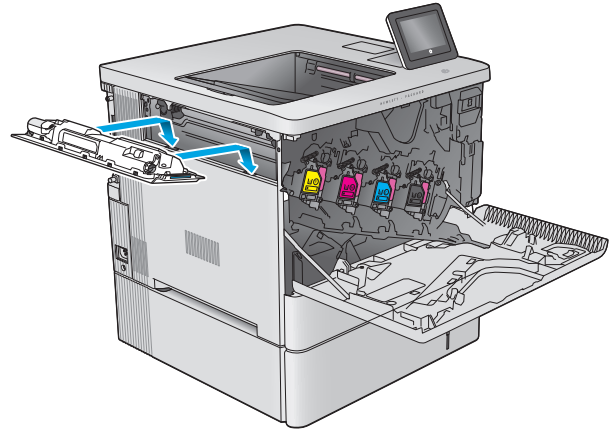
3. Kéo bộ thu gom bột mực và cửa lắp kèm ra ngoài.



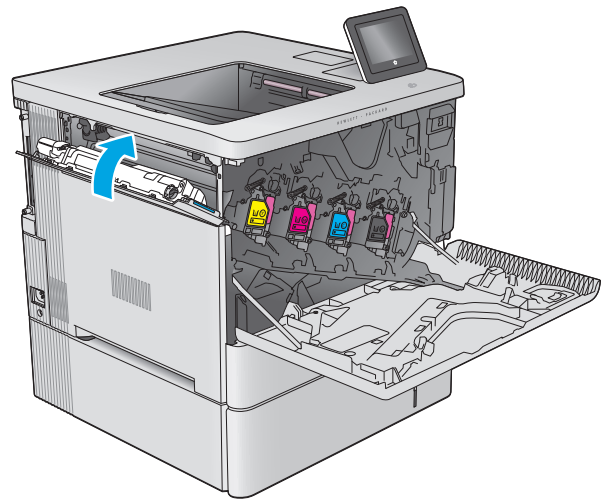
4. Lấy bộ thu gom bột mực mới ra khỏi bao bì.



5. Lắp bộ thu gom bột mực mới và cửa lắp kèm vào bên trong sản phẩm. Đặt thẳng hàng các thẻ chặn trên cửa với các rãnh trong sản phẩm.

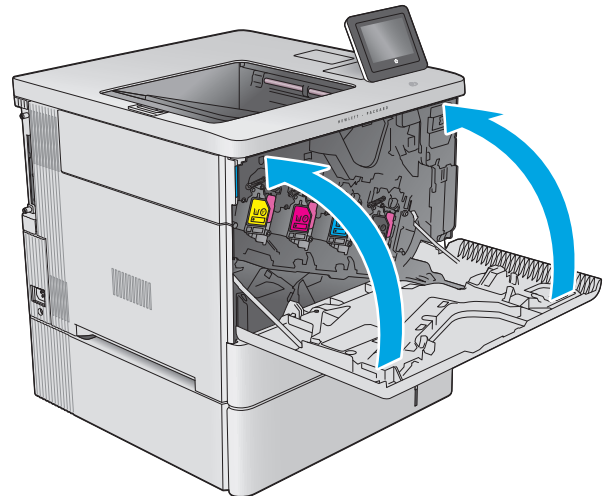


6. Đóng cửa bộ thu gom bột mực.



7. Đóng cửa trước.

Để tái chế bộ thu gom bột mực đã qua sử dụng, hãy làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ thu gom bột mực mới.



4 In

- [Thao tác in \(Windows\)](#)
- [Thao tác in \(OS X\)](#)
- [Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau](#)
- [In di động](#)
- [In từ cổng USB](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:


- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành


Thao tác in (Windows)

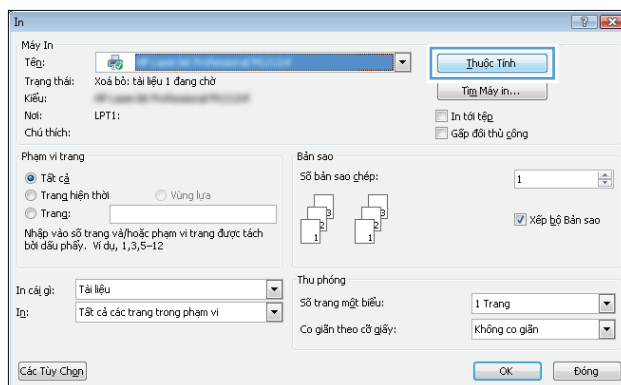
Cách in (Windows)

Quy trình sau đây mô tả quá trình in cơ bản cho Windows.

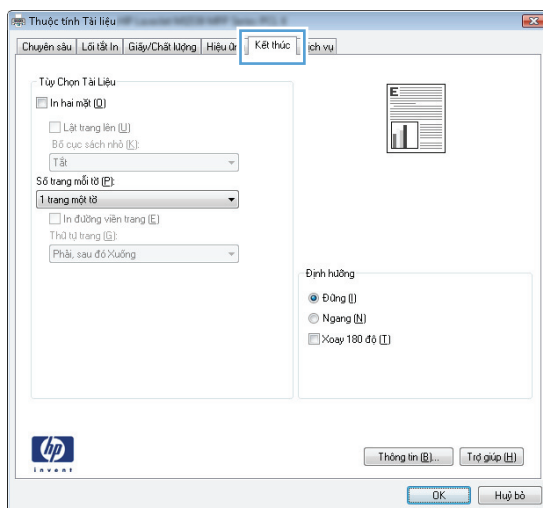
1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in. Để thay đổi cài đặt, nhấp hoặc chạm vào **Properties (Thuộc tính)** hoặc nút **Preferences (Tùy chọn)** để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.



3. Nhấp hoặc chạm vào tab trong trình điều khiển in để cấu hình các tùy chọn sẵn có. Ví dụ, đặt hướng giấy trong tab **Finishing (Kết thúc)**, đặt nguồn giấy, loại giấy, cỡ giấy và cài đặt chất lượng trên tab **Paper/Quality (Giấy/Chất lượng)**.





4. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để trở lại hộp thoại **Print (In)**. Chọn số lượng các bản sao để in từ màn hình này.
5. Nhấp hoặc chạm vào nút **OK** để in lệnh in.

In tự động trên hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các sản phẩm có lắp đặt khay in hai mặt tự động. Nếu sản phẩm không có lắp đặt khay in hai mặt tự động, hoặc in trên các loại giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ, bạn có thể in cả hai mặt theo cách thủ công.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.


3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print on both sides** (In hai mặt). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
5. Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

In thủ công trên cả hai mặt (Windows)

Dùng quy trình này cho các sản phẩm không có lắp khay in hai mặt tự động hoặc để in trên giấy mà khay in hai mặt không hỗ trợ.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print (In)** và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn hộp chọn **Print On Both Sides (Manually)** (In Hai mặt (Thủ công)). Bấm nút **OK** để in mặt đầu tiên của lệnh in.
5. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào Khay 1.
6. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một trang giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.


 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.


 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp vào tab **Finishing** (Kết thúc).
4. Chọn số lượng trang in trên một trang giấy từ danh sách **Các trang trên một trang giấy** thả xuống.
5. Chọn đúng tùy chọn cho **Print page borders** (In đường viền trang), **Page order** (Thứ tự trang) và **Orientation** (Hướng). Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu).
6. Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Chọn loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in, rồi nhấp hoặc chạm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn) để mở trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Tên nút có thể khác nhau do các chương trình phần mềm khác nhau.

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices** (Thiết bị), chọn **Print** (In) và chọn máy in.

3. Nhấp hoặc chạm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách **Paper type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang sử dụng, sau đó nhấp vào nút **OK**.
8. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.

Nếu khay cần được cấu hình, một thông báo cấu hình khay sẽ hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm.

9. Nạp giấy có loại và kích thước xác định vào khay, và sau đó đóng khay lại.
10. Bấm nút **OK** để chấp nhận kiểu và kích cỡ được tìm thấy, hoặc bấm nút **Modify** (Thay đổi) để chọn một kiểu hoặc kích cỡ giấy khác.
11. Chọn đúng kiểu và kích cỡ, sau đó bấm nút **OK**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Thao tác in (OS X)


Cách in (OS X)

Quy trình sau mô tả quá trình in cơ bản dành cho OS X.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy nhấp **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi chọn các menu khác để điều chỉnh cài đặt in.
4. Nhấp vào nút **In**.


Tự động in trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Thông tin này áp dụng cho những sản phẩm có phụ kiện in hai mặt tự động.

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy nhấp **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi nhấp vào menu **Layout** (Bố cục).
4. Chọn tùy chọn đóng sách từ danh sách thả xuống **Two-Sided** (Hai Mặt).
5. Nhấp vào nút **In**.

In thủ công trên cả hai mặt (OS X)

 **GHI CHÚ:** Tính năng này sẵn có nếu bạn có cài trình điều khiển in của HP. Tính năng này có thể không có sẵn nếu bạn dùng AirPrint.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy nhấp **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi nhấp vào menu **Manual Duplex** (In hai mặt Thủ công).
4. Nhấp vào hộp **Manual Duplex** (Hai mặt Thủ công) và chọn một tùy chọn đóng sách.
5. Nhấp vào nút **In**.
6. Đến sản phẩm và lấy hết giấy trắng có trong Khay 1 ra.
7. Lấy xếp giấy đã in từ ngăn giấy ra và đặt nó vào khay tiếp giấy với mặt đã in hướng xuống dưới.
8. Nếu được nhắc, hãy chạm vào nút thích hợp trên bảng điều khiển để tiếp tục.

In nhiều trang trên một tờ (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy nhấp **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi nhấp vào menu **Layout** (Bố cục).
4. Từ danh sách **Pages per Sheet** (Nhiều trang trên một Tờ) thả xuống, hãy chọn số trang bạn muốn in trên mỗi tờ.
5. Trong vùng **Layout Direction** (Hướng Bố Cục), chọn thứ tự và vị trí của trang trên tờ giấy.
6. Từ menu **Borders** (Đường viền), chọn loại viền quanh mỗi trang trên tờ giấy.
7. Nhấp vào nút **In**.

Chọn loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy nhấp **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi nhấp vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media-type** (Loại vật liệu in) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

Tác vụ in bổ sung

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Hướng dẫn có sẵn để thực hiện các tác vụ in cụ thể, như các tác vụ sau:

- Tạo và sử dụng các cài đặt hoặc lối tắt in
- Chọn khổ giấy, hoặc dùng khổ giấy tùy chỉnh
- Chọn hướng của trang
- Tạo một tập sách mỏng
- Co giãn tài liệu cho vừa khổ giấy cụ thể
- In trang đầu hoặc trang cuối của tài liệu trên giấy khác nhau
- In hình mờ trên tài liệu

Lưu các lệnh in trên sản phẩm để in sau


Giới thiệu

Thông tin sau đây cung cấp các quy trình tạo và in tài liệu được lưu trữ trên sản phẩm. Tính năng này được bật trên sản phẩm theo mặc định.


- [Tạo lệnh in đã lưu \(Windows\)](#)
- [Tạo lệnh in đã lưu \(OS X\)](#)
- [In lệnh in đã lưu](#)
- [Xóa lệnh in đã lưu](#)

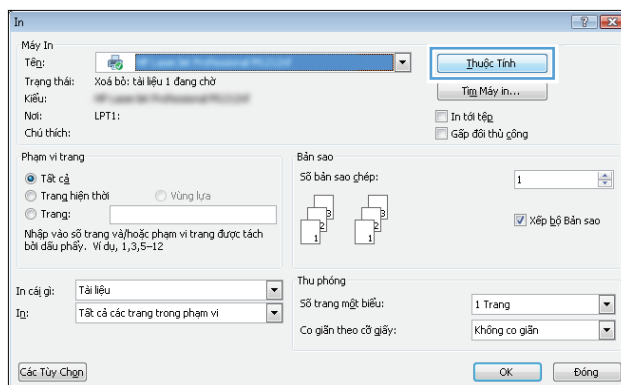
Tạo lệnh in đã lưu (Windows)

Bạn có thể lưu trữ các lệnh in trên sản phẩm để bạn có thể in chúng tại bất kỳ thời điểm nào.

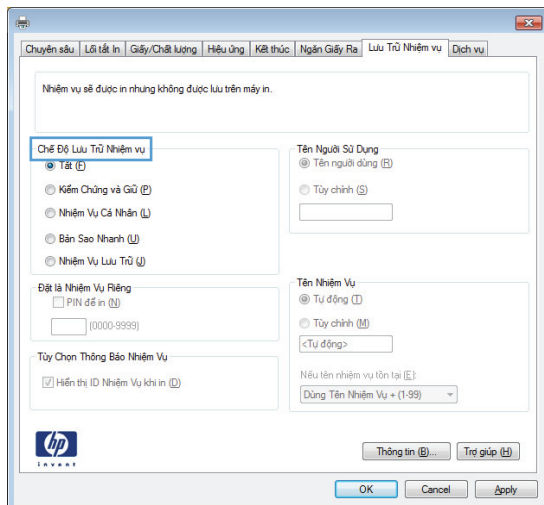
 **GHI CHÚ:** Trình điều khiển in của bạn có thể khác với những gì được thể hiện ở đây, nhưng các bước không thay đổi.

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print (In)**.
2. Chọn sản phẩm từ danh sách máy in, sau đó chọn **Properties (Thuộc tính)** hoặc **Preferences (Tùy chọn)** (tên khác nhau cho các chương trình phần mềm khác nhau).

 **GHI CHÚ:** Để truy cập các tính năng này từ màn hình Start (Bắt đầu) của Windows 8 hoặc 8.1, chọn **Devices (Thiết bị)**, chọn **Print (In)** và chọn máy in.



3. Nhấp vào tab **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).



4. Chọn một tùy chọn **Job Storage Mode** (Chế độ Lưu trữ Lệnh in).

- **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
- **Personal Job** (Lệnh in Cá nhân): Lệnh in này không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển sản phẩm. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in Bí mật/Bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu mã hóa lệnh in, bạn phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.
- **Quick Copy** (Sao chép Nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của sản phẩm để bạn có thể in lại sau.
- **Stored Job** (Lệnh in đã Lưu): Lưu một lệnh in trên sản phẩm và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Đối với chế độ lưu trữ lệnh in này, bạn có thể chọn một trong các tùy chọn **Make Job Private/Secure** (Làm cho Lệnh in Bí mật/Bảo mật). Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển. Nếu bạn mã hóa lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mật khẩu được yêu cầu tại bảng điều khiển.

5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.

Chọn tùy chọn để sử dụng nếu một lệnh in đã lưu khác đã có tên đó:

- **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
- **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.

6. Nhấp vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print (In)**, hãy nhấp vào nút **OK** để in lệnh in.



Tạo lệnh in đã lưu (OS X)

Bạn có thể lưu trữ các lệnh in trên sản phẩm để bạn có thể in chúng tại bất kỳ thời điểm nào.

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Trong menu **Printer** (Máy in), hãy chọn sản phẩm.
3. Theo mặc định, trình điều khiển máy in sẽ hiển thị menu **Copies & Pages** (Bản sao & Trang). Mở danh sách menu thả xuống, sau đó nhấp vào menu **Job Storage** (Lưu trữ Lệnh in).
4. Trong danh sách thả xuống **Mode** (Chế độ), hãy chọn loại lệnh in đã lưu.
 - **Proof and Hold** (Kiểm tra và Giữ): In và kiểm tra một bản sao của một lệnh in, sau đó in nhiều bản sao hơn.
 - **Personal Job** (Lệnh in Cá nhân): Lệnh in này không in cho đến khi bạn yêu cầu trên bảng điều khiển sản phẩm. Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, bạn phải cung cấp mã PIN yêu cầu ở bảng điều khiển.
 - **Quick Copy** (Sao chép Nhanh): In số lượng bản sao được yêu cầu của một lệnh in và lưu một bản sao của lệnh in trong bộ nhớ của sản phẩm để bạn có thể in lại sau.
 - **Stored Job** (Lệnh in đã Lưu): Lưu một lệnh in trên sản phẩm và cho phép người dùng khác in lệnh in này bất cứ lúc nào. Nếu bạn gán một số nhận dạng cá nhân (PIN) cho lệnh in, người in lệnh in này phải cung cấp mã PIN được yêu cầu ở bảng điều khiển.
5. Để sử dụng tên người dùng hoặc tên lệnh in tùy chỉnh, hãy nhấp vào nút **Custom** (Tùy chỉnh), sau đó nhập tên người dùng hoặc tên lệnh in.
 Chọn tùy chọn để sử dụng khi đã có một lệnh in đã lưu khác có tên đó.
 - **Use Job Name + (1-99)** (Sử dụng Tên Lệnh in + (1-99)): Nối một số riêng vào cuối tên lệnh in.
 - **Replace Existing File** (Thay thế Tập Hiện có): Ghi đè lệnh in đã lưu hiện có bằng lệnh in mới.
6. Nếu đã chọn tùy chọn **Stored Job** (Lệnh in đã Lưu) hoặc tùy chọn **Personal Job** (Lệnh in Cá nhân) trong bước 3, bạn có thể bảo vệ lệnh in này bằng mã PIN. Nhập số gồm 4 chữ số vào trường **Use PIN to Print** (Sử dụng mã PIN để In). Khi người khác tìm cách in lệnh in này, sản phẩm sẽ nhắc người đó nhập mã PIN này.
7. Bấm vào nút **Print** (In) để in.

In lệnh in đã lưu


Sử dụng quy trình sau để in lệnh in đã lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

1. Chạm hoặc nhấn nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Chọn **Retrieve from Device Memory** (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị).
3. Chọn tên thư mục có lệnh in được lưu.
4. Chọn tên lệnh in. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu.
5. Điều chỉnh số lượng bản sao, sau đó chạm vào nút Start  (Bắt đầu) hoặc nhấn nút **OK** để in.

Xóa lệnh in đã lưu

Khi bạn gửi lệnh in đã lưu đến bộ nhớ sản phẩm, sản phẩm sẽ ghi đè bất kỳ lệnh in nào trước đó có cùng tên lệnh in và người dùng. Nếu lệnh in không được lưu với cùng tên lệnh in và người dùng, và sản phẩm cần có thêm bộ nhớ, sản phẩm sẽ có thể xóa các lệnh in đã lưu khác. Việc xóa bắt đầu từ lệnh in cũ nhất. Bạn có thể thay đổi số lượng lệnh in sản phẩm có thể lưu từ menu [General Settings](#) (Cài đặt Chung) trên bảng điều khiển sản phẩm.

Sử dụng quy trình này để xóa lệnh in được lưu trong bộ nhớ sản phẩm.

1. Chạm hoặc nhấn nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Chọn [Retrieve from Device Memory](#) (Truy xuất từ bộ nhớ thiết bị).
3. Chọn tên thư mục có lệnh in được lưu.
4. Chọn tên lệnh in, sau đó chọn nút [Delete](#) (Xóa).
5. Nếu lệnh in là riêng tư hoặc được mã hóa, hãy nhập mã PIN hoặc mật khẩu, sau đó chọn nút [Delete](#) (Xóa).

In di động

Giới thiệu

HP cung cấp nhiều giải pháp di động và ePrint để cho phép in không dây tới một máy in HP từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh hoặc từ thiết bị di động khác. Để xem danh sách đầy đủ và xác định lựa chọn tốt nhất, hãy truy cập www.hp.com/go/LaserJetMobilePrinting (chỉ có bằng tiếng Anh).

- [In NFC và Wireless Direct](#)
- [HP ePrint qua email](#)
- [Phần mềm HP ePrint](#)
- [AirPrint](#)
- [In nhúng của Android](#)

In NFC và Wireless Direct

HP cung cấp chức năng in Wi-Fi và NFC (Giao tiếp cận trường) dành cho máy in với một Phụ kiện NFC & Không dây HP Jetdirect hỗ trợ. Phụ kiện này có sẵn dưới dạng tùy chọn dành cho máy in HP LaserJet có ổ tích hợp phần cứng (HIP).

Sử dụng phụ kiện không dây để in không dây từ các thiết bị sau:

- iPhone, iPad hoặc iPod touch sử dụng ứng dụng Apple AirPrint hoặc HP ePrint
- Thiết bị di động Android dùng giải pháp in nhúng của Android hoặc ứng dụng HP ePrint
- Thiết bị Mac và PC dùng Phần mềm HP ePrint

Để biết thêm thông tin về In HP Wireless, xem www.hp.com/go/wirelessprinting.

HP ePrint qua email

Sử dụng HP ePrint để in tài liệu bằng cách gửi tài liệu dưới dạng tài liệu đính kèm email đến địa chỉ email của sản phẩm từ thiết bị bất kỳ có hỗ trợ dịch vụ email.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm có thể yêu cầu cập nhật chương trình cơ sở để sử dụng tính năng này.

Để dùng HP ePrint, sản phẩm phải đáp ứng các yêu cầu này:

- Sản phẩm phải được kết nối với mạng không dây hoặc có dây và phải có khả năng truy cập vào Internet.
- Sản phẩm phải bật HP Web Services (Dịch vụ Web của HP) và sản phẩm phải được đăng ký với HP Connected hoặc Trung tâm HP ePrint.

Thực hiện theo quy trình này để bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP) và đăng ký với HP Connected hoặc Trung tâm HP ePrint:


1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Nhấp vào tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP).

3. Chọn tùy chọn để bật Dịch vụ web.

 **GHI CHÚ:** Việc bật các Dịch vụ Web có thể mất vài phút.

4. Hãy truy cập www.hpconnected.com hoặc www.hp.com/go/eprintcenter để tạo tài khoản HP ePrint và hoàn thành quy trình cài đặt.

Phần mềm HP ePrint

Phần mềm HP ePrint giúp bạn in dễ dàng từ máy tính để bàn Windows hoặc Mac hoặc máy xách tay tới bất kỳ sản phẩm nào hỗ trợ HP ePrint. Phần mềm này giúp bạn dễ dàng tìm kiếm các sản phẩm hỗ trợ HP ePrint được đăng ký với tài khoản HP Connected. Bạn có thể xác định máy in HP mục tiêu trong văn phòng hoặc các vị trí ở khắp nơi trên trái đất này.


- **Windows:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy mở tùy chọn **Print (In)** từ trong ứng dụng của bạn, rồi chọn **HP ePrint** từ danh sách máy in đã cài đặt. Nhấp vào nút **Properties** (Thuộc tính) để cấu hình tùy chọn in.
- **Mac:** Sau khi cài đặt phần mềm, hãy chọn **File (Tập)**, **Print (In)**, sau đó chọn mũi tên bên cạnh **PDF** (phía dưới cùng bên trái của màn hình trình điều khiển). Chọn **HP ePrint**.

Đối với Windows, phần mềm HP ePrint cũng hỗ trợ in TCP/IP tới các máy in mạng cục bộ có trên mạng (LAN hoặc WAN) tới các sản phẩm hỗ trợ UPD PostScript®.

Cả Windows và Mac hỗ trợ in IPP tới sản phẩm nối mạng LAN hoặc WAN có hỗ trợ ePCL.

Cả Windows và Mac cũng hỗ trợ in các tài liệu PDF tới các vị trí in công cộng và in bằng HP ePrint qua email thông qua nền tảng điện toán đám mây.

Hãy truy cập www.hp.com/go/eprintsoftware để có các trình điều khiển và thông tin.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint là tiện ích dòng công việc PDF cho Mac và về mặt kỹ thuật không phải là trình điều khiển in.

 **GHI CHÚ:** Phần mềm HP ePrint không hỗ trợ in USB.


AirPrint

In trực tiếp bằng AirPrint của Apple được hỗ trợ cho iOS 4.2 trở lên và từ các máy tính Mac chạy OS X 10.7 Lion và mới hơn. Sử dụng AirPrint để in trực tiếp tới sản phẩm từ iPad, iPhone (3GS trở lên) hoặc iPod touch (thế hệ thứ ba trở đi) trong các ứng dụng di động sau:

- Thư
- Ảnh
- Safari
- iBooks
- Chọn ứng dụng của bên thứ ba

Để dùng AirPrint, sản phẩm phải được kết nối với cùng mạng không dây như của thiết bị Apple. Để biết thêm thông tin về cách sử dụng AirPrint và các sản phẩm của HP tương thích với AirPrint, hãy truy cập trang web hỗ trợ cho sản phẩm này.

www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553

 **GHI CHÚ:** AirPrint không hỗ trợ kết nối USB.

In nhúng của Android

Giải pháp in tích hợp của HP dành cho Android và Kindle cho phép các thiết bị di động tự động tìm và in tới máy in HP có trên mạng không dây hoặc trong phạm vi phủ sóng không dây dành cho in không dây. Giải pháp in được tích hợp vào các hệ điều hành được hỗ trợ, vì vậy bạn không cần phải cài đặt trình điều khiển hoặc tải xuống phần mềm.

Để biết thêm thông tin về cách sử dụng tính năng in nhúng Android và loại thiết bị Android nào được hỗ trợ, hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

In từ cổng USB

Giới thiệu


Sản phẩm này có tính năng in easy-access USB để bạn có thể nhanh chóng in các tệp mà không cần gửi chúng từ máy tính. Sản phẩm chấp nhận các ổ flash USB chuẩn trong cổng USB gần bảng điều khiển. Sản phẩm hỗ trợ những loại tệp sau:

- .pdf
- .prn
- .pcl
- .ps
- .cht

Bật cổng USB để in


Cổng USB bị tắt theo mặc định. Trước khi sử dụng tính năng này, hãy bật cổng USB. Dùng một trong các quy trình sau đây để bật cổng:

Bật cổng USB từ các menu trên bảng điều khiển sản phẩm

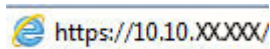
1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Enable Retrieve from USB \(Bật truy xuất từ USB\)](#)
3. Chọn tùy chọn [Enabled \(Đã bật\)](#), rồi chạm vào nút [Save \(Lưu\)](#) hoặc bấm nút [OK](#).


Bật cổng USB từ máy chủ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các sản phẩm kết nối mạng)

1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>


 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Mở tab **Print** (In).
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Retrieve from USB Setup** (Cài đặt truy xuất từ USB).
4. Chọn hộp chọn **Enable Retrieve from USB** (Bật truy xuất từ USB).
5. Bấm **Apply** (Áp dụng).


In tài liệu USB

1. Lắp ổ flash USB vào cổng easy-access USB.

 **GHI CHÚ:** Cổng có thể đã được đậy lại. Đối với một số sản phẩm, nắp lật mở. Đối với các sản phẩm, kéo nắp thẳng ra ngoài để tháo nắp.

2. Sản phẩm phát hiện ổ flash USB. Chạm hoặc bấm vào nút **OK** để truy cập vào ổ đĩa, chọn tùy chọn **Retrieve from USB** (Truy xuất từ USB) từ danh sách các ứng dụng có sẵn. Màn hình **Retrieve from USB** (Truy xuất từ USB) mở ra.
3. Chọn tên tài liệu bạn muốn in.

 **GHI CHÚ:** Tài liệu có thể nằm trong một thư mục. Bạn có thể mở thư mục khi cần.

4. Để điều chỉnh số lượng bản sao, chọn **Copies** (Bản sao) rồi dùng bàn phím để thay đổi số lượng bản sao.
5. Chạm vào nút Start  (Bắt đầu) hoặc bấm nút **OK** để in tài liệu.

5 Quản lý sản phẩm

- [Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X](#)
- [Định cấu hình cài đặt mạng IP](#)
- [Tính năng bảo mật sản phẩm](#)
- [Cài đặt tiết kiệm](#)
- [HP Web Jetadmin](#)
- [Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.

Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Cấu hình nâng cao với Máy chủ web nhúng của HP (EWS)

Giới thiệu


- [Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP \(EWS\)](#)
- [Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP](#)

Sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP để quản lý các chức năng in từ máy tính thay vì từ bảng điều khiển của sản phẩm.

- Xem thông tin tình trạng sản phẩm
- Xác định tuổi thọ còn lại của tất cả các nguồn cung cấp và đặt mua những nguồn cung cấp mới.
- Xem và thay đổi các cấu hình khay.
- Xem và thay đổi cấu hình menu của bảng điều khiển sản phẩm
- Xem và in các trang nội bộ
- Nhận thông báo về các sự kiện của nguồn cung cấp và sản phẩm
- Xem và thay đổi cấu hình mạng


Máy chủ web nhúng của HP hoạt động khi sản phẩm được kết nối với một mạng dựa trên IP. Máy chủ web nhúng của HP không hỗ trợ các kết nối sản phẩm dựa trên IPX. Không cần phải có truy cập internet để mở và sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.

Khi sản phẩm được nối mạng, Máy chủ web nhúng của HP sẽ tự động sẵn sàng.

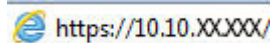
 **GHI CHÚ:** Máy chủ web nhúng HP không thể truy cập được bên ngoài tường lửa của mạng.


Cách truy cập Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)

1. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

2. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XXXXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

Để sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP, trình duyệt phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Windows: Microsoft Internet Explorer 5.01 hay mới hơn hoặc Netscape 6.2 hay mới hơn
- Mac OS X: Safari hoặc Firefox sử dụng Bonjour hoặc một địa chỉ IP

- Linux: chỉ Netscape Navigator
- HP-UX 10 và HP-UX 11: Netscape Navigator 4.7

Các tính năng của máy chủ web nhúng của HP

- [Tab Information \(Thông Tin\)](#)
- [Tab General \(Chung\)](#)
- [Tab Print \(In\)](#)
- [Tab Troubleshooting \(Xử lý sự cố\)](#)
- [Tab Security \(Bảo mật\)](#)
- [Tab HP Web Services \(Dịch vụ Web HP\)](#)
- [Tab Networking \(Hoạt động mạng\)](#)
- [Danh sách Other Links \(Liên kết Khác\)](#)

Tab Information (Thông Tin)

Bảng 5-1 Tab Information (Thông tin) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Device Status (Trạng thái thiết bị)	Hiển thị trạng thái của sản phẩm và hiển thị ước tính lượng nguồn cung cấp HP còn lại. Trang này còn hiển thị loại và kích thước giấy được đặt cho mỗi khay. Để thay đổi cài đặt mặc định, hãy nhấp vào liên kết Change Settings (Thay đổi Cài đặt).
Job Log (Nhật ký lệnh in)	Hiển thị tổng hợp tất cả các lệnh in mà sản phẩm đã xử lý.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Hiển thị thông tin tìm thấy trên trang cấu hình.
Supplies Status Page (Trang trạng thái nguồn cung cấp)	Hiển thị trạng thái của nguồn cung cấp cho sản phẩm.
Event Log Page (Trang nhật ký sự kiện)	Hiển thị danh sách tất cả các sự kiện và lỗi của sản phẩm. Sử dụng liên kết HP Instant Support (Hỗ trợ Tức thời của HP) (trong vùng Other Links (Liên kết Khác) trên tất cả các trang của Máy chủ Web Nhúng của HP) để kết nối với tập hợp các trang Web động giúp giải quyết sự cố. Các trang này còn hiển thị các dịch vụ bổ sung khả dụng cho sản phẩm.
Số lượng trang đã dùng	Hiển thị tóm tắt số trang sản phẩm đã in, được nhóm theo kích thước, loại và đường dẫn in giấy.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về tên mạng, địa chỉ, và kiểu sản phẩm. Để tùy chỉnh các mục nhập này, hãy nhấp vào menu Device Information (Thông tin Thiết bị) trên tab General (Chung).
Control Panel (Ảnh chụp nhanh bảng điều khiển)	Hiển thị hình ảnh của màn hình hiện tại trên màn hình của bảng điều khiển.
In	Tải lên tệp sẵn sàng in từ máy tính để in. Sản phẩm này sử dụng cài đặt in mặc định để in tệp.
Printable Reports and Pages (Các trang và báo cáo có thể in)	Liệt kê các báo cáo và trang nội bộ cho sản phẩm. Chọn một hoặc nhiều mục sẽ in hoặc xem.

Tab General (Chung)

Bảng 5-2 Tab General (Chung) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Alerts (Cảnh báo)	Cài đặt cảnh báo qua email cho các sự kiện của sản phẩm và các nguồn cung cấp khác nhau.
Control Panel Administration Menu (Menu quản trị của bảng điều khiển)	Hiển thị cấu trúc menu của menu Administration (Quản trị) trên bảng điều khiển. GHI CHÚ: Bạn có thể lập cấu hình các cài đặt trên màn hình này, nhưng Máy chủ Web Nhúng của HP cung cấp nhiều tùy chọn cấu hình nâng cao hơn so với các tùy chọn có sẵn thông qua menu Administration (Quản trị).
AutoSend (Tự động gửi)	Lập cấu hình sản phẩm để gửi các e-mail tự động về cấu hình sản phẩm và các nguồn cung cấp đến những địa chỉ email cụ thể.
Edit Other Links (Sửa đổi các liên kết khác)	Thêm hoặc tùy chỉnh một liên kết đến một trang web khác. Liên kết này hiển thị trong vùng Other Links (Liên kết Khác) trên tất cả các trang Máy chủ Web Nhúng của HP.
Ordering Information (Thông tin đặt mua hàng)	Nhập thông tin về đặt hàng hộp mực in thay thế. Thông tin này sẽ hiển thị trên trang trạng thái nguồn cung cấp.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Đặt tên sản phẩm và gán một mã số tài sản cho sản phẩm này. Nhập tên của người liên lạc chính, người sẽ nhận thông tin về sản phẩm.
Ngôn ngữ	Đặt ngôn ngữ sẽ hiển thị thông tin về Máy chủ web nhúng của HP.
Date and Time (Ngày giờ)	Đặt ngày giờ hoặc đồng bộ hóa với máy chủ thời gian mạng.
Cài đặt Năng lượng	Đặt hoặc chỉnh sửa thời gian hoạt động, thời gian nghỉ và trì hoãn nghỉ cho sản phẩm. Đặt lịch trình khác nhau cho từng ngày trong tuần và cho các ngày nghỉ. Đặt những tương tác nào với sản phẩm sẽ khiến cho sản phẩm trở lại hoạt động từ chế độ nghỉ.
Backup and Restore (Sao lưu và lưu trữ)	Tạo tệp sao lưu chứa dữ liệu về sản phẩm và người dùng. Nếu cần, hãy sử dụng tệp này để khôi phục dữ liệu cho sản phẩm.
Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt sản phẩm về cài đặt mặc định gốc.
Solution Installer (Trình cài đặt giải pháp)	Cài đặt các chương trình của bên thứ ba có khả năng cải thiện chức năng của sản phẩm.
Nâng cấp Chương trình cơ sở	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm.
Statistics Services (Dịch vụ thống kê)	Cung cấp thông tin kết nối về các dịch vụ thống kê lệnh in của bên thứ ba.

Tab Print (In)

Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Retrieve from USB Setup (Thiết lập truy xuất từ USB)	Bật hoặc tắt menu Retrieve from USB (Truy lục từ USB) trên bảng điều khiển.
Manage Stored Jobs (Quản lý lệnh in đã lưu)	Bật hoặc tắt khả năng lưu trữ lệnh in trong bộ nhớ sản phẩm. Lập cấu hình tùy chọn lưu trữ lệnh in.

Bảng 5-3 Tab Print (In) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Adjust Paper Types (Điều chỉnh loại giấy)	Ghi đề cài đặt chế độ mặc định gốc nếu có vấn đề về chất lượng in xảy ra khi sử dụng một loại giấy cụ thể.
Restrict Color (Giới hạn màu) (Chỉ sản phẩm màu)	Cho phép hoặc giới hạn in màu. Xác định quyền cho những người sử dụng riêng lẻ hoặc những lệnh in được gửi từ những chương trình phần mềm cụ thể.
General Print Settings (Cài đặt in chung)	Lập cấu hình các cài đặt cho mọi lệnh in.
Manage Trays (Quản lý khay)	Lập cấu hình cài đặt cho các khay giấy.

Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố)

Bảng 5-4 Tab Troubleshooting (Xử lý sự cố) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Xử lý sự cố Chung	Chọn từ nhiều loại báo cáo và kiểm tra khác nhau để giúp giải quyết các vấn đề với sản phẩm.
Online Help (Trợ giúp trực tuyến)	Lấy mã QR và nối kết Web đến các trang giải pháp dành cho sản phẩm.
Diagnostic Data (Dữ liệu chẩn đoán) GHI CHÚ: Mục này chỉ khả dụng nếu một mật khẩu người quản trị được đặt từ tab Security (Bảo mật).	Xuất thông tin sản phẩm vào một tệp có thể hữu ích cho việc phân tích vấn đề chi tiết.
Calibration/Cleaning (Cân chỉnh/Lau dọn) (Chỉ sản phẩm màu)	Bật tính năng tự động lau dọn, tạo và in trang lau dọn và chọn một tùy chọn để cân chỉnh sản phẩm ngay lập tức.
Nâng cấp Chương trình cơ sở	Tải xuống và cài đặt các tệp nâng cấp chương trình cơ sở của sản phẩm.
Restore Factory Settings (Khôi phục cài đặt gốc)	Khôi phục cài đặt sản phẩm về cài đặt mặc định gốc.

Tab Security (Bảo mật)

Bảng 5-5 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
General Security (Bảo mật chung)	Cài đặt cho bảo mật chung, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Lập cấu hình mật khẩu người quản trị để hạn chế quyền truy cập vào một số tính năng nhất định trên sản phẩm. Đặt mật khẩu PjL để xử lý các lệnh PjL. Đặt bảo mật truy cập hệ thống tệp và nâng cấp chương trình cơ sở. Bật hoặc tắt cổng USB chủ trên bảng điều khiển hoặc cổng kết nối USB trên bộ định dạng để in trực tiếp từ máy tính. Xem trạng thái của tất cả cài đặt bảo mật.

Bảng 5-5 Tab Security (Bảo mật) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Access Control (Kiểm soát truy cập)	Lập cấu hình truy cập vào các chức năng của sản phẩm cho các cá nhân hoặc nhóm cụ thể và chọn phương pháp các cá nhân sử dụng để đăng nhập vào sản phẩm.
Protect Stored Data (Bảo vệ dữ liệu đã lưu)	Lập cấu hình và quản lý ổ đĩa cứng bên trong cho sản phẩm. Lập cấu hình các cài đặt lệnh in được lưu trữ trên ổ đĩa cứng của sản phẩm.
Certificate Management (Quản lý chứng nhận)	Cài đặt và quản lý các chứng nhận bảo mật đối với quyền truy cập vào sản phẩm và mạng.
Bảo mật Dịch vụ Web	Cho phép các tài nguyên trên sản phẩm này được truy cập bởi các trang web từ các tên miền khác nhau. Nếu không có trang web nào được thêm vào danh sách, khi đó tất cả mọi trang web đều được tin cậy.
Tự Kiểm tra	Kiểm tra và đảm bảo rằng các chức năng bảo mật đang hoạt động theo các thông số hệ thống dự kiến.

Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP)

Sử dụng tab **HP Web Services** (Dịch vụ Web HP) để lập cấu hình và bật Dịch vụ Web HP cho sản phẩm này. Cần phải bật Dịch vụ Web HP để sử dụng tính năng HP ePrint.

Bảng 5-6 Tab HP Web Services (Dịch vụ Web HP) trên Máy chủ web nhúng HP

Menu	Mô tả
Cài đặt Dịch vụ Web	Kết nối sản phẩm này với HP Connected trên Web bằng cách bật HP Web Services (Dịch vụ Web HP).
Web Proxy	Lập cấu hình máy chủ proxy nếu có vấn đề với việc bật Dịch vụ Web HP hoặc kết nối sản phẩm với Internet.
Gỡ rối HP-ePrint	Bật các tính năng để giải quyết sự cố khi kết nối với các dịch vụ HP ePrint.

Tab Networking (Hoạt động mạng)

Sử dụng tab **Networking** (Mạng) để lập cấu hình và bảo mật cài đặt mạng cho sản phẩm khi được kết nối với mạng dựa trên IP. Tab này không hiển thị nếu sản phẩm được kết nối với các loại mạng khác.

Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
TCP/IP Settings (Cài đặt IPV6)	Lập cấu hình cài đặt TCP/IP cho các mạng IPv4 và IPv6. GHI CHÚ: Tùy chọn cấu hình có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Lập cấu hình cài đặt IPX/SPX, AppleTalk, DLC/LLC và SNMP, tùy thuộc vào kiểu máy chủ in.
Cài đặt Khác	Lập cấu hình giao thức in chung và các dịch vụ được hỗ trợ bởi máy chủ in. Tùy chọn có sẵn phụ thuộc vào kiểu máy chủ in, nhưng có thể bao gồm cập nhật chương trình cơ sở, hàng đợi LPD, cài đặt USB, thông tin hỗ trợ và tốc độ làm mới.
AirPrint	Bật, cài đặt hoặc tắt in qua mạng từ các sản phẩm được hỗ trợ của Apple.

Bảng 5-7 Tab Networking (Mạng) của Máy chủ Web Nhúng của HP (còn tiếp)

Menu	Mô tả
Chọn Ngôn ngữ	Thay đổi ngôn ngữ được hiển thị bởi Máy chủ Web Nhúng của HP. Trang này hiển thị nếu các trang web hỗ trợ nhiều ngôn ngữ. Tùy chọn, chọn những ngôn ngữ được hỗ trợ thông qua cài đặt tùy chọn ngôn ngữ trong trình duyệt.
Cài đặt	Xem và khôi phục cài đặt bảo mật hiện tại về các giá trị mặc định ban đầu. Lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật. GHI CHÚ: Không sử dụng Trình hướng dẫn Lập cấu hình Bảo mật để lập cấu hình cài đặt bảo mật sử dụng các ứng dụng quản lý mạng, chẳng hạn như HP Web Jetadmin.
Ủy quyền	Kiểm soát việc quản lý cấu hình và sử dụng sản phẩm này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Đặt hoặc thay đổi mật khẩu người quản trị để kiểm soát truy cập vào các thông số cấu hình.• Yêu cầu, cài đặt và quản lý chứng chỉ kỹ thuật số trên máy chủ in HP Jetdirect.• Hạn chế truy cập máy chủ vào sản phẩm này thông qua một Danh sách Kiểm soát Truy cập (ACL) (với các máy chủ in được chọn chỉ trên mạng IPv4).
Quản lý. Giao thức	Lập cấu hình và quản lý các giao thức bảo mật cho sản phẩm này, bao gồm: <ul style="list-style-type: none">• Đặt mức quản lý bảo mật cho Máy chủ Web Nhúng của HP và kiểm soát lưu lượng qua HTTP và HTTPS.• Lập cấu hình hoạt động SNMP (Giao thức Quản lý Mạng Đơn giản). Bật hoặc tắt các tác nhân SNMP v1/v2c hoặc SNMP v3 trên máy chủ in.• Kiểm soát truy cập thông qua các giao thức có thể không được bảo mật, chẳng hạn như giao thức in, dịch vụ in, giao thức phát hiện, dịch vụ phân giải tên và các giao thức quản lý cấu hình.
Xác thực 802.1X (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	Lập cấu hình cài đặt xác thực 802.1X trên máy chủ in Jetdirect theo yêu cầu để xác thực ứng dụng khách trên mạng và đặt lại cài đặt xác thực 802.1X về các giá trị mặc định ban đầu. THẬN TRỌNG: Khi thay đổi cài đặt xác thực 802.1X, sản phẩm có thể bị ngắt kết nối. Để kết nối lại, có thể cần đặt lại máy chủ in về trạng thái mặc định ban đầu và cài đặt lại sản phẩm.
IPsec/Firewall (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	Xem hoặc lập cấu hình chính sách Tường lửa hoặc chính sách IPsec/Tường lửa.
Tác nhân Thông báo (Chỉ dành cho kiểu HP Jetdirect được chọn)	Bật hoặc tắt Tác nhân Thông báo Thiết bị HP, đặt máy chủ cấu hình và lập cấu hình xác thực lẫn nhau sử dụng chứng chỉ.
Thống kê Mạng	Hiển thị thống kê mạng được thu thập và lưu trữ trên máy chủ in HP Jetdirect.
Thông tin Giao thức	Xem danh sách cài đặt cấu hình mạng trên máy chủ in HP Jetdirect cho mỗi giao thức.
Configuration Page (Trang cấu hình)	Xem trang cấu hình HP Jetdirect, trong đó có tình trạng và thông tin cấu hình.

Danh sách Other Links (Liên kết Khác)



GHI CHÚ: Lập cấu hình những liên kết nào sẽ hiển thị trong danh sách **Other Links** (Liên kết Khác) bằng cách sử dụng menu **Edit Other Links** (Chỉnh sửa Liên kết Khác) trên tab **General** (Chung). Các mục sau là liên kết mặc định.

Bảng 5-8 Danh sách Other Links (Liên kết Khác) của Máy chủ Web Nhúng của HP

Menu	Mô tả
Product Support (Hỗ trợ sản phẩm)	Kết nối với trang web hỗ trợ dành cho sản phẩm để tìm kiếm trợ giúp về các chủ đề khác nhau.
Shop for Supplies (Mua Nguồn cung cấp)	Kết nối với trang Web HP SureSupply để biết thông tin về cách mua các nguồn cung cấp HP chính hãng, chẳng hạn như hộp mực và giấy.
HP Instant Support (Hỗ trợ tức thời của HP)	Kết nối với trang Web của HP để tìm các giải pháp cho các vấn đề của sản phẩm.

Cấu hình nâng cao với Tiện ích HP cho OS X

Sử dụng Tiện ích HP để kiểm tra trạng thái sản phẩm hay để xem hoặc thay đổi các cài đặt của sản phẩm từ máy tính của bạn.

Sử dụng Tiện ích HP khi sản phẩm được kết nối bằng cáp USB hoặc được kết nối với mạng hoạt động dựa trên giao thức TCP/IP.

Mở Tiện ích HP

1. Trên máy tính, mở menu **System Preferences** (Tùy chọn Hệ thống), rồi bấm **Print & Fax** (In & Fax), **Print & Scan** (In & Quét) hoặc **Printers & Scanners** (Máy in & Máy quét).
2. Chọn sản phẩm trong danh sách.
3. Nhấp nút **Options & Supplies** (Tùy chọn & Mực in).
4. Nhấp tab **Utility** (Tiện ích).
5. Nhấp nút **Open Printer Utility** (Mở Tiện ích Máy in).

Các tính năng của Tiện ích HP

Thanh công cụ của Tiện ích HP bao gồm các mục sau:

- **Devices** (Thiết bị): Bấm vào nút này để hiển thị hoặc giấu sản phẩm Mac do Tiện ích HP tìm thấy.
- **All Settings** (Tất cả Cài đặt): Bấm nút này để trở lại giao diện chính của Tiện ích HP.
- **HP Support** (Hỗ trợ HP): Bấm nút này để mở trình duyệt và đi đến trang Web hỗ trợ của HP.
- **Supplies** (Mực in): Nhấp nút này để mở trang Web HP SureSupply.
- **Registration** (Đăng ký): Nhấp nút này để mở trang Web đăng ký của HP.
- **Recycling** (Tái chế): Nhấp nút này để mở trang Web Chương trình Tái chế và Đối tác Toàn cầu của HP.

Tiện ích HP bao gồm nhiều trang. Bạn có thể mở các trang này bằng cách bấm vào danh sách **All Settings** (Tất cả Cài đặt). Bảng sau mô tả các tác vụ sẵn dùng với Tiện ích HP.

Mục	Mô tả
Tình trạng Mực in	Hiển thị tình trạng mực in của sản phẩm và cung cấp các liên kết để đặt mua mực in trực tuyến.
Device Information (Thông tin thiết bị)	Hiển thị thông tin về sản phẩm đang được chọn.
File Upload (Tải lên tệp)	Chuyển các tệp từ máy tính đến sản phẩm.
Upload Fonts (Tải lên phông chữ)	Chuyển các tệp phông chữ từ máy tính sang sản phẩm.
HP Connected (Được kết nối với HP)	Truy cập trang web được kết nối với HP.

Mục	Mô tả
Update Firmware (Cập nhật chương trình cơ sở)	Chuyển tệp cập nhật chương trình cơ sở sang sản phẩm. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Commands (Lệnh)	Gửi các ký tự đặc biệt hoặc các lệnh in đến sản phẩm sau lệnh in. GHI CHÚ: Tùy chọn này chỉ có sẵn sau khi bạn mở menu View (Dạng xem) và chọn mục Show Advanced Options (Hiện tùy chọn nâng cao).
Supplies Management (Quản lý nguồn cung cấp)	Cấu hình cách hoạt động của sản phẩm khi nguồn cung cấp gần như đã hết thời gian sử dụng.
Trays Configuration (Cấu hình khay)	Thay đổi cài đặt mặc định của khay.
Output Devices (Thiết bị đầu ra)	Quản lý cài đặt cho các phụ kiện đầu ra tùy chọn.
Duplex Mode (Chế độ in hai mặt)	Bật chế độ in hai mặt tự động.
Economode & Toner Density (Chế độ tiết kiệm & Mật độ bột mực)	Lập cấu hình các cài đặt để tránh lãng phí bột mực.
E-mail Alerts (Cảnh báo email)	Lập cấu hình các cảnh báo email tự động đối với từng điều kiện sản phẩm cụ thể, chẳng hạn như khi nào cần thay mực in, khay hết giấy, cửa mở, hoặc giấy bị kẹt.
Resolution (Độ phân giải)	Đặt độ phân giải in mặc định.
Protect Direct Ports (Bảo vệ cổng trực tiếp)	Tắt quá trình in qua cổng USB hoặc các cổng song song.
Stored Jobs (Lệnh in đã lưu)	Quản lý các lệnh in đã được lưu trên đĩa cứng của sản phẩm.
Network Settings (Cài đặt mạng)	Cấu hình cài đặt mạng, như cài đặt IPv4 và IPv6.
Cài đặt Bổ sung	Cung cấp quyền truy cập vào Máy chủ web nhúng của HP.

Định cấu hình cài đặt mạng IP

- [Từ chối chia sẻ máy in](#)
- [Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng](#)
- [Đổi tên sản phẩm trên mạng](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công](#)
- [Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết](#)

Từ chối chia sẻ máy in


HP không hỗ trợ mạng ngang hàng, vì tính năng là của hệ điều hành Microsoft, không phải của trình điều khiển máy in HP. Vào Microsoft tại www.microsoft.com.

Xem hoặc thay đổi cài đặt mạng

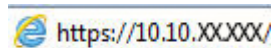
Sử dụng Máy chủ web nhúng của HP để xem hoặc thay đổi các cài đặt cấu hình IP.


1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.

- Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.



 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.


- Nhấp tab **Networking** (Hoạt động Mạng) để lấy thông tin mạng. Bạn có thể thay đổi các cài đặt khi cần.

Đổi tên sản phẩm trên mạng


Để đổi tên sản phẩm trên mạng để có thể xác định duy nhất sản phẩm, hãy sử dụng Máy chủ Web Nhúng của HP.


- Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):

- a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

-  **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.


2. Mở tab **General** (Chung).
3. Trên trang **Device Information** (Thông tin Thiết bị), tên sản phẩm mặc định nằm trong trường **Device Name** (Tên Thiết bị). Bạn có thể thay đổi tên này để xác định duy nhất sản phẩm này.

 **GHI CHÚ:** Không bắt buộc phải hoàn tất các trường khác trên trang này.

4. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng) để lưu các thay đổi.

Định cấu hình các thông số IPv4 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công

Sử dụng các menu **Administration** (Quản trị) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv4, mặt nạ mạng phụ và cổng mặc định theo cách thủ công.


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - **Administration** (Quản trị)
 - **Network Settings** (Cài đặt mạng)
 - **Jetdirect Menu** (Menu Jetdirect)
 - **TCP/IP**
 - **Cài đặt IPV 4**
 - **Config Method** (Phương pháp cấu hình)
3. Chọn tùy chọn **Manual** (Thủ công), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).
4. Mở menu **Manual Settings** (Cài đặt Thủ công).

5. Chạm vào tùy chọn **IP Address** (Địa chỉ IP), **Subnet Mask** (Mặt nạ mạng Phụ), hoặc **Default Gateway** (Cổng Mặc định).
6. Chạm vào trường đầu tiên để mở bàn phím số. Nhập các chữ số chính xác cho trường này, sau đó chạm vào nút **OK**.

Lặp lại quá trình này cho mỗi trường, sau đó chạm vào nút **OK**.

Định cấu hình các thông số IPv6 TCP/IP từ bảng điều khiển theo cách thủ công


Sử dụng các menu **Administration** (Quản trị) trên bảng điều khiển để đặt địa chỉ IPv6 theo cách thủ công.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Để cho phép cấu hình thủ công, hãy mở các menu sau:
 - **Administration** (Quản trị)
 - **Network Settings** (Cài đặt mạng)
 - **Jetdirect Menu** (Menu Jetdirect)
 - **TCP/IP**
 - **IPV6 Settings** (Cài đặt IPV6)
 - **Address** (Địa chỉ)
 - **Manual Settings** (Cài đặt thủ công)
 - **Enable** (Bật)


Chọn tùy chọn **On** (Bật), sau đó chạm vào nút **Save** (Lưu).


3. Để lập cấu hình địa chỉ, hãy chạm vào nút **Address** (Địa chỉ), sau đó chạm vào trường này để mở bàn phím số.
4. Sử dụng bàn phím số để nhập địa chỉ, sau đó chạm vào nút **OK**.
5. Chạm vào nút **Save** (Lưu) hoặc bấm nút **OK**.


Cài đặt in hai mặt và tốc độ liên kết

 **GHI CHÚ:** Thông tin này chỉ áp dụng cho mạng Ethernet. Thông tin này không áp dụng cho mạng không dây.

Tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu của máy chủ in phải phù hợp với hub mạng. Nên để sản phẩm ở chế độ tự động trong hầu hết các trường hợp. Các thay đổi không đúng đối với cài đặt tốc độ liên kết và in hai mặt có thể ngăn sản phẩm không truyền tín hiệu được với các thiết bị mạng khác. Để thực hiện thay đổi, hãy sử dụng bảng điều khiển của sản phẩm.

 **GHI CHÚ:** Cài đặt của sản phẩm phải khớp với cài đặt cho thiết bị mạng (hub mạng, thiết bị chuyển mạch, cổng nối, bộ định tuyến, hoặc máy tính).

 **GHI CHÚ:** Khi thay đổi những cài đặt này, sản phẩm sẽ tắt đi, sau đó lại bật lại. Chỉ thay đổi khi sản phẩm chạy không (nhàn rỗi).

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [Network Settings \(Cài đặt mạng\)](#)
 - [Jetdirect Menu \(Menu Jetdirect\)](#)
 - [Tốc độ Liên kết](#)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - [Auto](#) (Tự động): Máy chủ in tự động cấu hình chính bản thân máy sao cho đạt được tốc độ liên kết và chế độ truyền tín hiệu tốt nhất mà máy được phép có trên mạng.
 - [10T Half](#) (10T một nửa): Truyền bán song công, 10 megabyte mỗi giây (Mbps)
 - [10T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 10 Mbps
 - [10T Auto](#) (100TX tự động): Truyền song công tự động, 10 Mbps
 - [100TX Half](#) (100TX một nửa): Truyền bán song công, 100 Mbps
 - [100TX Full](#) (100TX đầy đủ): Truyền song công, 100 Mbps
 - [100TX Auto](#) (100TX tự động): Truyền song công tự động, 100 Mbps
 - [1000T Full](#) (10T đầy đủ): Truyền song công, 1000 Mbps
4. Chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#). Sản phẩm sẽ tắt, sau đó bật lại.

Tính năng bảo mật sản phẩm

Giới thiệu

Sản phẩm bao gồm một số tính năng bảo mật để giới hạn ai có quyền truy cập để lập cấu hình các cài đặt, để bảo mật dữ liệu và để ngăn không cho truy cập vào các thành phần phần cứng có giá trị.

- [Tuyên bố bảo mật](#)
- [Bảo mật IP](#)
- [Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP](#)
- [Đăng nhập vào sản phẩm](#)
- [Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP](#)
- [Khóa bộ định dạng](#)

Tuyên bố bảo mật

Sản phẩm hỗ trợ các chuẩn bảo mật và các giao thức được khuyến nghị sử dụng. Những chuẩn và giao thức này giúp bạn giữ an toàn cho sản phẩm, bảo vệ những thông tin then chốt trên mạng của bạn, và đơn giản hóa cách thức giám sát và duy trì sản phẩm.

Để biết thông tin chi tiết hơn về các giải pháp in ấn và ảnh hóa an toàn của HP, hãy truy cập www.hp.com/go/secureprinting. Trang này cung cấp các liên kết đến các tài liệu về những câu hỏi thường gặp và sách trắng về các tính năng an toàn.

Bảo mật IP


Bảo mật IP (IPsec) là tập hợp các giao thức kiểm soát lưu lượng truy cập mạng dựa trên IP vào và ra sản phẩm. IPsec cho phép xác nhận giá trị từ máy chủ này đến máy chủ khác, tính nguyên vẹn của dữ liệu và sự mã hóa các kênh giao tiếp mạng.

Đối với những sản phẩm được kết nối mạng và có máy chủ in HP Jetdirect, bạn có thể cấu hình IPsec bằng cách sử dụng tab **Networking** (Hoạt động Mạng) trong Máy chủ web nhúng của HP.


Gán hoặc thay đổi mật khẩu hệ thống bằng Máy chủ web nhúng HP


Gán một mật khẩu của người quản trị để truy cập vào Máy chủ web nhúng của HP để người sử dụng không được phép không thể thay đổi cài đặt của sản phẩm.

1. Mở Máy chủ Web HP Nhúng (EWS):
 - a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.

Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.


- b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím **Enter** trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Nhấp tab **Security** (Bảo mật).
3. Mở menu **General Security** (Bảo mật Chung).
4. Trong vùng có nhãn **Set the Local Administrator Password** (Đặt mật khẩu người quản trị cục bộ), nhập tên để liên kết với mật khẩu trong trường **Username** (Tên người dùng).
5. Nhập mật khẩu vào trường **New Password** (Mật khẩu Mới), sau đó nhập lại mật khẩu này vào trường **Verify Password** (Xác nhận Mật khẩu).

 **GHI CHÚ:** Để thay đổi mật khẩu hiện tại, trước tiên bạn phải nhập mật khẩu hiện tại vào trường **Old Password** (Mật khẩu Cũ).


6. Nhấp vào nút **Apply** (Áp dụng).


 **GHI CHÚ:** Ghi lại mật khẩu và để ở nơi an toàn.

Đăng nhập vào sản phẩm

Một số tính năng trên bảng điều khiển sản phẩm có thể được bảo mật để những người không được phép không thể sử dụng chúng. Khi một tính năng được bảo mật, sản phẩm sẽ nhắc bạn đăng nhập trước khi bạn có thể sử dụng nó. Bạn cũng có thể đăng nhập mà không cần chờ nhắc bằng cách chạm vào nút **Sign In** (Đăng nhập) từ bảng điều khiển của sản phẩm.

Thông thường, thông tin đăng nhập vào sản phẩm giống với thông tin đăng nhập vào mạng. Tham khảo ý kiến của người quản trị mạng cho sản phẩm này nếu bạn có câu hỏi về thông tin đăng nhập để sử dụng.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Chọn **Sign In** (Đăng nhập).
3. Làm theo lời nhắc để nhập thông tin đăng nhập.

 **GHI CHÚ:** Để duy trì bảo mật cho sản phẩm, chọn **Sign Out** (Đăng xuất) khi sử dụng xong sản phẩm.

Hỗ trợ mã hóa: Ổ cứng Bảo mật Hiệu suất Cao của HP

Ổ cứng này cung cấp tính năng mã hóa bằng phần cứng để bạn có thể lưu dữ liệu nhạy cảm một cách an toàn mà không ảnh hưởng tới hiệu suất của sản phẩm. Ổ cứng này sử dụng Chuẩn mã hóa nâng cao (AES) mới nhất và có tính năng tiết kiệm thời gian linh hoạt và chức năng mạnh mẽ.

Sử dụng menu **Security** (Bảo mật) trong Máy chủ web nhúng của HP để cấu hình đĩa.

Khóa bộ định dạng

Bạn có thể gắn cáp bảo mật vào khe trên bộ định dạng. Khóa bộ định dạng ngăn không cho ai đó tháo các thành phần có giá trị ra khỏi bộ định dạng.


Cài đặt tiết kiệm

Giới thiệu

- [Tối ưu hóa tốc độ hoặc việc sử dụng năng lượng](#)
- [Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình sản phẩm để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn](#)

Tối ưu hóa tốc độ hoặc việc sử dụng năng lượng


Theo mặc định, sản phẩm duy trì trạng thái ấm giữa các lệnh in để tối ưu hóa tốc độ và in trang đầu tiên nhanh hơn. Để tiết kiệm năng lượng, hãy thiết lập sản phẩm ở trạng thái làm mát giữa các lệnh in. Sản phẩm có bốn tính năng cài đặt gia tăng để tối ưu hóa tốc độ hoặc việc sử dụng năng lượng.


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Cài đặt Năng lượng](#)
 - [Optimum Speed/Energy Usage \(Sử dụng Năng lượng/Tốc độ Tối ưu\)](#)
3. Chọn tùy chọn mà bạn muốn dùng, sau đó chạm vào nút [Save \(Lưu\)](#) hoặc bấm nút [OK](#).

 **GHI CHÚ:** Cài đặt mặc định là [Faster first page](#) (In trang đầu tiên nhanh hơn).

Đặt hẹn giờ nghỉ và lập cấu hình sản phẩm để dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn

Sản phẩm có một số tùy chọn dành cho tính năng hẹn giờ nghỉ tiết kiệm năng lượng. Bạn có thể điều chỉnh thời gian trì hoãn để nhập tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động) và việc dùng nguồn điện trong suốt tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động) thay đổi khác nhau tùy theo lựa chọn cho tùy chọn Wake/Auto On (Hoạt động/Tự động bật).

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Cài đặt Năng lượng](#)
 - [Sleep Timer Settings \(Cài đặt hẹn giờ nghỉ\)](#)
3. **Bảng điều khiển 4 dòng chỉ:** Chọn [Sleep/Auto Off Timer](#) (Hẹn giờ tắt chế độ Nghỉ/Tự động) rồi chọn [Enabled](#) (Đã bật). Bấm nút [OK](#).
4. Chọn [Sleep /Auto Off After](#) (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động sau).
5. Dùng bàn phím để nhập khoảng thời gian thích hợp, sau đó chạm vào nút [Save](#) (Lưu) hoặc bấm nút [OK](#).

 **GHI CHÚ:** Thời gian mặc định cho chế độ nghỉ là 1 phút.

6. Chọn một trong các tùy chọn **Wake/Auto On to These Events** (Hoạt động/Tự động bật sự kiện này):
- **All events** (Tất cả các sự kiện): Sản phẩm hoạt động khi nhận được bất kỳ lệnh in (qua cổng USB, cổng mạng, hoặc kết nối không dây), hoặc khi ai đó bấm vào nút trên bảng điều khiển, hay mở bất kỳ khay hoặc cửa nào.
 - **Network port** (Cổng mạng): Sản phẩm hoạt động khi nhận được một lệnh in được gửi đến qua cổng mạng, hoặc khi ai đó bấm vào nút trên bảng điều khiển, hoặc mở bất kỳ khay hoặc cửa nào. **Với cài đặt này, sản phẩm dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi ở tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động).**
 - **Power button only** (Chỉ nút nguồn): Sản phẩm chỉ hoạt động khi ai đó bấm vào nút nguồn. **Với cài đặt này, sản phẩm dùng nguồn điện 1 watt hoặc ít hơn khi ở tình trạng Sleep/Auto Off (Tắt chế độ Nghỉ/Tự động).**

HP Web Jetadmin

HP Web Jetadmin là công cụ dẫn đầu trong ngành, giành được giải thưởng cho việc quản lý hiệu quả hàng loạt các sản phẩm HP nối mạng, bao gồm máy in, sản phẩm đa năng và thiết bị gửi kỹ thuật số. Giải pháp đơn nhất này cho phép bạn cài đặt, giám sát, bảo trì, xử lý sự cố và bảo mật từ xa cho môi trường in và xử lý hình ảnh của mình - cuối cùng là tăng năng suất của doanh nghiệp bằng cách giúp bạn tiết kiệm thời gian, kiểm soát chi phí và bảo vệ vốn đầu tư của bạn.

Các bản nâng cấp HP Web Jetadmin được đưa ra định kỳ để hỗ trợ cho các tính năng sản phẩm cụ thể. Hãy truy cập www.hp.com/go/webjetadmin và nhấp vào liên kết **Self Help and Documentation** (Tự trợ giúp và tài liệu) để tìm hiểu thêm về các bản nâng cấp.

Cập nhật phần mềm và chương trình cơ sở

HP thường xuyên cập nhật các tính năng có trong chương trình cơ sở của sản phẩm. Tận dụng tính năng hiện tại, cập nhật chương trình cơ sở của sản phẩm. Tải xuống tệp cập nhật chương trình cơ sở gần đây nhất từ web:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553. Nhấp vào **Drivers & Software (Trình điều khiển & Phần mềm)**.

6 Giải quyết sự cố

- [Hỗ trợ khách hàng](#)
- [Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển](#)
- [Khôi phục cài đặt mặc định gốc](#)
- [Thông báo “Cartridge is low” \(Hộp mực in ở mức thấp\) hoặc “Cartridge is very low” \(Hộp mực in gần hết\) hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm](#)
- [Sản phẩm không nhận được giấy hoặc nạp giấy sai](#)
- [Xử lý kẹt giấy](#)
- [Cải thiện chất lượng in](#)
- [Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây](#)

Để biết thêm thông tin:

Hãy truy cập www.hp.com/support/colorljM552, www.hp.com/support/colorljM553.


Trợ giúp trọn gói của HP dành cho sản phẩm bao gồm thông tin sau:

- Cài đặt và cấu hình
- Tìm hiểu và sử dụng
- Giải quyết sự cố
- Tải về các bản cập nhật phần mềm
- Tham gia các diễn đàn hỗ trợ
- Tìm thông tin về tuân thủ theo quy định và bảo hành

Hỗ trợ khách hàng

Nhận hỗ trợ qua điện thoại cho quốc gia/vùng của bạn	Bạn có thể xem các số điện thoại cho mỗi quốc gia/vùng lãnh thổ trên tờ rơi đi kèm trong hộp sản phẩm bạn đã mua hoặc xem tại www.hp.com/support/ .
Chuẩn bị sẵn sàng tên sản phẩm, số sê-ri, ngày mua hàng và thông tin mô tả sự cố.	
Được hỗ trợ Internet 24 giờ và tải xuống các tiện ích và trình điều khiển phần mềm	www.hp.com/support/colorijM552 , www.hp.com/support/colorijM553
Đặt mua thêm dịch vụ HP hoặc đặt hợp đồng bảo trì	www.hp.com/go/carepack
Đăng ký sản phẩm của bạn	www.register.hp.com


Hệ thống trợ giúp bảng điều khiển

Sản phẩm có hệ thống Trợ giúp cài sẵn giải thích cách sử dụng từng màn hình. Để mở hệ thống Trợ giúp, hãy chạm vào nút  Trợ giúp ở góc trên bên phải màn hình.

Đối với một số màn hình, phần Trợ giúp mở ra một menu chung để bạn có thể tìm kiếm các chủ đề cụ thể. Bạn có thể duyệt qua cấu trúc menu bằng cách chạm vào các nút trong menu.

Một số màn hình Trợ giúp có cả hình động sẽ hướng dẫn bạn thực hiện các quy trình, chẳng hạn như gỡ giấy kẹt.

Đối với các màn hình bao gồm phần cài đặt cho mỗi lệnh in, phần Trợ giúp sẽ mở ra một chủ đề giải thích các tùy chọn cho màn hình đó.

Nếu sản phẩm báo lỗi hoặc đưa ra cảnh báo, hãy chạm vào nút  Trợ giúp để mở thông báo mô tả sự cố. Thông báo cũng chứa hướng dẫn giúp giải quyết sự cố.


Khôi phục cài đặt mặc định gốc

Giới thiệu

Dùng một trong các phương thức sau để khôi phục sản phẩm về các cài đặt gốc từ nhà máy.


 **GHI CHÚ:** Khôi phục cài đặt gốc có thể đặt lại ngôn ngữ sản phẩm.

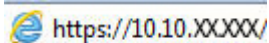
Khôi phục cài đặt gốc từ bảng điều khiển của sản phẩm


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Restore Factory Settings \(Khôi phục cài đặt gốc\)](#)
3. Một thông báo xác nhận sẽ cho biết việc hoàn thành chức năng xác lập lại có thể gây ra thất thoát dữ liệu. Chọn [Reset \(Xác lập lại\)](#) để hoàn thành quá trình.

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Khôi phục cài đặt gốc từ Máy chủ Web Nhúng của HP (chỉ dành cho các sản phẩm kết nối mạng)

1. Mở Máy chủ Web Nhúng (EWS) của HP:
 - a. **Bảng điều khiển 4 dòng:** Xem màn hình bảng điều khiển để xem địa chỉ IP.
Bảng điều khiển màn hình cảm ứng: Từ Màn hình chính trên bảng điều khiển của sản phẩm, chạm vào nút Network  (Mạng) để hiển thị địa chỉ IP hoặc tên máy chủ.
 - b. Mở trình duyệt web, trong dòng địa chỉ, gõ chính xác địa chỉ IP hoặc tên máy chủ như được hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm. Bấm phím [Enter](#) trên bàn phím máy tính. EWS sẽ mở ra.

 <https://10.10.XX.XXX/>

 **GHI CHÚ:** Nếu trình duyệt web hiển thị thông báo **There is a problem with this website's security certificate** (Xuất hiện sự cố với chứng nhận bảo mật của trang web này) khi tìm cách mở EWS, nhấp **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)).

Chọn **Continue to this website (not recommended)** (Tiếp tục truy cập trang web (không đề xuất)) sẽ không ảnh hưởng đến máy tính trong khi điều hướng trong phạm vi EWS cho sản phẩm HP.

2. Mở tab **General** (Chung).
3. Ở bên trái màn hình, nhấp **Restore Factory Settings** (Khôi phục lại cài đặt gốc).
4. Bấm vào nút **Reset** (Xác lập lại).

 **GHI CHÚ:** Sản phẩm sẽ tự động khởi động lại sau khi hoàn thành thao tác xác lập lại.

Thông báo “Cartridge is low” (Hộp mực in ở mức thấp) hoặc “Cartridge is very low” (Hộp mực in gần hết) hiển thị trên bảng điều khiển của sản phẩm


Cartridge is low (Hộp mực in ở mức thấp): Sản phẩm sẽ cho biết khi một hộp mực in còn ít. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay lúc này.

Black cartridge is low (Hộp mực đen gần hết): Sản phẩm sẽ cho biết khi một hộp mực in gần hết. Lượng mực in còn lại thực tế có thể khác. Hãy xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Khi hộp mực in HP **Very Low** (Gần hết), Bảo hành Bảo vệ đặc biệt của HP trên hộp mực in đó sẽ chấm dứt.

Thay đổi cài đặt “Very Low” (Gần hết)

Bạn có thể thay đổi cách sản phẩm phản ứng khi mực in ở tình trạng Gần hết. Bạn không phải thiết lập lại các cài đặt này khi bạn cài đặt một hộp mực in mới.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau:
 - [Supplies](#) (Mực in)
 - [Manage Supplies](#) (Quản lý mực in)
 - [Supply Settings](#) (Cài đặt mực in)
 - [Black Cartridge](#) (Hộp mực đen) hoặc [Color Cartridge](#) (Hộp mực màu)
 - [Very Low Settings](#) (Cài đặt gần hết)
3. Chọn một trong các tùy chọn sau:
 - Chọn tùy chọn [Stop](#) (Dừng) để đặt sản phẩm dừng in khi hộp mực ở ngưỡng **Very Low** (Gần hết).
 - Chọn tùy chọn [Prompt to continue](#) (Nhắc để tiếp tục) để đặt sản phẩm dừng in khi hộp mực tiến đến ngưỡng **Very Low** (Gần hết). Bạn có thể xác nhận lời nhắc hoặc thay thế hộp mực để tiếp tục in.
 - Chọn tùy chọn [Continue](#) (Tiếp tục) để đặt sản phẩm cảnh báo bạn rằng hộp mực gần hết và tiếp tục in ngoài mức cài đặt **Very Low** (Gần hết) mà không cần tương tác. Điều này có thể dẫn tới chất lượng in không tốt.

Đối với các sản phẩm có tính năng fax

Khi sản phẩm được đặt về tùy chọn [Stop](#) (Dừng) hoặc [Prompt to continue](#) (Nhắc để tiếp tục), có khả năng là các bản fax sẽ không in được khi sản phẩm tiếp tục in. Điều này có thể xảy ra nếu sản phẩm đã nhận được số bản fax nhiều hơn khả năng lưu giữ của bộ nhớ trong khi sản phẩm đang chờ.

Sản phẩm có thể in các bản fax mà không bị gián đoạn khi vượt ngưỡng Gần hết nếu bạn chọn tùy chọn [Continue](#) (Tiếp tục) cho hộp mực in nhưng chất lượng in có thể giảm xuống.

Đặt hàng mực in

Đặt hàng mực in và giấy	www.hp.com/go/suresupply
Đặt hàng qua các nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ	Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ hoặc hỗ trợ được HP ủy quyền.
Đặt hàng bằng Máy chủ Web Nhúng của HP (EWS)	Để truy cập, trong trình duyệt web được hỗ trợ trên máy tính của bạn, nhập địa chỉ IP của sản phẩm hoặc tên máy chủ trong trường địa chỉ/URL. EWS chứa liên kết tới trang web HP SureSupply, nơi cung cấp các tùy chọn mua hộp mực HP gốc.

Sản phẩm không nhặt được giấy hoặc nạp giấy sai

Giới thiệu

Các giải pháp sau đây có thể giúp giải quyết sự cố nếu sản phẩm không nạp giấy từ khay hoặc nạp nhiều giấy cùng một lúc.

- [Sản phẩm không nạp giấy](#)
- [Sản phẩm nạp nhiều giấy](#)

Sản phẩm không nạp giấy

Nếu sản phẩm không nạp giấy từ khay, hãy thử các giải pháp sau.

1. Mở sản phẩm và gỡ hết giấy bị kẹt ra.
2. Nạp khay với giấy có kích thước chính xác cho lệnh in của bạn.
3. Hãy đảm bảo rằng loại và khổ giấy được cài chính xác trên bảng điều khiển của sản phẩm.
4. Đảm bảo rằng các dẫn hướng giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay.
5. Kiểm tra bảng điều khiển sản phẩm để xem sản phẩm có đang chờ bạn xác nhận lời nhắc nạp giấy theo cách thủ công hay không. Nạp giấy và tiếp tục.
6. Con lăn trên khay có thể bị bụi bẩn. Lau sạch con lăn bằng miếng vải không có xơ được làm ẩm bằng nước ấm.

Sản phẩm nạp nhiều giấy

Nếu sản phẩm nạp nhiều giấy từ khay, hãy thử những giải pháp sau.

1. Lấy tập giấy ra khỏi khay và uốn cong tập giấy, xoay tập giấy 180 độ, rồi lật lại. *Không xòe giấy ra.* Đưa tập giấy vào lại khay.
2. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
3. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gập hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các dẫn hướng giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh thanh dẫn theo dấu phù hợp trên khay.
6. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

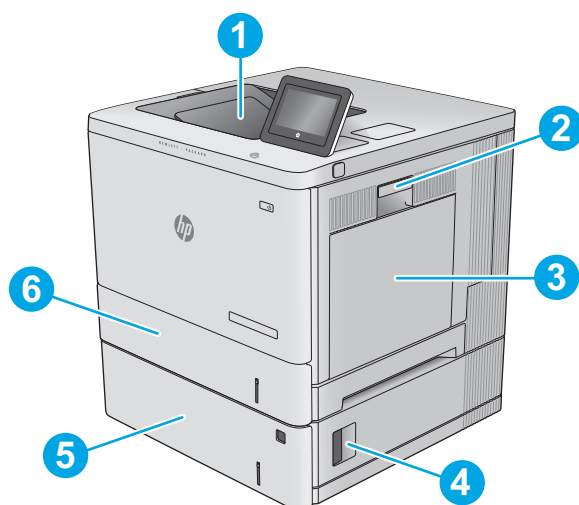
Xử lý kẹt giấy

Giới thiệu

Thông tin sau đây bao gồm các hướng dẫn về cách gỡ giấy kẹt khỏi sản phẩm.

- [Các vị trí kẹt giấy](#)
- [Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt](#)
- [Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?](#)
- [Xử lý giấy kẹt trong khay 1](#)
- [Xử lý giấy kẹt trong khay 2](#)
- [Gỡ giấy kẹt trong các khay 550 tờ tùy chọn](#)
- [Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải và khu vực cuộn sấy](#)
- [Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra](#)

Các vị trí kẹt giấy



1	Ngăn giấy đầu ra	Xem Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra thuộc trang 100 .
2	Cửa bên phải và khu vực cuộn sấy	Xem Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải và khu vực cuộn sấy thuộc trang 95 .
3	Khay 1	Xem Xử lý giấy kẹt trong khay 1 thuộc trang 88 .
4	Cửa bên phải phía dưới	Xem Gỡ giấy kẹt trong các khay 550 tờ tùy chọn thuộc trang 92 .
5	Khay 550 tờ tùy chọn	Xem Gỡ giấy kẹt trong các khay 550 tờ tùy chọn thuộc trang 92 .
6	Khay 2	Xem Xử lý giấy kẹt trong khay 2 thuộc trang 90 .

Tự động điều hướng để tháo giấy kẹt

Tính năng tự động điều hướng hỗ trợ bạn tháo giấy kẹt bằng cách cung cấp các hướng dẫn từng bước trên bảng điều khiển. Khi hoàn tất một bước, sản phẩm sẽ hiển thị các hướng dẫn cho bước tiếp theo, cho đến khi bạn thực hiện xong tất cả các bước trong quy trình.

Bạn gặp phải tình trạng kẹt giấy thường xuyên hoặc tái diễn?

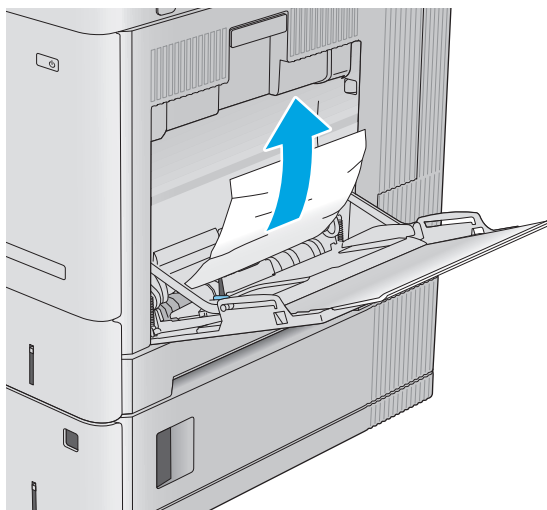
Để giảm số lần kẹt giấy, hãy thử các giải pháp sau.

1. Chỉ sử dụng giấy đáp ứng thông số kỹ thuật của HP cho sản phẩm này.
2. Sử dụng giấy không bị nhăn, bị gấp hoặc bị hỏng. Nếu cần, hãy sử dụng giấy từ gói giấy khác.
3. Sử dụng giấy chưa được in hoặc sao chép trước đó.
4. Đảm bảo rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy. Nếu khay quá đầy, hãy lấy toàn bộ tập giấy ra khỏi khay, làm phẳng tập giấy, rồi đưa một số giấy vào lại khay.
5. Đảm bảo rằng các thanh dẫn giấy trong khay được điều chỉnh chính xác với khổ giấy. Điều chỉnh các thanh dẫn để chúng hơi chạm vào tập giấy mà không làm cong giấy.
6. Đảm bảo rằng khay được lắp hoàn toàn vào sản phẩm.
7. Nếu bạn đang in trên giấy nặng, được dập nổi, hoặc được đục lỗ, hãy sử dụng tính năng nạp giấy thủ công và nạp từng tờ một.
8. Mở menu **Trays** (Khay) trên bảng điều khiển của sản phẩm. Kiểm tra và đảm bảo rằng khay được cấu hình chính xác cho loại và kích cỡ giấy.
9. Hãy đảm bảo môi trường in có các thông số kỹ thuật được khuyến nghị.

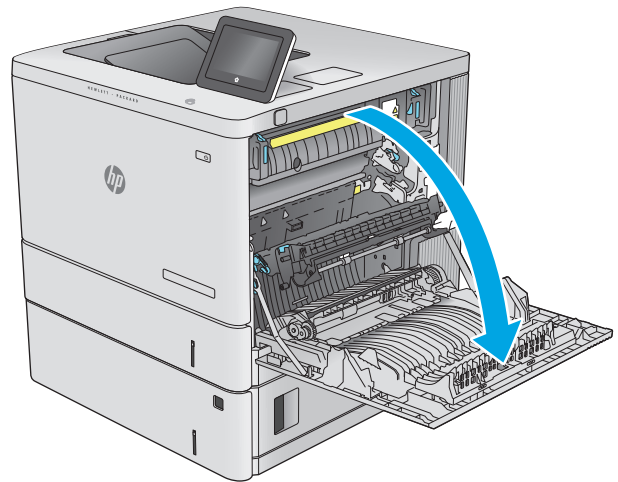
Xử lý giấy kẹt trong Khay 1

Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 1. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

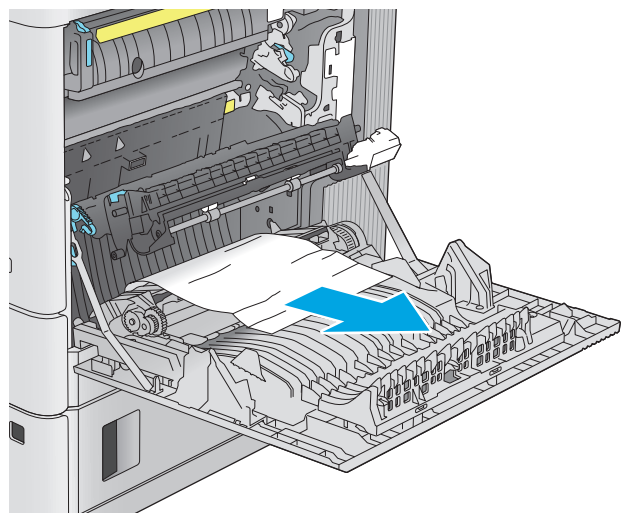
1. Nếu nhìn thấy giấy bị kẹt trong Khay 1, hãy gỡ giấy bị kẹt bằng cách nhẹ nhàng kéo giấy thẳng ra. Bấm nút **OK** để xóa thông báo này.



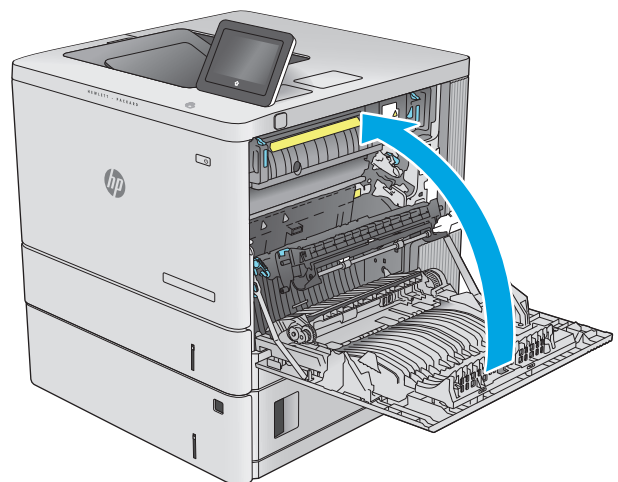
2. Nếu vẫn còn giấy kẹt hoặc nếu không nhìn thấy giấy kẹt nào bên trong khay 1, hãy lấy hết giấy còn thừa lại trong khay, rồi đóng khay 1 và mở cửa bên phải.



3. Hãy nhẹ nhàng kéo giấy ra ngoài nếu có.



4. Đóng cửa bên phải lại.



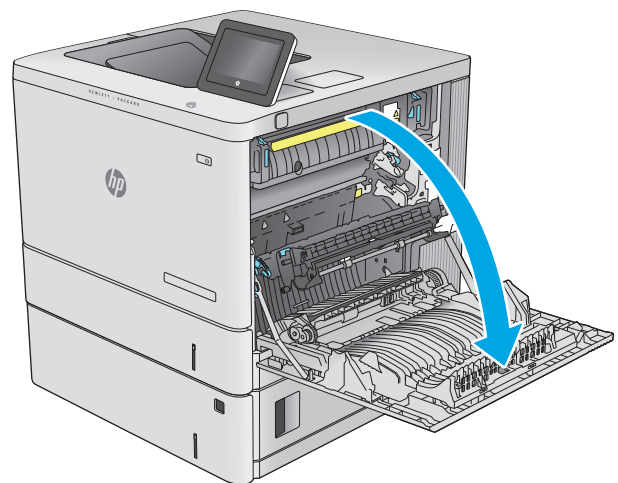
Xử lý giấy kẹt trong Khay 2

Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong Khay 2. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

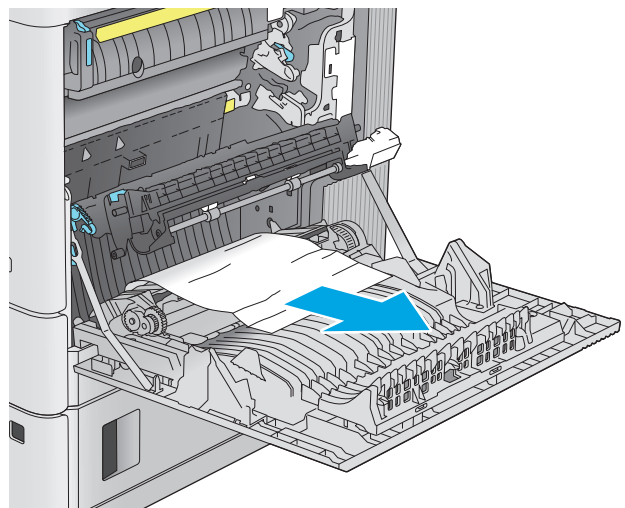
1. Nhấn chốt cài trên cửa bên phải để tháo cửa.



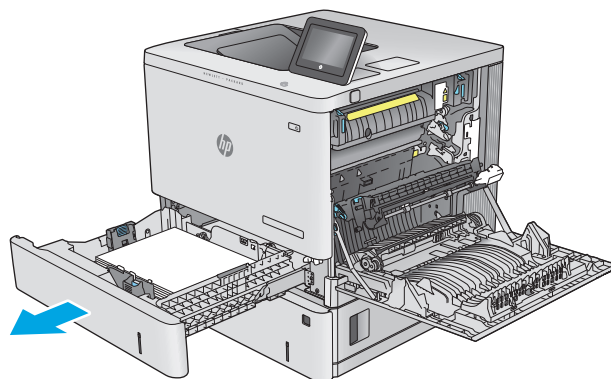
2. Mở cửa bên phải.



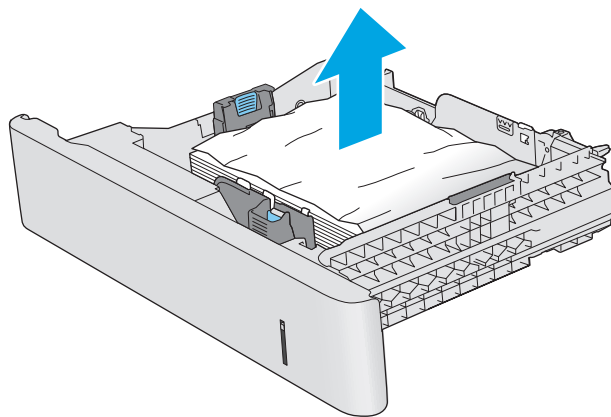
3. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi khu vực nạp giấy.



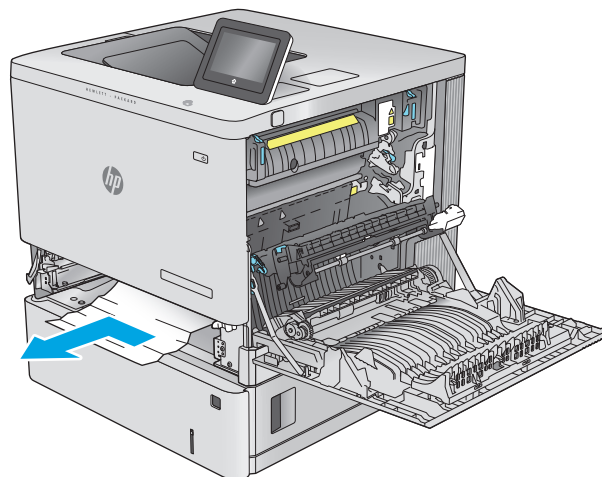
4. Kéo và nhấc nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy.



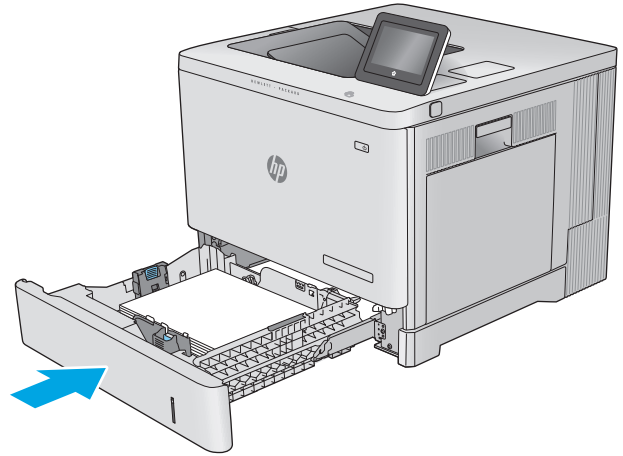
5. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.



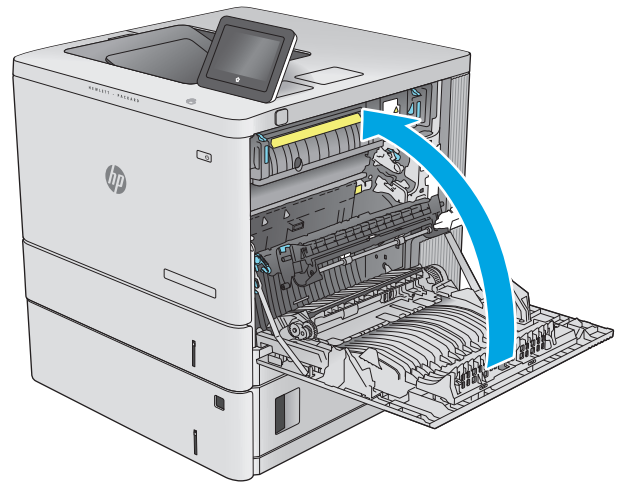
6. Gỡ giấy ra khỏi các trục nạp bên trong máy. Trước tiên kéo giấy về bên trái để nhả giấy, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



7. Lắp lại và đóng khay.



8. Đóng cửa bên phải lại.



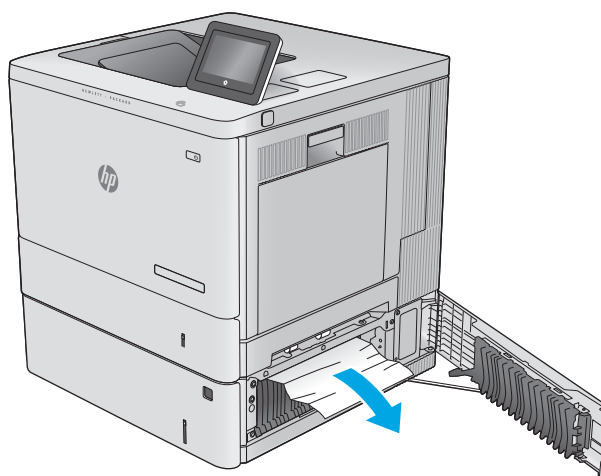
Gỡ giấy kẹt trong các khay 550 tờ tùy chọn

Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy trong các khay nạp giấy 550 tờ tùy chọn. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

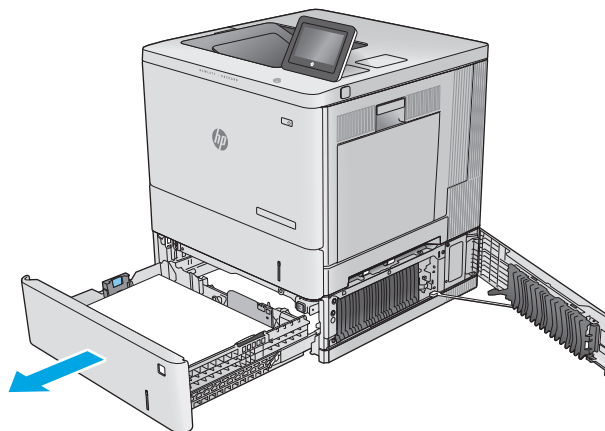
1. Mở cửa bên phải phía dưới.



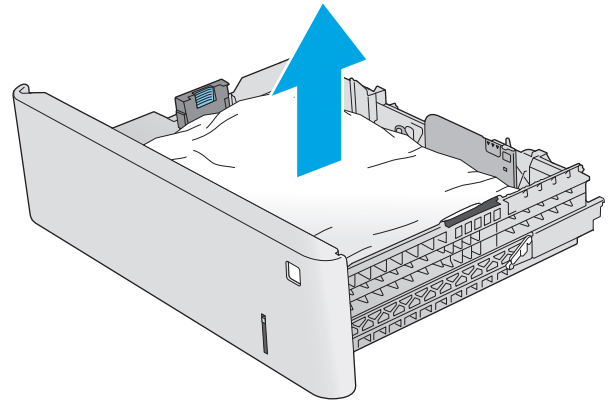
2. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra.



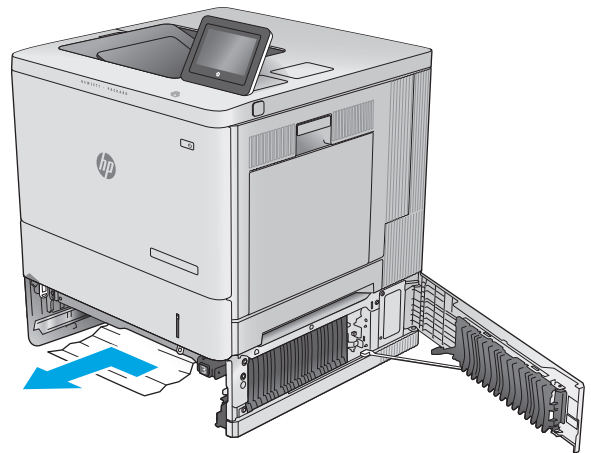
3. Kéo và nhấc nhẹ nhàng để kéo hết khay ra khỏi máy.



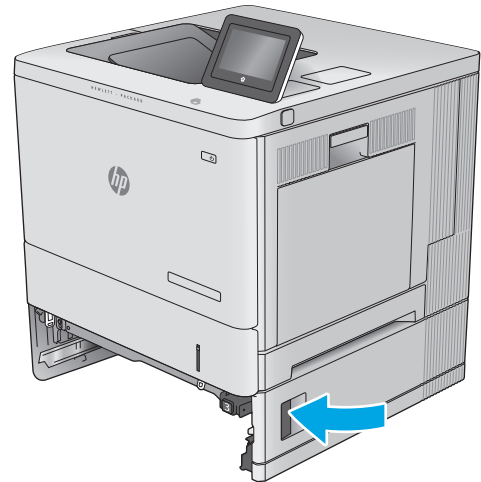
4. Gỡ giấy bị kẹt hoặc giấy bị hỏng. Xác nhận rằng khay không bị nạp quá nhiều giấy và các thanh dẫn giấy được điều chỉnh chính xác.



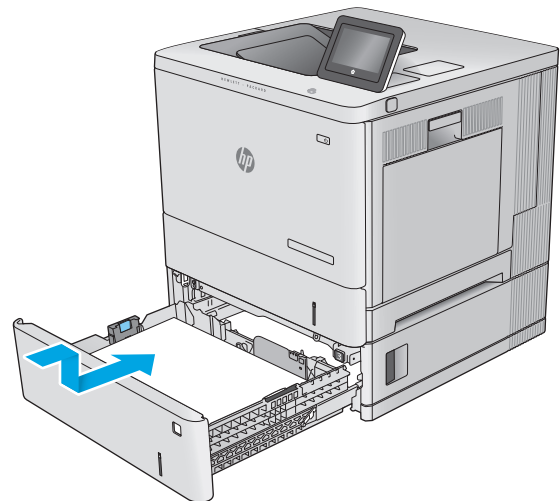
5. Gỡ giấy ra khỏi các trục nạp bên trong máy. Trước tiên kéo giấy về bên trái để nhả giấy, sau đó kéo về phía trước để gỡ giấy.



6. Đóng cửa bên phải phía dưới lại.



7. Lắp lại và đóng khay.



Xử lý kẹt giấy trong cửa bên phải và khu vực cuộn sấy

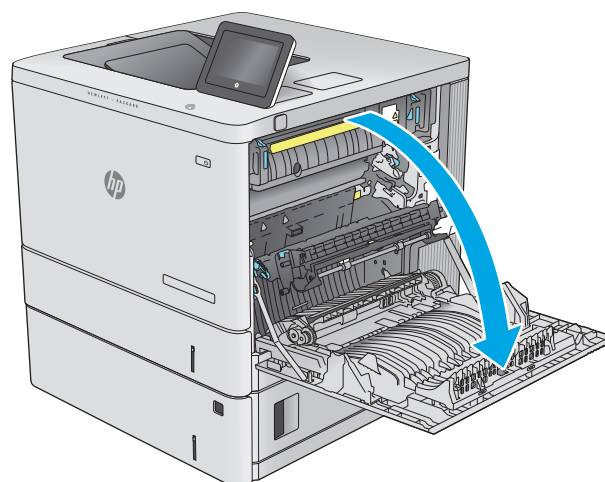
Dùng quy trình sau đây để kiểm tra giấy ở tất cả các vị trí có thể xảy ra kẹt giấy bên trong cửa bên phải. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

⚠ THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

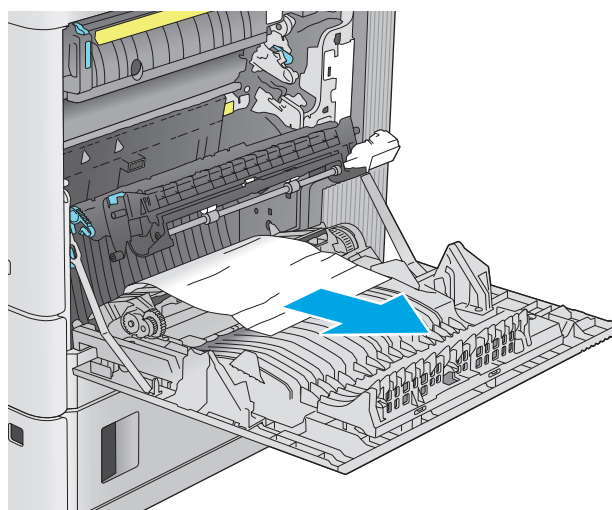
1. Nhấc chốt cài trên cửa bên phải để tháo cửa.



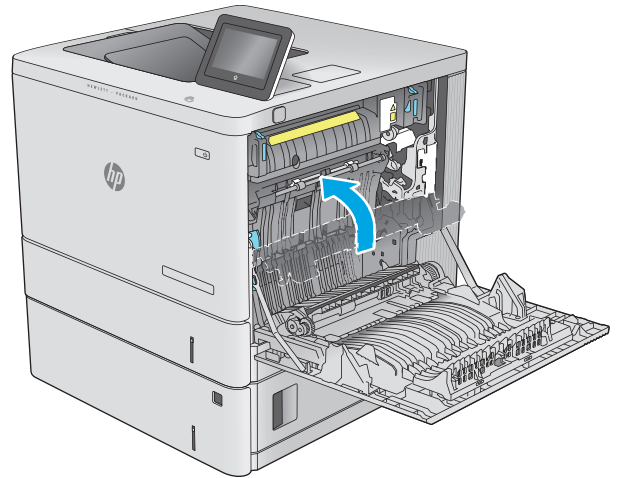
2. Mở cửa bên phải.



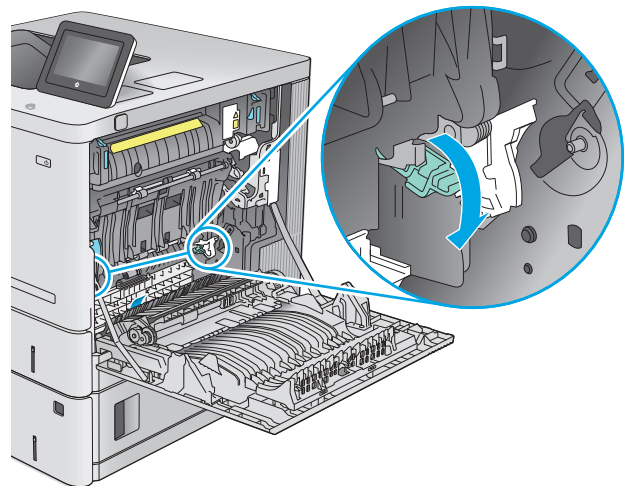
3. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra khỏi khu vực nạp giấy.



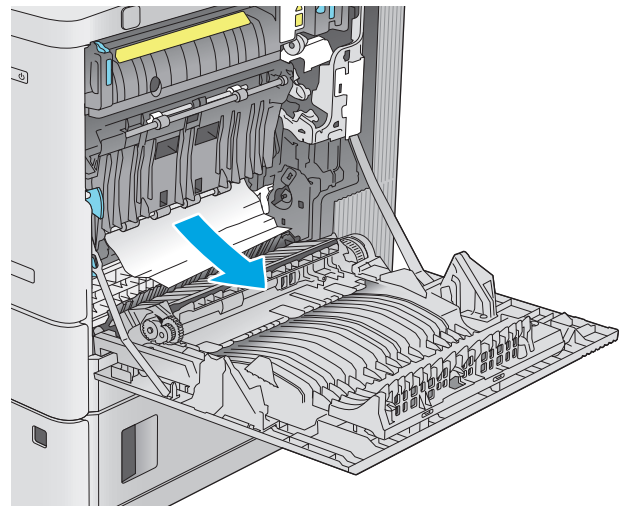
4. Đóng bộ phận chuyển.



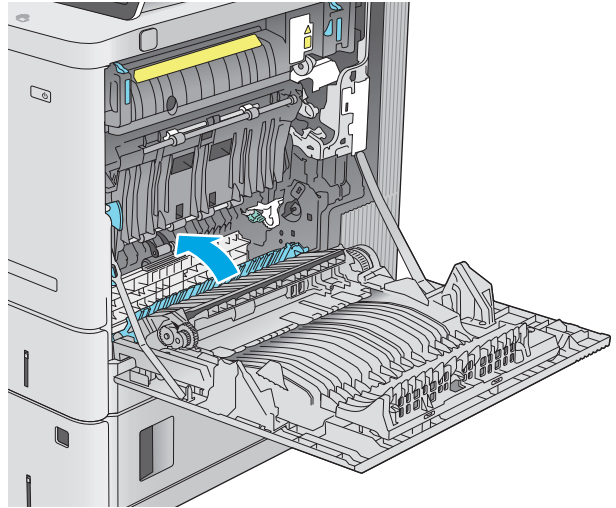
5. Đẩy các cần màu xanh lá cây xuống để mở nắp đậy cửa tháo kẹt giấy.



6. Nhẹ nhàng kéo giấy bị kẹt ra. Nếu giấy rách, hãy chắc là đã gỡ hết giấy thừa.

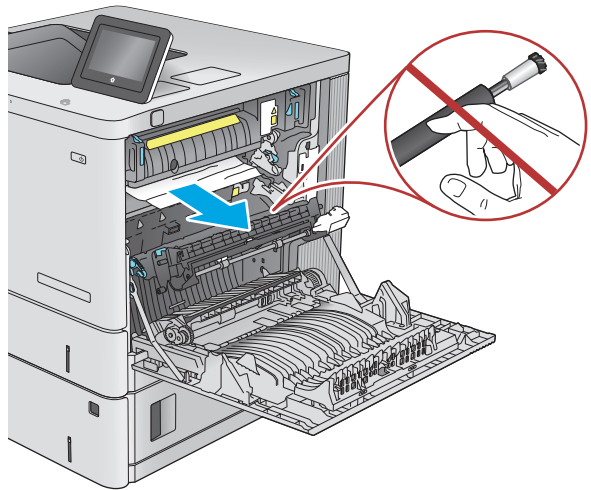


7. Đóng nắp đây cửa tháo kẹt giấy, sau đó hạ bộ phận chuyển xuống.

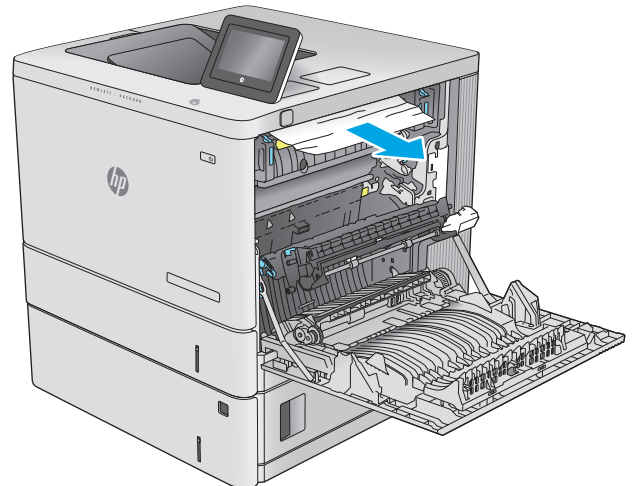


8. Nếu có thể nhìn thấy giấy đi vào dưới đáy cuộn sấy, hãy kéo nhẹ xuống dưới để gỡ giấy.

THẬN TRỌNG: Không chạm vào miếng xốp trên con lăn truyền. Bụi bẩn có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

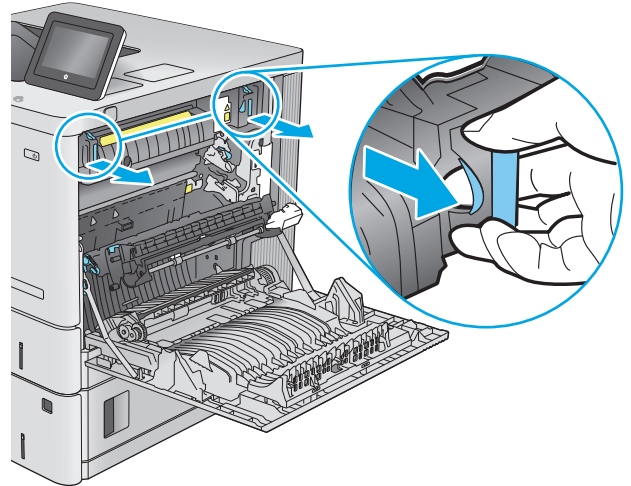


9. Nếu giấy bị kẹt khi đi vào ngăn giấy đầu ra, hãy kéo nhẹ ra để gỡ giấy.



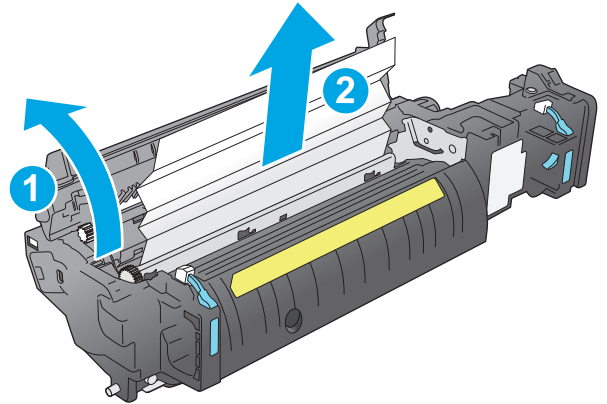
10. Giấy có thể bị kẹt bên trong cuộn sấy, tại vị trí này bạn sẽ không nhìn thấy nó. Nắm vào các tay cầm của cuộn sấy, nhẹ nhàng nhấc nó lên và kéo thẳng ra để tháo cuộn sấy.

THẬN TRỌNG: Cuộn sấy có thể nóng trong khi đang sử dụng sản phẩm. Hãy chờ cho cuộn sấy nguội trước khi xử lý cuộn sấy.

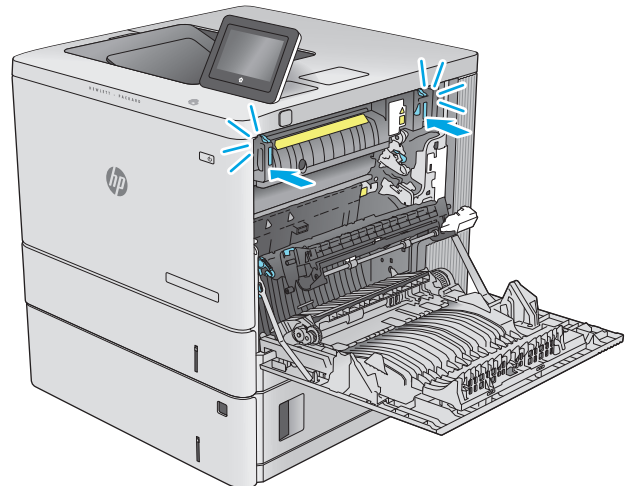


11. Mở cửa tháo kẹt giấy. Nếu giấy bị kẹt bên trong cuộn sấy, nhẹ nhàng kéo thẳng nó lên để tháo nó. Nếu giấy rách, hãy lấy tất cả các mảnh giấy ra.

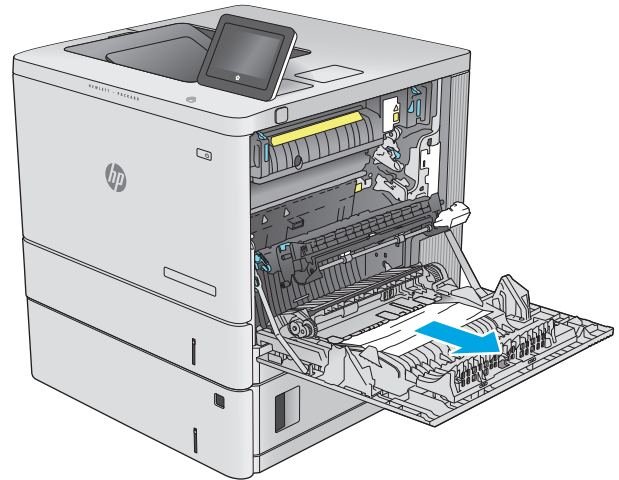
THẬN TRỌNG: Ngay cả khi phần thân của cuộn sấy đã nguội thì các con lăn bên trong có thể vẫn còn nóng. Không chạm vào các trục cuộn sấy cho tới khi chúng nguội xuống.



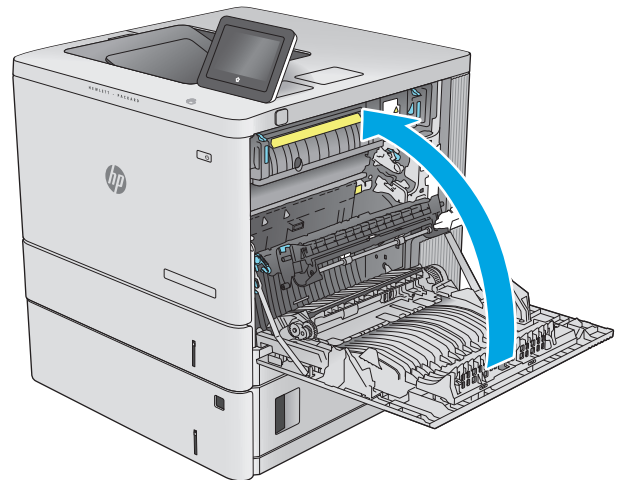
12. Đóng cửa tháo kẹt giấy và ấn hết cuộn sấy vào bên trong máy cho tới khi nó khớp vào vị trí.



13. Kiểm tra xem có giấy bị kẹt trong đường dẫn in hai mặt bên trong cửa bên phải không và lấy giấy bị kẹt ra nếu có.



14. Đóng cửa bên phải lại.



Xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra

Dùng quy trình sau đây để xử lý giấy kẹt ở ngăn giấy đầu ra. Khi giấy bị kẹt, bảng điều khiển hiển thị một hình động để hỗ trợ xử lý giấy kẹt.

1. Nếu nhìn thấy giấy trong ngăn giấy đầu ra, hãy nắm lấy cạnh trên và tháo nó ra.



Cải thiện chất lượng in

Giới thiệu

Nếu sản phẩm đang có sự cố về chất lượng in, thử các giải pháp sau đây theo thứ tự được thể hiện để giải quyết sự cố.

- [In từ một chương trình phần mềm khác](#)
- [Kiểm tra thiết đặt loại giấy cho lệnh in](#)
- [Kiểm tra tình trạng hộp mực in](#)
- [Lau dọn sản phẩm](#)
- [Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường](#)
- [Kiểm tra môi trường in và giấy](#)
- [Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu](#)
- [Kiểm tra các cài đặt lệnh in khác](#)
- [Thử trình điều khiển in khác](#)

In từ một chương trình phần mềm khác

Thử in từ một chương trình phần mềm khác. Nếu trang được in đúng có nghĩa là có sự cố với chương trình phần mềm bạn dùng để in.

Kiểm tra thiết đặt loại giấy cho lệnh in

Kiểm tra thiết đặt loại giấy khi in từ một chương trình phần mềm và các trang đã in có các vết bẩn, in mờ hoặc đậm, giấy bị quăn, lốm đốm bột mực, bột mực không bám dính, hoặc một số vùng nhỏ không có bột mực.

Kiểm tra thiết đặt loại giấy (Windows)

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, sau đó bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Bấm vào tab **Paper/Quality** (Giấy/Chất Lượng).
4. Từ danh sách thả xuống **Paper Type** (Loại giấy) nhấp tùy chọn **More...**(Khác).
5. Mở rộng danh sách tùy chọn **Type is:** (Loại là:).
6. Mở rộng danh mục các loại giấy mô tả tốt nhất loại giấy của bạn.
7. Chọn tùy chọn cho loại giấy mà bạn đang dùng và bấm vào nút **OK**.
8. Bấm vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), bấm vào nút **OK** để in lệnh in.


Kiểm tra cài đặt loại giấy (OS X)

1. Nhấp vào menu **File** (Tập) và sau đó nhấp tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm.
3. Hãy bấm **Show Details** (Hiển thị chi tiết) rồi bấm vào menu **Media & Quality** (Phương tiện & Chất lượng) hoặc menu **Paper/Quality** (Giấy/Chất lượng).
4. Chọn một loại từ danh sách **Media-type** (Loại vật liệu in) thả xuống.
5. Nhấp vào nút **In**.

Kiểm tra tình trạng hộp mực in

Làm theo các bước sau để kiểm tra lượng mực ước tính còn lại của hộp mực in và nếu áp dụng, trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế.

Bước một: In trang tình trạng mực in

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Chọn **Supplies** (Mực in).
3. Tình trạng tất cả các hộp mực in được liệt kê trên màn hình.
4. Để in báo cáo tình trạng của tất cả các mực mực in, bao gồm số bộ phận HP chính hãng để đặt hàng lại mực in, hãy chọn **Manage Supplies** (Quản lý mực in) và chọn **Print Supplies Status** (In tình trạng mực in).

Bước hai: Kiểm tra tình trạng mực in

1. Xem báo cáo tình trạng mực in để kiểm tra phần trăm lượng mực còn lại của hộp mực in và nếu áp dụng, trạng thái của các bộ phận bảo trì có thể thay thế.

Các sự cố về chất lượng in có thể xảy ra khi dùng hộp mực in đã hết. Trang tình trạng mực in sẽ thông báo khi mực in gần hết. Sau khi mực in HP đã đạt tới ngưỡng gần hết, có nghĩa là bảo hành bảo vệ đặc biệt của HP cho mực in đó đã chấm dứt.

Không cần thay thế hộp mực in ngay bây giờ trừ khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được. Xem xét chuẩn bị sẵn hộp mực thay thế để lắp vào khi chất lượng in không còn có thể chấp nhận được.

Nếu bạn xác định rằng bạn cần thay thế hộp mực in hoặc các bộ phận bảo trì có thể thay thế khác, trang tình trạng mực in liệt kê các số bộ phận HP chính hãng.

2. Kiểm tra xem liệu bạn có đang dùng hộp mực HP chính hãng không.


Hộp mực in HP chính hãng có chữ "HP" ở trên đó, hoặc có logo HP trên đó. Để biết thêm thông tin về việc nhận diện các hộp mực HP, hãy truy cập www.hp.com/go/learnaboutsupplies.

Lau dọn sản phẩm

In một trang lau dọn

Trong quá trình in, các hạt bụi, mực in, giấy có thể tích tụ bên trong sản phẩm và có thể gây ra các vấn đề về chất lượng in như vết hoặc đốm mực in, vết bẩn, đường hoặc các vết dấu lặp đi lặp lại.

Làm theo các bước sau để làm sạch đường dẫn giấy của sản phẩm.


1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Chọn **Device Maintenance** (Bảo trì Thiết bị).
3. Chọn **Calibration/Cleaning** (Căn chỉnh/Lau dọn), sau đó chọn **Cleaning Page** (Trang lau dọn) để in trang đó.

Thông báo **Cleaning** (Lau dọn) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm. Quá trình lau dọn kéo dài khoảng vài phút. Không tắt sản phẩm cho đến khi hoàn tất quá trình lau dọn. Khi hoàn tất, hãy bỏ trang đã in.

Kiểm tra hộp mực in bằng mắt thường

Làm theo các bước sau để kiểm tra từng hộp mực in.

1. Tháo hộp mực in ra khỏi sản phẩm.
2. Kiểm tra chip bộ nhớ xem có bị hỏng hóc không.
3. Kiểm tra mặt trống hình màu xanh lá cây.

 **THẬN TRỌNG:** Không chạm vào trống hình. Dấu vân tay trên trống hình có thể ảnh hưởng đến chất lượng in.

4. Nếu bạn thấy bất kỳ vết xước, dấu vân tay hoặc hỏng hóc nào khác trên trống hình, hãy thay hộp mực in.
5. Cài đặt lại hộp mực in, rồi in vài trang để xem thử sự cố đã giải quyết chưa.

Kiểm tra môi trường in và giấy

Bước một: Hãy dùng giấy đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP

Một số sự cố về chất lượng in xảy ra do dùng giấy không đáp ứng đúng thông số kỹ thuật của HP.

- Luôn dùng loại và trọng lượng giấy mà sản phẩm này hỗ trợ.
- Dùng giấy có chất lượng tốt và không bị rách, không bị răng cưa, cắt, khắc, lõm đốm, vật thể nhỏ, hạt bụi, quần góc, bị khuyết, có kẹp giấy và quần hoặc cong cạnh.
- Dùng giấy chưa in.
- Dùng giấy không chứa vật liệu kim loại, như chất liệu lấp lánh.
- Dùng giấy dành riêng cho máy in laser. Không dùng giấy chỉ dành cho máy in Inkjet.
- Không được dùng giấy quá thô. Dùng giấy nhẵn mịn hơn thường đem lại chất lượng in tốt hơn.


Bước hai: Kiểm tra môi trường

Môi trường có thể ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng in và là nguyên nhân phổ biến đối với chất lượng in hoặc các vấn đề về nạp giấy. Thử các giải pháp sau đây:

- Di chuyển sản phẩm ra xa khỏi các vị trí có gió lùa như cửa sổ hay cửa mở hoặc các chỗ quạt thông gió điều hòa.
- Đảm bảo sản phẩm không tiếp xúc với nhiệt độ hoặc độ ẩm nằm ngoài khoảng thông số kỹ thuật của sản phẩm.
- Không đặt sản phẩm trong không gian kín như tủ hộp.
- Đặt sản phẩm trên bề mặt bằng phẳng và vững chắc.
- Loại bỏ bất cứ thứ gì chặn quạt thông gió trên sản phẩm. Sản phẩm cần được thông gió tốt ở tất cả các cạnh, bao gồm cả phần đỉnh của sản phẩm.
- Bảo vệ sản phẩm tránh các mảnh vụn trong không khí, bụi, hơi nước, dầu mỡ hoặc các yếu tố khác có thể tồn dư lại bên trong sản phẩm.

Bước 3: Đặt canh chỉnh khay riêng lẻ


Làm theo các bước sau khi văn bản hoặc ảnh không được đặt ở giữa hoặc canh chỉnh đúng trên trang in, lúc in từ các khay cố định.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau đây:
 - [Administration \(Quản trị\)](#)
 - [General Settings \(Cài đặt chung\)](#)
 - [Print Quality \(Chất lượng In\)](#)
 - [Image Registration \(Đăng ký Ảnh\)](#)
3. Chọn khay để điều chỉnh.
4. Chọn [Print Test Page \(In Trang Kiểm tra\)](#), sau đó làm theo các hướng dẫn trên các trang in ra.
5. Chọn [Print Test Page \(In Trang Kiểm tra\)](#) lần nữa để xác nhận các kết quả, sau đó điều chỉnh thêm nếu cần thiết.
6. Chạm vào nút [Save \(Lưu\)](#) hoặc bấm nút [OK](#) để lưu các cài đặt mới.

Hiệu chỉnh sản phẩm để canh màu

Hiệu chỉnh là một chức năng của sản phẩm giúp tối ưu hóa chất lượng in.

Làm theo các bước sau để giải quyết các sự cố về chất lượng in, như màu bị lệch, bóng màu, đồ họa bị nhòe hoặc các vấn đề khác về chất lượng in.

1. Bấm nút Home  (Màn hình chính) trên bảng điều khiển sản phẩm.
2. Mở các menu sau đây:
 - [Device Maintenance \(Bảo trì Thiết bị\)](#)
 - [Calibration/Cleaning \(Cân chỉnh/Lau dọn\)](#)
 - [Full Calibration \(Cân chỉnh đầy đủ\)](#)

3. Chọn **Start** (Bắt đầu) để bắt đầu quá trình cân chỉnh.

Thông báo **Calibrating** (Hiệu chỉnh) sẽ hiển thị trên bảng điều khiển sản phẩm. Quá trình hiệu chỉnh kéo dài khoảng vài phút. Không tắt sản phẩm cho đến khi hoàn tất quá trình hiệu chỉnh.

4. Chờ trong khi sản phẩm hiệu chỉnh, sau đó thử in lại.

Kiểm tra các cài đặt lệnh in khác

Khi in từ chương trình phần mềm, hãy làm theo các bước sau để thử giải quyết vấn đề bằng cách điều chỉnh các thiết đặt trình điều khiển in khác.

Điều chỉnh thiết đặt màu (Windows)


Làm theo các bước sau nếu màu trên các trang in không khớp với màu trên màn hình máy tính, hoặc nếu màu trên trang in không thỏa đáng.

Thay đổi chủ đề màu

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).
3. Bấm vào tab **Color** (Màu).
4. Chọn hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.
5. Chọn chủ đề màu từ danh sách **Color Themes** (Chủ đề màu) thả xuống.
 - **Default (sRGB)** (Mặc định (sRGB)): Chủ đề này thiết lập sản phẩm in dữ liệu RGB ở chế độ thiết bị thô. Khi dùng chủ đề này, hãy quản lý màu trong chương trình phần mềm hoặc trong hệ điều hành để biểu diễn chính xác.
 - **Vivid (Sắc sỡ) (sRGB)**: Sản phẩm tăng độ bão hòa màu trong các tông tầm trung. Dùng chủ đề này khi in hình đồ họa kinh doanh.
 - **Photo (Ảnh) (sRGB)**: Sản phẩm thể hiện màu RGB theo kiểu màu được in giống như ảnh chụp dùng máy in ảnh kỹ thuật số. Sản phẩm biểu diễn màu sâu hơn, có độ bão hòa cao hơn so với chủ đề Mặc định (sRGB). Dùng chủ đề này để in ảnh chụp.
 - **Photo (Adobe RGB 1998)**(Ảnh (Adobe RGB 1998)): Dùng chủ đề này để in ảnh kỹ thuật số dùng không gian màu AdobeRGB thay vì sRGB. Tắt quản lý màu trong chương trình phần mềm khi dùng chủ đề này.
 - **None**(Không): Không dùng chủ đề màu nào.
 - **Custom Profile** (Cấu hình tùy chỉnh): Chọn tùy chọn này để dùng cấu hình đầu vào tùy chỉnh để điều khiển đầu ra màu chính xác (ví dụ, để mô phỏng một sản phẩm HP Color LaserJet cụ thể). Tải xuống các cấu hình tùy chỉnh từ www.hp.com.
6. Bấm vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Thay đổi tùy chọn màu

1. Từ chương trình phần mềm, chọn tùy chọn **Print** (In).
2. Chọn sản phẩm, rồi bấm vào nút **Properties** (Thuộc tính) hoặc nút **Preferences** (Tùy chọn).

3. Bấm tab **Color** (Màu).
 4. Chọn hộp kiểm **HP EasyColor** để bỏ chọn.
 5. Bấm vào thiết đặt **Automatic** (Tự động) hoặc **Manual** (Thủ công).
 - Thiết đặt **Automatic** (Tự động): Chọn thiết đặt này cho hầu hết lệnh in
 - Thiết đặt **Manual** (Thủ công): Chọn thiết đặt này để điều chỉnh thiết đặt màu độc lập với các thiết đặt khác. Bấm vào nút **Settings** (Thiết đặt) để mở cửa sổ điều chỉnh màu thủ công.
-
-  **GHI CHÚ:** Thay đổi thiết đặt màu theo cách thủ công có thể ảnh hưởng tới kết quả bản in. HP khuyến nghị chỉ những chuyên gia đồ họa màu mới nên thay đổi các thiết đặt này.
-
6. Bấm vào tùy chọn **Print in Grayscale** (In trong màu xám) để in tài liệu màu thành màu đen và bóng xám. Dùng tùy chọn này để in tài liệu màu để sao chụp hoặc gửi fax. Cũng có thể dùng tùy chọn này để in các bản nháp hoặc để tiết kiệm bột màu.
 7. Bấm vào nút **OK** để đóng hộp thoại **Document Properties** (Thuộc tính Tài liệu). Trong hộp thoại **Print** (In), hãy bấm vào nút **OK** để in lệnh in.

Thử trình điều khiển in khác

Hãy thử sử dụng trình điều khiển in khác khi in từ một chương trình phần mềm và trang đã in có các dòng chứa hình ảnh không mong muốn, bị mất chữ, bị mất hình ảnh, định dạng sai hoặc phông chữ bị thay đổi.

Tải xuống bất kỳ trình điều khiển nào sau đây từ trang web của HP: www.hp.com/support/colorijM552, www.hp.com/support/colorijM553.

Trình điều khiển HP PCL 6	<ul style="list-style-type: none"> • Được cung cấp làm trình điều khiển mặc định trên CD sản phẩm. Trình điều khiển này được cài tự động nếu bạn không chọn một trình điều khiển khác. • Nên sử dụng cho tất cả các môi trường Windows • Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất, và hỗ trợ tính năng sản phẩm cho hầu hết người dùng • Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows • Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
Trình điều khiển HP UPD PS	<ul style="list-style-type: none"> • Nên sử dụng để in với chương trình phần mềm Adobe® hay với các chương trình phần mềm đồ họa chuyên sâu khác • Hỗ trợ khi in trong trường hợp cần mô phỏng postscript hoặc hỗ trợ phông chữ nhập nháy postscript

HP UPD PCL 5

- Nên sử dụng để in trong công việc văn phòng thông dụng trong tất cả các môi trường Windows
- Tương thích với các phiên bản PCL trước và các sản phẩm HP LaserJet cũ hơn
- Sự lựa chọn tốt nhất khi in từ các chương trình phần mềm của bên thứ ba hoặc chương trình phần mềm tùy chỉnh
- Sự lựa chọn tốt nhất khi hoạt động trong các môi trường hỗn hợp có yêu cầu phải cài đặt sản phẩm theo PCL 5 (UNIX, Linux, máy tính trung ương)
- Được thiết kế để sử dụng trong môi trường Windows trong doanh nghiệp nhằm mang đến một trình điều khiển duy nhất cho nhiều kiểu sản phẩm
- Được ưa chuộng khi in ra nhiều kiểu sản phẩm từ máy tính Windows di động

HP UPD PCL 6


- Nên sử dụng để in trong tất cả các môi trường Windows
 - Cung cấp tốc độ, chất lượng in tổng thể tốt nhất và hỗ trợ tính năng máy in cho hầu hết người dùng
 - Được phát triển để tương thích với Graphic Device Interface (GDI) của Windows để cho tốc độ tốt nhất trong môi trường Windows
 - Có thể không tương thích hoàn toàn với các chương trình phần mềm tùy chỉnh và của bên thứ ba dựa trên PCL 5
-

Giải quyết sự cố xảy ra với mạng có dây

Giới thiệu

Kiểm tra các mục sau để đảm bảo sản phẩm hiện truyền được tín hiệu qua mạng. Trước khi bắt đầu, hãy in trang cấu hình từ bảng điều khiển sản phẩm và tìm địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang này.

- [Kết nối vật lý kém](#)
- [Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này](#)
- [Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm](#)
- [Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này](#)
- [Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích](#)
- [Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai](#)
- [Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai](#)

 **GHI CHÚ:** HP không hỗ trợ mạng ngang hàng vì tính năng là chức năng của hệ điều hành Microsoft chứ không phải của trình điều khiển in HP. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập vào trang web của Microsoft tại địa chỉ www.microsoft.com.

Kết nối vật lý kém

1. Hãy kiểm tra xem sản phẩm có được cắm vào đúng cổng mạng bằng cách sử dụng cáp có độ dài phù hợp không.
2. Hãy kiểm tra xem các kết nối cáp có chắc không.
3. Kiểm tra kết nối cổng mạng trên mặt sau của sản phẩm, và chắc chắn rằng đèn hoạt động màu hổ phách và đèn báo tình trạng liên kết màu xanh lá cây vẫn sáng.
4. Nếu vẫn có vấn đề, hãy thử dùng dây cáp hoặc cổng khác trên bộ hub.

Máy tính đang sử dụng địa chỉ IP không chính xác cho sản phẩm này

1. Mở thuộc tính máy in và nhấp vào tab **Ports** (Cổng). Kiểm tra xem địa chỉ IP hiện tại cho sản phẩm có được chọn không. Địa chỉ IP của sản phẩm được liệt kê trên trang cấu hình sản phẩm.
2. Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn HP, hãy chọn ô **Always print to this printer, even if its IP address changes** (Luôn in vào máy in này ngay cả khi địa chỉ IP thay đổi).
3. Nếu bạn đã cài đặt sản phẩm bằng cổng TCP/IP chuẩn Microsoft, hãy sử dụng tên máy chủ thay cho địa chỉ IP.
4. Nếu đúng địa chỉ IP, hãy xóa sản phẩm và sau đó thêm lại.

Máy tính không thể giao tiếp với sản phẩm

1. Kiểm tra kết nối mạng bằng cách ping mạng.
 - a. Mở lời nhắc dòng lệnh trên máy tính của bạn.

- Đối với Windows, hãy nhấp **Start** (Bắt đầu), nhấp **Run** (Chạy), gõ `cmd` sau đó nhấn **Enter**.
 - Đối với OS X, hãy đến **Applications** (Ứng dụng), sau đó là **Utilities** (Tiện ích) và mở **Terminal** (Thiết bị cuối).
- b.** Nhập `ping` và địa chỉ IP cho sản phẩm của bạn.
 - c.** Nếu cửa sổ hiển thị thời gian khứ hồi, thì mạng đang hoạt động.
- 2.** Nếu lệnh ping báo lỗi, kiểm tra xem hub mạng có bật hay không, và sau đó kiểm tra các thông số kết nối mạng, sản phẩm và máy tính được cấu hình dùng chung một mạng.

Sản phẩm đang sử dụng liên kết và cài đặt in hai mặt không đúng cho mạng này

HP khuyên bạn để những cài đặt này ở chế độ tự động (cài đặt mặc định). Nếu bạn thay đổi những thông số cài đặt này, bạn cũng phải thay đổi chúng cho mạng của bạn.

Các chương trình phần mềm mới đã gây ra sự cố tương thích

Xác minh rằng mọi chương trình phần mềm mới đều được cài đặt đúng cách và sử dụng trình điều khiển in phù hợp.

Máy tính của bạn hoặc máy trạm bị cài đặt sai

- 1.** Hãy kiểm tra các trình điều khiển mạng, trình điều khiển in và cài đặt chuyển hướng mạng.
- 2.** Kiểm tra xem hệ điều hành có được cấu hình đúng không.

Sản phẩm bị tắt, hoặc các cài đặt mạng khác bị sai

- 1.** Xem lại trang cấu hình để kiểm tra tình trạng của giao thức mạng. Bật nó nếu cần.
- 2.** Định cấu hình lại cài đặt mạng nếu cần.

Bảng chú dẫn

A

AirPrint 54

B

bảng điều khiển
định vị 2

bảng điều khiển
tính năng định vị 5, 6

bảng điều khiển
trợ giúp 81

bàn phím
định vị 2

bảo mật
ổ cứng được mã hóa 73

bộ định dạng
định vị 4

bộ nhớ
đi kèm 8

bộ phận thay thế
số bộ phận 31

bộ thu gom bột mực
thay 38

Bảo mật IP 71

Bonjour
chỉ định 58

C

cài đặt trình điều khiển máy Mac
Lưu trữ Lệnh in 49

cài đặt in
Máy chủ Web Nhúng của HP
60

cài đặt bảo mật
Máy chủ web nhúng của HP
61

cài đặt mạng
Máy chủ web nhúng của HP
62

cài đặt in hai mặt qua mạng, thay
đổi 69

cài đặt tốc độ liên kết qua mạng,
thay đổi 69

cài đặt
khôi phục cài đặt gốc 82

cấu hình chung
Máy chủ web nhúng của HP
60

công tắc nguồn
định vị 2

cổng
định vị 5

cổng fax
định vị 5

cổng giao tiếp
định vị 5

cổng nối, cài đặt mặc định 68

cổng nối mặc định, cài đặt 68

cổng USB, tùy chọn
số bộ phận 30

cuộn sấy
kẹt giấy 95

cửa bên phải
kẹt giấy 95

Chăm sóc Khách hàng HP 80

Cổng in USB 2.0 Tốc độ Cao
định vị 5

Cổng LAN
định vị 5

Cổng RJ-45
định vị 5

Cổng USB
định vị 5
bật 55

CH

chế độ in sẵn đầu đề khác 21, 25
chế độ nghỉ 74

chương trình cơ sở

cập nhật, Mac 66

chủ đề màu

thay đổi, Windows 106

D

danh sách các liên kết khác
Máy chủ web nhúng của HP
64

dụng cụ xử lý sự cố
Máy chủ web nhúng của HP 61

dùng nguồn điện
1 watt hoặc ít hơn 74

Dịch vụ web HP
bật 62

Đ

điện
tiêu thụ 14

đặt hàng
mực in và phụ kiện 30

để
số bộ phận 30

Đăng nhập
bảng điều khiển 72

Địa chỉ IPv4 68

Địa chỉ IPv6 69

E

Ethernet (RJ-45)
định vị 5

Explorer, phiên bản được hỗ trợ
Máy chủ web nhúng của HP
58

GI

giải pháp in di động 8

giấy
chọn 104

- kẹt giấy 88
- nạp khay 1 18
- Hướng Khay1 19
- Hướng Khay 2 và các khay 550
tờ 24
- giấy, đặt hàng 30
- giấy đặc biệt
 - in (Windows) 44
- giấy bóng kính
 - in (Windows) 44
- giấy kẹt
 - tự động điều hướng 88

H

- hai mặt
 - thủ công (Mac) 46
- hai mặt thủ công
 - Windows 43
- hai mặt thủ công
 - Mac 46
- hệ điều hành (OS)
 - được hỗ trợ 8
- hệ điều hành, được hỗ trợ 9
- hiệu chỉnh
 - màu 105
- hộp mực
 - số đặt hàng 33
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít
84
 - thay thế 33
- hộp mực in
 - cài đặt ngưỡng còn ít 84
 - số đặt hàng 33
 - số bộ phận 31
 - thay thế 33
- hỗ trợ
 - trực tuyến 80
- hỗ trợ khách hàng
 - trực tuyến 80
- hỗ trợ kỹ thuật
 - trực tuyến 80
- hỗ trợ trực tuyến 80
- Hướng giấy
 - khay 1 19
 - Khay 2 và các khay 550 tờ 24
- HIP (ổ tích hợp phần cứng)
 - định vị 4
- HP ePrint 52
- HP Web Jetadmin 76

I

- in
 - lệnh in đã lưu 50
 - từ phụ kiện lưu trữ USB 55
- in di động, phần mềm được hỗ
trợ 11
- in di động
 - thiết bị Android 54
- in hai mặt
 - cài đặt (Windows) 43
 - Mac 46
 - Windows 43
- in hai mặt
 - thủ công (Windows) 43
- in hai mặt (hai mặt)
 - cài đặt (Windows) 43
- in trên cả hai mặt
 - cài đặt (Windows) 43
 - Mac 46
- in trên cả hai mặt
 - thủ công, Windows 43
 - Windows 43
- Internet Explorer, phiên bản được
hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP
58
- In easy-access USB 55
- In giao tiếp cận trường 52
- In NFC 52
- In Wireless Direct 52
- IPsec 71

J

- Jetadmin, HP Web 76

K

- kẹt
 - ngăn giấy đầu ra 100
 - vị trí 87
- kẹt giấy
 - cuộn sậy 95
 - cửa bên phải 95
 - khay 550 tờ 92
 - ngăn giấy đầu ra 100
 - nguyên nhân 88
 - vị trí 87
- Khay 1 88
- Khay 2 90
- Tray 1 88
- Tray 2 90

- kết nối nguồn
 - định vị 4
- kích thước, sản phẩm 12
- Khay 1
 - kẹt giấy 88
- Khay 2
 - kẹt giấy 90
- Khay 2 và các khay 550 tờ
 nạp 22

KH

- khay
 - định vị 2
 - đi kèm 8
 - khả năng chứa giấy 8
- khay 550 tờ
 - kẹt giấy 92
- khay giấy
 - số bộ phận 30
- khay giấy 550 tờ
 - số bộ phận 30
- khay nạp phong bì, nạp 26
- khóa
 - bộ định dạng 73
- khôi phục cài đặt gốc 82

L

- làm sạch
 - đường dẫn giấy 103
- lệnh in, đã lưu
 - tạo (Windows) 48
 - in 50
 - xóa 51
- lệnh in, đã lưu
 - cài đặt máy Mac 49
- lệnh in đã lưu
 - tạo (Windows) 48
- lệnh in đã lưu
 - tạo (Mac) 49
 - in 50
 - xóa 51
- loại giấy
 - chọn (Mac) 47
 - chọn (Windows) 44
- lưu lệnh in
 - bằng Windows 48
- lưu trữ, lệnh in
 - cài đặt máy Mac 49

M

mạng

- được hỗ trợ 8
- địa chỉ IPv4 68
- địa chỉ IPv6 69
- cài đặt, xem 67
- cài đặt, thay đổi 67
- cổng nối mạng định 68
- mặt nạ mạng phụ 68
- tên sản phẩm, thay đổi 67
- HP Web Jetadmin 76
- mạng khu vực cục bộ (LAN)
 - định vị 5
- màu
 - hiệu chỉnh 105
- mặt nạ mạng phụ 68
- máy chủ in không dây
 - số bộ phận 30
- mực in
 - đặt hàng 30
 - cài đặt ngưỡng còn ít 84
 - số bộ phận 31
 - sử dụng khi ở ngưỡng còn ít 84
 - thay bộ thu gom bột mực 38
 - tình trạng, xem bằng Tiện ích HP dành cho Mac 65
- Máy chỉ web nhúng của HP
 - cấu hình chung 60
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - tính năng 58
- Máy chủ web nhúng (EWS)
 - gán mật khẩu 71
 - kết nối mạng 58
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - tính năng 58
- Máy chủ web nhúng (EWS) của HP
 - kết nối mạng 58
- Máy chủ web nhúng của HP
 - cài đặt bảo mật 61
 - cài đặt mạng 62
 - danh sách các liên kết khác 64
 - dụng cụ xử lý sự cố 61
 - trang thông tin 59
- Máy chủ web nhúng của HP
 - Dịch vụ web HP 62

Máy chủ Web nhúng

- mở 67
- thay đổi tên sản phẩm 67
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - cài đặt in 60
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - thay đổi cài đặt mạng 67
 - thay đổi tên sản phẩm 67
- Máy chủ Web Nhúng của HP
 - mở 67
 - thay đổi cài đặt mạng 67

N

nap

- giấy vào Khay 1 18
- giấy vào Khay 2 và các khay 550 tờ 22
- nap giấy
 - Khay 2 và các khay 550 tờ 22
- nút bật/tắt
 - định vị 2
- Netscape Navigator, phiên bản
 - được hỗ trợ
 - Máy chủ web nhúng của HP 58
- Nút Help (Trợ giúp)
 - định vị 5, 6
- Nút Home (Màn hình chính)
 - định vị 5, 6
- Nút Language Selection (Lựa chọn Ngôn ngữ)
 - định vị 6
- Nút Network (Mạng)
 - định vị 6
- Nút Refresh (Làm mới)
 - định vị 6
- Nút Sign In (Đăng nhập)
 - định vị 6
- Nút Sign Out (Đăng xuất)
 - định vị 6
- Nút Sleep (Nghỉ)
 - định vị 6
- Nút Stop (Dừng)
 - định vị 5, 6

NG

- ngăn, ra
 - định vị 2

ngăn giấy đầu ra

- định vị 2
- xử lý giấy kẹt 100
- nguồn cung cấp
 - thay hộp mực in 33

NH

- nhãn
 - in (Windows) 44
 - in trên 27
- nhieu trang trên một tờ
 - chọn (Mac) 47
 - chọn (Windows) 44
 - in (Mac) 47
 - in (Windows) 44

O

- OS (hệ điều hành)
 - được hỗ trợ 8
- OS X
 - Tiện ích HP 65

Ổ

- ổ đĩa cứng
 - số bộ phận 30
- ổ cứng
 - được mã hóa 73
- ổ tích hợp phần cứng (HIP)
 - định vị 4

P

- Phần mềm HP ePrint 53

PH

- phần mềm
 - Tiện ích HP 65
- phong bì
 - hướng 19
 - nạp vào Khay 1 18
- phong bì, nạp 26
- phông chữ
 - tải lên, Mac 65
- phương tiện in
 - nạp vào Khay 1 18
- phụ kiện
 - đặt hàng 30
 - số bộ phận 30
- phụ kiện in hai mặt
 - định vị 4
- phụ kiện lưu trữ USB
 - in từ 55

phụ kiện NFC
số bộ phận 30

Q

quản lý mạng 67

S

số bộ phận
định vị 4
bộ phận thay thế 31
hộp mực in 31
mực in 31
phụ kiện 30
số sê-ri
định vị 4
sự cố nạp giấy
giải quyết 86
sử dụng năng lượng, tối ưu hóa
74

T

tải tệp lên, Mac 65
tình trạng hộp mực in 103
tình trạng mực in 103
tốc độ, tối ưu hóa 74
tùy chọn màu
thay đổi, Windows 106
Tiện ích HP 65
Tiện ích HP, OS X 65
Tiện ích HP dành cho Mac
tính năng 65
Bonjour 65
Trang web
HP Web Jetadmin, tải xuống
76
TCP/IP
định cấu hình thông số IPv4
theo cách thủ công 68
định cấu hình thông số IPv6
theo cách thủ công 69

TH

thay
bộ thu gom bột mực 38
thay thế hộp mực in 33
thiết bị Android
in từ 54
thông số kỹ thuật
điện và tiếng ồn 14
thông số kỹ thuật về điện 14
thông số kỹ thuật về âm thanh 14

TR

trang mỗi phút 8
trang thông tin
Máy chủ web nhúng của HP
59
trang web
hỗ trợ khách hàng 80
trạng thái
Tiện ích HP, Mac 65
trạng thái sản phẩm 5, 6
trình điều khiển in, được hỗ trợ 9
trình điều khiển, được hỗ trợ 9
trọng lượng, sản phẩm 12
trợ giúp, bảng điều khiển 81
trợ giúp trực tuyến, bảng điều
khiển 81

X

xóa
lệnh in đã lưu 51
xử lý sự cố
kẹt giấy 88
mạng có dây 109
sự cố nạp giấy 86
xử lý sự cố
sự cố mạng 109

Y

yêu cầu hệ thống
Máy chủ web nhúng của HP
58
yêu cầu trình duyệt
Máy chủ web nhúng của HP
58
yêu cầu trình duyệt web
Máy chủ web nhúng của HP
58